



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 62 - Số 656 / Kỳ II - 10/2023



**VIỆT NAM KHAI THÁC TỐT
TIỀM NĂNG KINH TẾ SỐ**



**HÀNH TRÌNH
ĐƯA VĂN HÓA VIỆT NAM RA THẾ GIỚI**



**CÁCH TÍNH CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI
CỦA LIÊN HỢP QUỐC VÀ VIỆC VẬN DỤNG
PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐỐI VỚI CẤP TỈNH,
THÀNH PHỐ CỦA VIỆT NAM**



**THÁI BÌNH:
ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI
TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

TRƯỜNG CĐ KỸ THUẬT HẢI PHÒNG: PHẦN ĐẦU TRỞ THÀNH TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM ĐÀO TẠO NHÂN LỰC KỸ THUẬT CHẤT LƯỢNG CAO

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng được thành lập vào tháng 12 năm 2022 trên cơ sở sáp nhập Trường Cao đẳng Cộng đồng Hải Phòng và Trường Trung cấp Xây dựng vào Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng. Dù mới đi vào hoạt động với tên gọi hoàn toàn mới, song đây là ngôi trường có bề dày hơn 62 năm đào tạo nhân lực kỹ thuật công nghệ chất lượng, được các doanh nghiệp trong và ngoài thành phố đánh giá cao.



Các đồng chí lãnh đạo Thành phố Hải Phòng kiểm tra tiến độ Dự án đầu tư xây dựng Trường CĐ Kỹ thuật Hải Phòng (Giai đoạn 1)

Tập trung ổn định bộ máy

Năm 2023 là một năm quan trọng đối với Trường CĐ Kỹ Thuật Hải Phòng, đánh dấu mốc đáng nhớ của Nhà trường. Việc sáp nhập và đổi tên trường nhằm thực hiện chủ trương của thành phố Hải Phòng về việc sắp xếp hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh giảm bộ máy, lao động để tập trung đầu tư, xây dựng, phát triển trở thành trường chất lượng cao đạt tiêu chuẩn cấp vùng. Ban Giám hiệu Trường CĐ Kỹ Thuật Hải Phòng cũng xác định đây là cơ hội tốt để Nhà trường mở rộng quy mô, ngành nghề đào tạo, bổ sung đội ngũ giáo viên có trình độ.

Để đứng vững và phát triển trong giai đoạn mới, kiện toàn tổ chức được Nhà trường xác định là nhiệm vụ tiên quyết hàng đầu. Với tinh thần đoàn kết, quyết tâm xây dựng Trường ngày càng vững mạnh, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã tập trung làm tốt công tác tư tưởng, động viên khuyến khích một số cán bộ quản lý đảm nhận vị trí mới. Công tác đánh giá đội ngũ cán bộ, giáo viên giảng viên được triển khai tới từng người. Từ đó, Ban lãnh đạo Trường xây dựng phương án

bố trí, sắp xếp cho phù hợp với từng ngành/nghề đào tạo. Đồng thời, Trường cũng tập trung xây dựng và hoàn thiện quy chế tổ chức, hoạt động và các quy chế, quy định khác để cán bộ, giáo viên, nhân viên làm việc có nền nếp, năng động, hiệu quả trong điều kiện các cơ sở đào tạo cách xa nhau.

Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo

Điểm thuận lợi đó là trong giai đoạn 2016-2020, trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng được Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội lựa chọn 7 nghề trọng điểm (trình độ quốc gia: 02 nghề, ASEAN: 02 nghề, Quốc tế: 02 nghề) để ưu tiên đầu tư. Vì vậy, hiện nay Trường CĐ Kỹ thuật Hải Phòng có được hệ thống các thiết bị dạy nghề khá đầy đủ, đồng bộ và hiện đại, phần nào đáp ứng yêu cầu đào tạo các nghề trọng điểm như Điện công nghiệp; Điện tử công nghiệp; Cắt gọt kim loại; Hàn; Công nghệ ô tô; Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính...

Bên cạnh đó, để có nguồn lao động (khởi kỹ thuật) có kỹ năng nghề cao phục vụ cho các ngành kinh tế quan trọng của Thành phố, trước đó, năm 2022, UBND Thành phố

đã phê duyệt Dự án xây dựng Trường CĐ Công nghiệp Hải Phòng (giai đoạn 1) với tổng mức đầu tư gần 376 tỷ đồng tại địa điểm xã Mỹ Đức, huyện An Lão.

Khi giai đoạn 1 của Dự án xây dựng Trường hoàn thành, Trường CĐ Kỹ thuật Hải Phòng đủ điều kiện để thực hiện tiếp Dự án "Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp" sử dụng nguồn vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản đầu tư các trang thiết bị thực hành, đào tạo tiên tiến, hiện đại tương đương tiêu chuẩn của Trường Cao đẳng Bách Khoa Nhật Bản.

Song song với quá trình đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, Ban lãnh đạo Trường cũng đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo; duy trì 100% giáo viên đạt chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc ba và tương đương, từng bước nâng chuẩn so với quy định.

Để tiếp tục đẩy mạnh hợp tác đào tạo, tư vấn quản lý sản xuất, cung cấp học bổng và giới thiệu việc làm, tuyển dụng học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp vào làm việc tại doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài Thành phố. Trường CĐ Kỹ thuật Hải Phòng đang tiếp tục mời chuyên gia của doanh nghiệp tham gia tư vấn để xây dựng chương trình đào tạo có hai kỳ thực tập tại doanh nghiệp vào năm học thứ hai và năm học thứ ba. Hiện nay, Trường đang tiếp tục duy trì hợp tác với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất như: Công ty TNHH Chế tạo máy EBA Việt Nam; Công ty TNHH LG Display Việt Nam, Công ty cổ phần Giải pháp năng lượng VinES...

Với những lộ trình phát triển rõ ràng, cùng sự chuẩn bị tích cực quan tâm của Thành phố, Trường CĐ Kỹ thuật Hải Phòng nỗ lực phấn đấu phát triển thành Trường trọng điểm chất lượng cao, có uy tín trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ./.

Đình Đình

HỘI THẢO HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC QUY CHẾ, QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN, NỘI QUY CỦA NGÀNH THỐNG KÊ

Chiều ngày 11/10/2023, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội thảo Hướng dẫn xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định, Hướng dẫn, Nội quy của ngành Thống kê. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương tham dự và chỉ đạo Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có các Phó Tổng cục trưởng: Nguyễn Thanh Dương; Nguyễn Trung Tiến; Lê Trung Hiếu; đại diện lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị thuộc TCTK. Hội thảo được kết nối trực tuyến với các Cục Thống kê tỉnh/thành phố trực thuộc TW, Trường Cao đẳng Thống kê I, II.

Tại Hội thảo, ông Nguyễn Bình, Chánh văn phòng TCTK đã giới thiệu Hướng dẫn quy trình xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định, Hướng dẫn, Nội quy của ngành Thống kê. Theo đó, Hướng dẫn bao gồm các nội dung:

Mục đích xây dựng Hướng dẫn: Thống nhất quy trình xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định, Hướng dẫn, Nội quy trong toàn ngành Thống kê; Đảm bảo đầy đủ, đồng bộ các văn bản hướng dẫn nhằm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và công tác chuyên môn nghiệp vụ của ngành Thống kê.

Đối tượng áp dụng của Hướng dẫn bao gồm: Lãnh đạo Tổng cục; Các đơn vị thuộc Tổng cục; Công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các đơn vị thuộc Tổng cục.

Hướng dẫn cũng nêu rõ về: Thẩm quyền, trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản hướng dẫn; Quy trình xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản hướng dẫn của TCTK, các đơn vị sự nghiệp thuộc TCTK, Cục Thu thập dữ liệu



và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê và Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; công tác Tổ chức thực hiện.

Tại Hội thảo, Chánh văn phòng TCTK cũng đã báo cáo Tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Hướng dẫn quy trình xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định, Hướng dẫn, Nội quy của ngành Thống kê. Theo đó, đến ngày 31/8/2023, Văn phòng Tổng cục đã nhận được văn bản góp ý của 54 đơn vị; trong đó 33 đơn vị nhất trí hoàn toàn với dự thảo; 21 đơn vị có ý kiến đóng góp bằng văn bản. Ngoài ra, Văn phòng Tổng cục cũng nhận được ý kiến góp ý của các lãnh đạo Tổng cục.

Tại Hội thảo, các đại biểu tiếp tục thảo luận và đóng góp ý kiến với các nội dung trong Hướng dẫn như: Phạm vi áp dụng đối với các văn bản do TCTK ban hành; Khái niệm về xây dựng và sửa đổi Văn bản hướng dẫn; Quy trình, trách nhiệm của các đơn vị...

Phát biểu kết luận tại Hội thảo, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương đánh giá cao sự chủ động cũng như những nội dung Văn phòng Tổng cục đã nghiên cứu, chuẩn bị, tổng hợp và Báo cáo tại Hội thảo. Việc ban hành Hướng dẫn là một sáng kiến có tính đổi mới, giúp cho các đơn vị trong toàn Ngành có được quy trình

thống nhất trong xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định, Hướng dẫn, Nội quy của ngành Thống kê... Đây cũng là một nội dung quan trọng, có ý nghĩa kết nối và hoàn thiện công tác trong hoạt động chuyên môn, là một mắt xích giúp cho việc chuyển đổi số trong Ngành được triển khai đồng bộ và tiến hành nhanh hơn. Khi Quy trình được thông qua sẽ giúp cho quá trình tin học hóa được triển khai thống nhất và áp dụng hiệu quả hơn.

Để hoàn thiện và đi đến thống nhất ban hành văn bản Hướng dẫn, Tổng cục trưởng đề nghị: Văn bản hướng dẫn cần nêu rõ về sự cần thiết, đề xuất chủ trương xây dựng văn bản, bổ sung phạm vi, mục đích, giải thích từ ngữ... Thống nhất tên gọi của văn bản đảm bảo đúng quy định. Phạm vi áp dụng của hướng dẫn là các tổ chức và cá nhân trong toàn Ngành, bao gồm cả các văn bản quản lý điều hành chuyên môn nghiệp vụ. Các đơn vị cần tiếp tục bổ sung rõ hơn về đối tượng áp dụng; bổ sung rõ về hệ thống các văn bản áp dụng trong Hướng dẫn... Tiếp tục nghiên cứu rà soát phân công trách nhiệm nhằm hoàn thiện chức năng nhiệm vụ, đảm bảo tính phù hợp khi ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất trong toàn Ngành./.

T.Hòa

TỔNG CỤC THỐNG KÊ HỌP ĐẦU MỐI CÁC NHÓM CÔNG TÁC ASEAN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Để triển khai các hoạt động hướng tới Kỳ họp Hệ thống thống kê Cộng đồng ASEAN (ACSS) lần thứ 13 tại Indonesia vào tháng 11/2023, sáng ngày 10/10/2023, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức họp đầu mối các Nhóm công tác ASEAN và các đơn vị liên quan. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương tham dự và chủ trì cuộc họp.

Tham dự cuộc họp có các Phó Tổng cục trưởng: Nguyễn Thanh Dương, Nguyễn Trung Tiến; đại diện lãnh đạo và chuyên các vụ liên quan của Cơ quan TCTK; và đại diện đầu mối các nhóm công tác ASEAN.

Mở đầu là báo cáo kết quả hoạt động của Tiểu ban Kế hoạch và Điều phối do đại diện Vụ Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế (HTQT) trình bày. Báo cáo cho biết, tính đến hết tháng 9/2023, SCPC Việt Nam đã Tham dự Cuộc họp SCPC25; Hợp trực tuyến xây dựng nội dung, góp ý dự thảo Báo cáo cuối kỳ Kế hoạch chiến lược ACSS 2016-2025; Hợp trực tuyến hướng dẫn tự đánh giá Kế hoạch công tác 2023 và các chỉ tiêu thực hiện chính; Thực hiện đánh giá Nguyên tắc hoạt động ACSS (CoP) phần A - Môi trường thể chế; Hợp trực tuyến SCPC26.

Đặc biệt, với sự tham gia của SCPC Việt Nam, cuộc họp SCPC26 đã thảo luận và đưa ra các quyết định, hướng dẫn và góp ý về một số nội dung quan trọng như: Thảo luận và đồng thuận về tiến trình tăng cường phổ biến các chỉ tiêu SNA; Thảo luận và thông qua nội dung Báo cáo đánh giá cuối kỳ của Kế hoạch chiến lược ACSS 2016-2025; Thảo luận về Tài liệu triển khai thực hiện hoạt động

ước lượng khu vực nhỏ (SAE) để tính toán các chỉ tiêu nhằm đo lường các thành tựu SDG; Tiến độ thực hiện Khung ASEAN (AHAF) năm 2023 và kế hoạch 2024; Các hoạt động chuẩn bị cho Kỳ họp lần thứ 13 Ủy ban Hệ thống thống kê ASEAN (ACSS13) và một số hoạt động khác. Tại cuộc họp, Vụ HTQT đã đưa ra một số ý kiến đề xuất đối với các nhóm công tác về công tác phối hợp, cung cấp số liệu, tích cực tham gia các hoạt động của ASEAN, tăng cường vị thế thống kê Việt Nam trong khu vực.

Báo cáo hoạt động của WGDSA do đại diện Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê trình bày đã đề cập đến các nội dung: Cập nhật Biểu mẫu thống kê nhất các chỉ tiêu thống kê ASEAN (ASI-CT); Dự án thí điểm Big data cho Thống kê chính thức; Tham dự Cuộc họp lần thứ 21 của Nhóm công tác Chia sẻ, phân tích, phổ biến và truyền thông thống kê ASEAN (WGDSA21); đánh giá dữ liệu mở của ACSS năm 2022 (2 năm một lần); tăng cường đo lường chất lượng cho CoP phần B và C;...

Báo cáo Công tác thống kê Thương mại quốc tế về hàng hoá và dịch vụ của Việt Nam trong hội nhập thống kê ASEAN của WGIMTS do đại diện Vụ Thống kê Thương mại dịch vụ trình bày cho thấy, về cơ bản công tác thống kê thương mại quốc tế về hàng hóa Việt Nam đã thực hiện được theo các khuyến nghị của cảm nang hướng dẫn thống kê thương mại quốc tế về hàng hoá (IMTS2010) và các yêu cầu của Bộ phận thống kê ASEAN (Aseanstats). Bên cạnh đó, WGIMTS đã thực hiện nội dung công việc liên quan đến thống kê thương mại quốc tế về dịch vụ

Việt Nam theo yêu cầu của Ban Thư Ký ASEAN.

Theo Báo cáo của WGSDDI do đại diện Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thông tin thống kê trình bày, trong năm 2023, Nhóm đã tham gia Hợp nhóm công tác WGSDDI6; Cung cấp số liệu hàng năm; Triển khai khung AHAF và một số hoạt động khác theo yêu cầu của thống kê ASEAN. Qua cuộc họp, WGSDDI đề xuất: Tăng cường hợp tác, chia sẻ thông tin với các Bộ, ngành; tăng cường lồng ghép vào các cuộc điều tra thống kê hiện hành; tiếp tục cập nhật, học hỏi kinh nghiệm, phương pháp tính của các chỉ tiêu mới, đề xuất quy định khi sửa đổi Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam.

Báo cáo của WGSNA do Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia trình bày cho biết, trong năm 2023, WGSNA Việt Nam đã tham gia triển khai công việc trong theo đúng kế hoạch đề ra; phối hợp tốt với Aseanstat trong triển khai các công việc theo yêu cầu; cung cấp số liệu, góp ý, đề xuất các thông tin đầy đủ, đúng thời gian yêu cầu của Aseanstat. Về kế hoạch năm 2024, WGSNA Việt Nam dự kiến sẽ tổng kết các công việc về tài khoản quốc gia của Tổng cục Thống kê triển khai thực hiện trong năm 2023; Cung cấp số liệu theo yêu cầu của Aseanstat; Tiếp tục phối hợp với Aseanstat triển khai hỗ trợ kỹ thuật theo AHAF; Tham gia họp nhóm công tác WGSNA định kỳ với Aseanstat và các quốc gia thành viên.

Theo Báo cáo của Nhóm công tác về Thống kê vốn đầu tư quốc tế của WGII do đại diện Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng,

từ năm 2010 đến nay, WGIIIS Việt Nam đã thực hiện cung cấp cho Thống kê ASEAN đầy đủ số liệu thống kê đầu tư nước ngoài vào Việt Nam; cung cấp số liệu đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Việt Nam từ năm 2014 đến nay;

Tại cuộc họp, hai Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Thanh Dương và Nguyễn Trung Tiến thể hiện quan điểm thống nhất khi đánh giá cao về sự nỗ lực làm việc, cung cấp số liệu cho ASEAN và các kiến nghị của đầu mối các Nhóm công tác. Theo đó, qua thời gian thực hiện công việc, các đầu mối cần nêu rõ các khó khăn vướng mắc, đề xuất giải pháp phối hợp thực hiện, đề xuất kiến nghị với ASEAN giải pháp tháo gỡ, tạo thuận lợi cho hoàn thành công việc.

Kết thúc cuộc họp, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương đề nghị các Nhóm công tác cần sớm kiện toàn tổ chức nhân sự để có căn cứ điều phối công việc, phối hợp công tác; điều chỉnh cách thức thực hiện, phối hợp giữa các đơn vị, xây dựng khung báo cáo trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các đơn vị về tổ chức thực hiện; Xây dựng biểu mẫu khung đề xuất kiến nghị mang tầm quốc gia dùng trong các cuộc họp nhóm ASEAN. Cuối cùng, các nhóm cần quan tâm, hỗ trợ, kết nối với nhau chặt chẽ, hiệu quả vì vị thế Thống kê quốc gia./

Thu Hiền

HỘI THẢO DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 94/2016/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 94/2022/NĐ-CP

Sáng ngày 17/10/2023, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội thảo xin ý kiến về Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ (quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê) và sửa đổi, bổ sung một số điều, Phụ lục II của Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ (quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương). Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì Hội thảo.

Tại Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, hiện nay việc thực hiện thu thập số liệu thống kê còn tồn tại một số bất cập, gây khó khăn cho công tác thực hiện các báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng, quý, năm; tính toán các chỉ tiêu thống kê nhằm phục vụ cho các phiên họp của Chính phủ. Chính vì vậy, TCTK rất cần có sự phối hợp từ các Bộ, ngành có liên quan cũng như UBND tại các địa phương để thực hiện thống nhất các chỉ tiêu thống kê, các báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội và đưa ra mốc thời gian công bố phù hợp và khả thi...

Cũng tại Hội thảo, ông Nguyễn Đình Khuyến, Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thông tin thống kê trình bày Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 94/2016/NĐ-CP và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP, tập trung vào các nội dung chính sau: Căn cứ pháp lý, nội dung Dự thảo Nghị định sửa đổi, kế hoạch thực hiện, nội dung xin ý kiến.

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 94/2016/NĐ-CP và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP gồm 3 Điều và 2 phụ lục kèm theo. Theo đó, đề nghị sửa đổi Lịch phổ biến một số thông tin thống kê quan trọng của cơ quan Thống kê trung ương quy định tại Phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP; Sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục II của Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Nghị định số 94/2022/NĐ-CP).

Tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã thảo luận, đóng góp ý kiến về các nội dung về thời gian công bố GRDP, GDP, ngày nhận báo cáo của các biểu số liệu...

Kết luận Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương ghi nhận và đánh giá cao các góp ý hữu ích và có trách nhiệm của các đại biểu tham dự Hội thảo, đồng thời đề nghị Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê tiếp tục rà soát và phối hợp với các Vụ nghiệp vụ cũng như các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thống nhất về các nội dung: Thống nhất thời gian gửi biểu mẫu và công bố chỉ tiêu kinh tế, xã hội tháng, quý, năm; chuẩn bị công tác tuyên truyền cho các nội dung sửa đổi để tạo được sự ủng hộ, đồng thuận thống nhất từ các Bộ, sở, ban, ngành, địa phương; Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê cần phối hợp chặt chẽ với Các Vụ nghiệp vụ, Cục thu thập dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, các Cục Thống kê địa phương,... để sớm hoàn thiện Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 94/2016/NĐ-CP và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP.../.

Thu Hường



BỨC TRANH TĂNG TRƯỞNG CẢ NƯỚC 9 THÁNG VÀ KỶ VỌNG KHỞI SẮC TRONG NHỮNG THÁNG CÒN LẠI CỦA NĂM 2023

Nguyễn Thị Mai Hạnh

Vụ trưởng Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia - TCTK

Bức tranh tăng trưởng cả nước 9 tháng năm 2023

Mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn nhưng kinh tế Việt Nam quý III và 9 tháng năm 2023 vẫn đang trong xu hướng dần cải thiện.

Tăng trưởng trong quý III đạt 5,33%, cao nhất so với 2 quý đầu năm. Trong đó, khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,72%; Công nghiệp xây dựng tăng 5,19% (riêng Công nghiệp tăng 4,57%) và Dịch vụ tăng 6,24%. Nhìn chung, trong quý III, hoạt động công nghiệp đã có chuyển biến tích cực sau thời kỳ suy giảm âm (-0,75%) của quý I và chỉ tăng nhẹ 0,95% của quý II; đóng góp 2,13 điểm % tăng trưởng. Khu vực dịch vụ vẫn là điểm sáng nhất của nền kinh tế, đóng góp 2,94 điểm % và khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục vững vàng ổn định, đóng góp 0,44 điểm % vào mức tăng trưởng 5,51% của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế.

Tính chung 9 tháng tăng trưởng kinh tế đạt 4,24%; Trong đó, khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,43%; Công nghiệp, xây dựng tăng 2,41% (riêng Công nghiệp

tăng 1,65% và Dịch vụ tăng 6,32%. Đóng góp cho mức tăng trưởng 4,39% của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế trong 9 tháng qua chủ yếu vẫn từ khu vực Dịch vụ 3,01 điểm %; khu vực Công nghiệp và Xây dựng vẫn còn nhiều khó khăn nhưng đã tạm thời chấm dứt đà tăng trưởng âm từ quý I, đóng góp 0,98 điểm % và khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 0,40 điểm %. Sự phục hồi tuy còn yếu của hoạt động Công nghiệp trong quý III tiếp tục là tín hiệu lạc quan hơn cho triển vọng kinh tế những tháng cuối năm.

Điểm qua một số kết quả của các ngành như sau:

- Ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn ổn định và tiếp tục xu hướng tăng nhẹ. Trong đó: Sản xuất lúa vụ đông xuân, sản lượng một số cây ăn quả đạt khá so với cùng kỳ năm trước, chăn nuôi phát triển ổn định, nuôi trồng thủy sản đạt kết quả khả quan nhờ thời tiết nhìn chung thuận lợi, tập trung nuôi thâm canh, siêu thâm canh và ứng dụng công nghệ cao; dịch bệnh trong ngành chăn nuôi không xuất hiện diện rộng... xuất khẩu một số mặt hàng nông sản

tăng mạnh, như: Rau quả tăng 71,8%, hạt điều tăng 14,3%, gạo tăng 40,4% so cùng kỳ.

- Ngành Công nghiệp có sự phục hồi khá tốt trong quý III với mức tăng trưởng đạt 4,57%, tính chung 9 tháng đạt 1,65%; trong đó, đáng kể là hoạt động sản xuất và phân phối điện, tăng gần 6% trong quý III và 2,9% trong 9 tháng, đảm bảo cho nhu cầu tiêu thụ điện trong sản xuất và đời sống dân cư; hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,61% trong quý III và 1,98% trong 9 tháng, bước qua mức tăng âm 0,49% của quý I và vượt trên mức tăng trưởng 0,6% của quý II. Đây là tín hiệu tốt của khu vực sản xuất cho những tháng cuối năm.

- Một số ngành Dịch vụ thị trường trong quý III tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá ổn định kể từ đầu năm như: Dịch vụ Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng trên 8%; Vận tải kho bãi tăng trên 9,6%; Dịch vụ lưu trú và ăn uống trên 8,7%. Tính chung 9 tháng, các ngành này vẫn tăng trưởng rất tốt, là điểm sáng của khu vực dịch vụ trong năm 2023.

Nhìn từ phía cầu

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 9 tháng đầu năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 2260,5 nghìn tỷ đồng, tăng 5,9% so với cùng kỳ 2022 và cải thiện ở cả 3 khu vực.

Cán cân thương mại 9 tháng năm 2023 ước tính thặng dư trên 21 tỷ USD, tuy nhiên kim ngạch xuất, nhập khẩu đều giảm là tín hiệu đáng lo ngại.

Tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình mặc dù không sôi động như thời kỳ trước dịch Covid-19 nhưng cơ bản vẫn đảm bảo mức tăng ổn định do quý III có nhiều hoạt động, sự kiện mà người dân có nhu cầu tăng tiêu dùng như mùa du lịch, khai giảng năm học mới, tết Trung Thu...

Nhìn chung, kết quả tăng trưởng 9 tháng năm 2023 được đóng góp và hỗ trợ bởi một số yếu tố thuận lợi như: Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục là "bệ đỡ" của nền kinh tế đang tích cực đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu vừa đảm bảo nguồn cung và an ninh lương thực, vừa gặt hái được nhiều kết quả tích cực tạo nên tăng trưởng ổn định trong thời gian qua. Khối ngành Dịch vụ đang từng bước phục hồi với điểm sáng là hoạt động du lịch. Du lịch phát triển cao điểm kể từ cuối tháng Tư đã kích thích cầu tiêu dùng gia tăng; từ đó lan tỏa mạnh tới sản xuất của nhóm ngành dịch vụ khác như vận tải, lưu trú ăn uống, lễ hành, hoạt động nghệ thuật, vui chơi giải trí... là yếu tố tích cực trong tăng trưởng kinh tế. Kinh tế vĩ mô giữ ổn định, chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ kết hợp hiệu quả đã giúp kiểm soát lạm phát ở vùng an toàn, lãi suất điều hành giảm dần là cơ sở để giảm lãi suất cho vay hỗ trợ sản xuất.

Đặc biệt, Chính phủ đang nỗ lực đẩy mạnh giải ngân vốn

đầu tư công sẽ là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng. Điểm quan trọng khác là, hoạt động sản xuất công nghiệp đang dần được phục hồi, chỉ số PMI của Việt Nam đã quay trở lại mức trên 50 trong tháng 8/2023 sau 5 tháng giảm liên tiếp (dưới 50). Theo nhận định của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến chế tạo, 67,6% doanh nghiệp đánh giá hoạt động SXKD quý III/2023 so với quý II/2023 tốt hơn và 76,3% doanh nghiệp đánh giá hoạt động SXKD quý IV/2023 tốt hơn so với quý III/2023.

Bên cạnh các yếu tố thuận lợi, một số khó khăn, thách thức đã và đang kìm hãm tăng trưởng của 9 tháng năm 2023. Cụ thể: Cầu thế giới phục hồi yếu, lạm phát vẫn ở mức cao; chi phí nguyên, nhiên, vật liệu tăng cao, chuỗi cung ứng thiếu ổn định đều dẫn tới năng lực sản xuất của các doanh nghiệp công nghiệp giảm sút. Động lực từ khu vực sản xuất tuy đã có cải thiện so với 6 tháng đầu năm nhưng còn khá yếu do thiếu hụt đơn hàng; chi phí đầu vào tăng cao; thị trường xuất khẩu thu hẹp... Hoạt động xuất, nhập khẩu phục hồi chậm do nhu cầu thế giới giảm; Thị trường BĐS tiếp tục ảm đạm, dòng tiền luân chuyển hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh áp lực đáo hạn và trả nợ trái phiếu doanh nghiệp năm 2023 lớn; Thu hút FDI chưa thực sự hiệu quả và bền vững.

Thuận lợi và khó khăn tăng trưởng kinh tế trong những tháng còn lại của năm 2023

Tăng trưởng kinh tế quý III năm 2023 đã được cải thiện đáng kể và xu thế phục hồi cũng trở nên rõ nét hơn. Dù còn nhiều khó khăn nhưng từ nay đến cuối năm kinh tế Việt Nam vẫn có triển vọng tăng trưởng từ các yếu tố tích cực như: Cầu đầu tư sẽ được hỗ trợ lớn

từ đầu tư công đang được triển khai ráo riết theo cam kết của Chính phủ, các Bộ, ngành và chính quyền địa phương. Đầu tư công sẽ là đòn bẩy cho các luồng đầu tư ngoài nhà nước và đầu tư FDI; Cầu tiêu dùng sẽ có thể cải thiện do xu thế tiêu dùng thường tăng vào cuối năm; Về phía cung, ngành Nông nghiệp sẽ tiếp tục thể hiện vai trò là "trụ đỡ" vững chắc của nền kinh tế; Khu vực Công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến chế tạo thoát khỏi vòng suy giảm âm từ đầu năm và có dấu hiệu khởi sắc trong quý III sẽ giảm tối đa áp lực cho tăng trưởng.

Bên cạnh đó, khu vực Dịch vụ những tháng cuối năm được dự báo sẽ tiếp tục có sự tăng trưởng khá; Lạm phát được kiểm soát hiệu quả sẽ giúp ổn định dòng tiền là yếu tố quan trọng cho tăng trưởng kinh tế; Mặt bằng lãi suất đã giảm và dự kiến lãi suất cho vay khả năng tiếp tục giảm trong thời gian tới sẽ kích thích tăng trưởng, hỗ trợ sản xuất - kinh doanh và kích thích tiêu dùng của người dân.

Ngoài ra, hoạt động xuất nhập khẩu những tháng cuối năm có khả năng được cải thiện do hoạt động sản xuất đã bớt khó khăn và xu hướng tăng nhẹ của hoạt động xuất khẩu những tháng gần đây. Bên cạnh đó, một số nền kinh tế phát triển như Mỹ, Nhật Bản có dấu hiệu tăng trưởng trở lại. Tiêu dùng trong nước có xu hướng tăng vào cuối năm. Đặc biệt, Việt Nam đang tích cực triển khai dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thuộc chương trình phục hồi phát triển kinh tế KTXH. Đây cũng là động lực chính để phát triển kinh tế những tháng cuối năm.

Bên cạnh các yếu tố thuận lợi, nền kinh tế vẫn phải đối mặt

với một số khó khăn, thách thức trong những tháng cuối năm. Cụ thể: Sản xuất công nghiệp tuy có chuyển biến tích cực nhưng còn chậm, chưa phục hồi hoàn toàn. Hoạt động xuất, nhập khẩu có khả năng chưa thể tăng do tác động tiêu cực từ khó khăn của kinh tế thế giới. Nhiều doanh nghiệp chưa thoát khỏi khó khăn, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn do cơ hội phát triển thị trường, đơn hàng sụt giảm; chi phí đầu vào cho sản xuất, xuất khẩu vẫn cao và có xu hướng gia tăng... Đầu tư nước ngoài còn gặp nhiều khó khăn khi các nhà đầu tư chưa mở rộng quy mô đầu tư vào các dự án đang hoạt động ở Việt Nam.

Trên cơ sở các nhận định trên, tăng trưởng kinh tế nhiều khả năng sẽ được cải thiện trong quý tới. Tuy nhiên, với những khó khăn từ bên ngoài và nội tại nền kinh tế thì tăng trưởng kinh tế sẽ không cao như kỳ vọng.

Giải pháp thúc đẩy tăng trưởng những tháng cuối năm

- Ổn định tình hình kinh tế - chính trị - xã hội, tạo niềm tin cho người đầu tư.

- Phát huy hiệu quả các chính sách tài khóa (hỗ trợ doanh nghiệp và người dân như giãn, hoãn, giảm thuế...); chính sách tiền tệ (cơ cấu lại nợ, giảm lãi suất, phí dịch vụ, các gói tín dụng ưu đãi) nhằm hỗ trợ doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng; chính sách thúc đẩy đầu tư công, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các thị trường đất đai, bất động sản, xây dựng, du lịch, vốn...

- Sử dụng hiệu quả quỹ bình ổn xăng dầu nhằm ổn định sản xuất, kích thích tiêu dùng của người dân.

- Song song với giảm thuế, hoãn thuế, cần giảm các loại phí và hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm những thị trường mới.

- Tận dụng tốt các FTA (Hiệp định thương mại tự do) đã ký kết; đẩy mạnh đàm phán, ký kết thêm các hiệp định mới; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng cho doanh nghiệp.

- Định hướng hoạt động xuất khẩu nông sản, thủy sản; tăng cường các khâu kiểm soát chất lượng hàng hoá nhập khẩu theo các quy định và các biện pháp WTO cũng như thông lệ quốc tế cho phép để kiểm soát chất lượng hàng hoá đầu vào, loại bỏ những mặt hàng có chất lượng kém, không phù hợp với các tiêu chuẩn Việt Nam.

- Thực hiện có hiệu quả các Chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước, thúc đẩy phân phối hàng hóa qua nền tảng số, thương mại điện tử để mở rộng tiêu dùng nội địa; vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam. Chú trọng đầu tư hiện đại hóa hệ thống phân phối ở vùng nông thôn, miền núi để đẩy mạnh đưa hàng Việt về nông thôn, đẩy mạnh triển khai các hoạt động kích cầu tiêu dùng nội địa tại các địa phương có các sản phẩm đặc thù, lợi thế.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư công, ưu tiên các dự án sắp hoàn thành; sớm đưa vào sử dụng các dự án có quy mô, có tiềm năng nhằm duy trì và mở rộng năng lực sản xuất - kinh doanh.

- Đẩy mạnh tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Khuyến khích các phương thức đầu tư, mô hình kinh doanh mới, xanh, ít phát thải, có sự tham gia của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, đầu tư tư nhân, nhất là phát huy hiệu quả mô hình hợp tác công - tư vào đầu tư cơ sở hạ tầng./.

Việt Nam khai thác tốt tiềm năng kinh tế số

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế số nhờ đó kinh tế số đã có những bước phát triển ấn tượng. Theo đó, năm 2020, với nhiều chiến lược chính sách chuyển đổi số quốc gia, đánh dấu năm khởi động nhận thức về chuyển đổi số. Năm 2021 là năm bắt đầu triển khai, trải nghiệm về chuyển đổi số trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Năm 2022 thực hiện tăng tốc chuyển đổi số quốc gia và là năm đầu tiên thực hiện Ngày Chuyển đổi số quốc gia, khi Việt Nam lấy ngày 10/10 hàng năm là Ngày Chuyển đổi số quốc gia. Năm 2023 theo Bộ Thông tin và Truyền thông là năm tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới, trong đó tập trung vào số hóa, làm giàu và kết nối dữ liệu; tăng cường bảo vệ dữ liệu; đẩy mạnh triển khai các dịch vụ công, tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tại hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2023 về chuyển đổi số quốc gia, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã thể hiện quyết tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện thể chế số nhằm tạo lập hành lang pháp lý giúp kiến tạo, phát triển trên không gian mới (không gian số), giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn chuyển đổi số thời gian vừa qua, giải quyết các "điểm nghẽn" nhằm thúc đẩy chuyển đổi số nhanh tại Việt Nam. Theo đó, Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi), cùng 1 Nghị định, 2 Chỉ thị, 1 Công điện, 7 Nghị quyết, 11 Thông báo kết luận của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ đã được ban hành.



VIỆT NAM KHAI THÁC TỐT TIỀM NĂNG KINH TẾ SỐ

ThS. Phạm Linh Giang - ThS. Nguyễn Thị Nga

Đại học Lao động - Xã hội

Kinh tế số đang tạo ra những cơ hội để Việt Nam có thể tận dụng nhằm bứt tốc phát triển kinh tế, là động lực quan trọng để đưa nước ta sớm trở thành quốc gia có công nghệ hiện đại và sáng tạo, từ đó rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển. Ngày 3/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Mục tiêu vào năm 2025, kinh tế số Việt Nam sẽ chiếm 20% tổng sản phẩm quốc nội và tăng lên 30% vào năm 2030.

Trong quá trình triển khai thực hiện kinh tế số, một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu quả của kinh tế số là hoạt động thương mại điện tử (TMĐT). Trong giai đoạn 2020 - 2022, dịch bệnh Covid - 19 diễn ra phức tạp làm ảnh hưởng nặng nề đến đời sống của người dân, tình hình sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế, song đây lại là cơ hội để kinh tế số Việt Nam phát triển. Hoạt động TMĐT trở thành kênh kết nối cung cầu hàng hóa, dịch vụ hữu hiệu trong nền kinh tế, đưa hoạt động mua bán trực tuyến trở nên phổ biến. Trong 3 năm (từ năm 2020 - 2022), số lượng người tiêu dùng mua sắm trực tuyến tăng nhanh. Nếu như năm 2020, số lượng người tiêu dùng mua sắm trực tuyến là 49,3 triệu người; năm 2021, con số này tăng lên 54,6 triệu người và năm 2022 khoảng 57 - 60 triệu người. Sách trắng Thương mại

điện tử Việt Nam 2022 ghi nhận, tỷ lệ người dùng Internet tham gia mua sắm trực tuyến chiếm đến 74,8% số người dùng Internet, với các mặt hàng chủ yếu là quần áo, giày dép, mỹ phẩm (chiếm 69%), tiếp đến là thiết bị đồ dùng gia đình (chiếm 64%); đứng thứ 3 là đồ công nghệ và điện tử (chiếm 51%)... Theo Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (Bộ Công Thương), năm 2023, ước tính tổng doanh thu TMĐT tại thị trường Việt Nam sẽ cán mốc 20,5 tỷ USD, tăng trưởng 25%. Báo cáo Kinh tế số Đông Nam Á của Google dự báo, thị trường TMĐT Việt Nam tiếp tục bùng nổ trong những năm tới và sẽ cán mốc 39 tỷ USD vào năm 2025.

Về cơ sở dữ liệu, đến tháng 6/2023, Đề án phát triển dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022- 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06 của Bộ Công an) đã kết nối chính thức

với 13 Bộ, ngành, 4 doanh nghiệp và 63/63 địa phương để phục vụ khai thác thông tin dân cư. Có 96 bộ, ngành, địa phương (gồm: 33 bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố) hoàn thành kết nối và đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức. Tổng số dữ liệu được đồng bộ tự động về cơ sở dữ liệu quốc gia là 2.087.114 hồ sơ, trong đó Bộ, ngành là 132.626/253.837 hồ sơ, đạt 50,25%, địa phương là 1.974.488/2.030.095 hồ sơ, đạt 96,28%.

Hạ tầng số đã được quan tâm phát triển và xác định đi trước một bước. Theo Bộ Thông tin và Truyền thông, năm 2022, hệ thống 5G đã triển khai thử nghiệm ở hơn 40 tỉnh/thành phố trong cả nước; hệ thống cáp quang được xây dựng tới 100% các xã, phường, thị trấn, 91% thôn bản, 100% trường học. Mạng truyền số liệu chuyên dụng được kết nối tới 100% cấp xã. Tỷ lệ người dân sử dụng Internet

có xu hướng tăng lên từ 58,1% năm 2017 đến 75% năm 2022. Hoạt động an toàn thông tin mạng ngày càng được quan tâm triển khai thực hiện, đảm bảo tốt cho các hoạt động kinh tế số. Theo Tổng cục Thống kê, tổng số thuê bao điện thoại tại thời điểm cuối tháng 9/2023 ước đạt gần 128,2 triệu thuê bao. Số thuê bao truy cập internet bằng rộng cố định tại thời điểm cuối tháng Chín ước đạt gần 22,2 triệu thuê bao, tăng 6,2% so với cùng thời điểm năm trước.

Về dịch vụ công trực tuyến: Trên cổng dịch vụ công quốc gia, tính đến ngày 25/9/2023, số thủ tục hành chính đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến là 4.556 thủ tục; 2.644 dịch vụ công cho công dân; 2.418 dịch vụ công cho doanh nghiệp; số hồ sơ đồng bộ trạng thái xử lý lên cổng Dịch vụ công quốc gia là khoảng 244,9 triệu hồ sơ; số hồ sơ trực tuyến thực hiện qua cổng Dịch vụ công quốc gia là hơn 25,1 triệu hồ sơ.

Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, có 3 bộ có số lượng dịch vụ công trực tuyến cao nhất gồm: Bộ Tài chính có 207 dịch vụ, Bộ Công an có 202 dịch vụ và Bộ Giao thông vận tải có 203 dịch vụ. Trong các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh Thanh Hóa và Long An có số dịch vụ công trực tuyến cao nhất toàn quốc với số dịch vụ công ương ứng là 1.716 dịch vụ và 1.569 dịch vụ.

Tỷ lệ đóng góp của kinh tế số vào tăng trưởng kinh tế (GDP) có xu hướng tăng. Kết quả tính thử nghiệm sơ bộ từ Tổng cục Thống kê cho thấy, tỷ trọng giá trị tăng thêm kinh tế số trong GDP năm 2022 là 12,86%, trong đó ngành kinh tế số lõi đóng góp 7,82% (chiếm 60,85%), số hóa các ngành khác đóng góp 5,03%

(chiếm 39,15%), bình quân giai đoạn 2019-2022 đạt khoảng 11,53%. Theo khu vực kinh tế, đóng góp kinh tế số của khu vực dịch vụ trong GDP cao nhất, bình quân giai đoạn 2019-2022 đạt 6,60%; khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 5,97%; số hóa trong khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản có tỷ trọng thấp nhất trong 3 khu vực, bình quân giai đoạn 2019-2022 chỉ đóng góp khoảng 0,05% trong GDP. Giai đoạn 2019-2022, quy mô của kinh tế số có xu hướng gia tăng, thể hiện sự nỗ lực của Chính phủ trong việc đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, hoạt động số hóa của các ngành kinh tế ngày càng được đẩy mạnh, đặc biệt là các ngành dịch vụ có xu hướng số hóa ngày càng tăng, giúp tỷ trọng đóng góp giá trị gia tăng của khu vực dịch vụ trong GDP từ 6,49% năm 2019 lên 6,74% năm 2022.

Một số ngành công nghiệp tại Việt Nam đang được số hóa nhanh chóng như: TMĐT, du lịch, nội dung số và fintech. Cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam luôn nỗ lực đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số vào sản xuất kinh doanh, từng bước tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào kinh tế số với việc sử dụng nền tảng số SMEDx cũng đã có sự thay đổi lớn, tăng từ 16.000 doanh nghiệp năm 2021 lên 77.000 doanh nghiệp năm 2022. Việt Nam cũng đã có một số doanh nghiệp rất thành công trong các ngành công nghệ thông tin, phần mềm, ứng dụng công nghệ số như: FPT, Viettel...

Báo cáo chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2022 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), năm 2022 Việt Nam thuộc nhóm

quốc gia đạt được những tiến bộ lớn nhất trong thập kỷ qua (tăng 20 bậc), xếp vị trí 48/132 quốc gia, giảm 4 bậc so với năm 2021 (năm 2021 xếp thứ 44/132 quốc gia) và xếp vị trí thứ 3 khu vực Đông Nam Á, sau Xin-ga-po (thứ 7) và Thái Lan (thứ 43). Ngoài ra, Việt Nam dẫn đầu thế giới về nhập khẩu công nghệ cao; đồng thời có sự cải thiện vị trí xếp hạng về đầu ra thứ hạng 35 (năm 2021 là 38). Đặc biệt, Việt Nam cùng với I-ran (hạng 53) và Phi-li-pin (hạng 59) là 3 nền kinh tế thu nhập trung bình có tốc độ tăng trưởng hiệu suất đổi mới nhanh nhất.

Có thể thấy với nền kinh tế số đang ngày càng phát triển đã tạo ra môi trường thuận lợi cho các ngành nghề kinh doanh ở Việt Nam hoạt động ngày càng sôi động hơn, từ TMĐT, quảng cáo trực tuyến trên các trang mạng xã hội (Facebook, instagram), giải trí (Netflix, Pinterest), giao thông vận tải (Uber, Grab, GoViet) đến phân phối, bán buôn và bán lẻ (Lazada, Shopee),... Ngoài ra, phát triển kinh tế số hứa hẹn sẽ là yếu tố đem lại nhiều cơ hội trong thực hiện quá trình phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng hiện đại trong thời gian tới.

Cơ hội và giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế số ở Việt Nam trong thời gian tới

Thực tế cho thấy, phát triển nền kinh tế số Việt Nam đang có triển vọng rất tích cực. Việt Nam với dân số hơn 100 triệu người được đánh giá là một trong những quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế số ở mức khá trong khu vực ASEAN.

Chính phủ Việt Nam đã thể hiện rõ quyết tâm, định hướng và nỗ lực hành động mạnh mẽ trong thúc đẩy phát triển kinh tế số, trong đó chú trọng xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số,

hình thành cổng thông tin điện tử quốc gia, cải cách nền hành chính theo hướng số hóa và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đặc biệt, ngày 3/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” với mục tiêu phấn đấu đến năm 2025, Việt Nam thuộc nhóm 70 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI) và thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về công nghệ thông tin (IDI); kinh tế số chiếm 20% GDP; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%. Đến năm 2030, Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI) và thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về công nghệ thông tin (IDI); kinh tế số chiếm 30% GDP; Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%. Tuy nhiên, việc phát triển kinh tế số vẫn còn một số tồn tại liên quan đến thể chế, hạ tầng số, nguồn nhân lực; chuyển đổi số ở một số cấp, ngành, địa phương và các doanh nghiệp còn hạn chế; các nền tảng số Make in Vietnam còn non trẻ; những thách thức về bảo mật thông tin, hạ tầng công nghệ...

Do đó, để thúc đẩy nền kinh tế số phát triển, Việt Nam cần chú trọng một số giải pháp trong thời gian tới như:

Về hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển kinh tế số

- Chính phủ Việt Nam đã và đang thực hiện các bước đi cần thiết để tạo điều kiện cho phát triển kinh tế số như: Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý, cơ chế chính sách cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Thúc đẩy các hoạt động thu hút đầu tư vốn trong hoạt động

nghiên cứu phát triển R&D trong lĩnh vực công nghệ thông tin và công nghệ số.

- Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các tiêu chí phù hợp với thực tế ở Việt Nam và cách đo lường trên thế giới nhằm thống nhất cách đánh giá kết quả hoạt động của kinh tế số, tạo thuận lợi cho sự so sánh giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới.

- Cần tiếp tục có những chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc phát triển công nghệ số tại chính đơn vị của doanh nghiệp.

- Việt Nam cần có các biện pháp tăng cường đối thoại các quốc gia đối tác để hài hòa chính sách, tạo ra một môi trường số chung thống nhất, an toàn và đảm bảo cho sự phát triển bền vững của kinh tế số trong tương lai

Về phát triển hạ tầng số

- Đảm bảo doanh nghiệp, người dân tiếp cận với internet tốc độ cao, thúc đẩy các doanh nghiệp phổ cập điện toán đám mây.

- Thúc đẩy các dự án đầu tư phát triển hạ tầng số. Hướng tới phát triển hạ tầng số đồng bộ, đảm bảo kết nối thông tin, lưu trữ và xử lý dữ liệu cũng như đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong môi trường số.

- Thúc đẩy phát triển hạ tầng phục vụ cho hoạt động TMĐT, đặc biệt là hệ thống thanh toán điện tử.

Về thúc đẩy đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số

- Tăng cường phát triển nguồn nhân lực đáp ứng với các yêu cầu đặt ra của nền kinh tế số. Xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, đào tạo lại kỹ năng số cho lực lượng lao động công nghệ cũng như đào tạo kỹ năng số cơ bản cho người dân nhằm thích ứng với xu thế chuyển đổi số, phát triển kinh tế số.

- Thúc đẩy hỗ trợ các hình thức hợp tác đào tạo giữa các nhà trường, viện nghiên cứu và tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước trong đào tạo nhân lực chuyển đổi số.

- Xây dựng mạng lưới, kết nối các chuyên gia, nhà khoa học nhằm thúc đẩy gắn kết nghiên cứu, chia sẻ tri thức về hoạt động chuyển đổi số.

Về đẩy mạnh tuyên truyền phát triển kinh tế số

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về phát triển kinh tế số giúp doanh nghiệp nhận thức vai trò quan trọng của hoạt động chuyển đổi số hướng tới tăng năng suất và hiệu quả kinh doanh. Từ đó giúp doanh nghiệp thay đổi tư duy và nhận thức trong đổi mới, sáng tạo, áp dụng mô hình kinh doanh số.

- Doanh nghiệp, người tiêu dùng cần tích cực tham gia vào hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, chia sẻ thông tin, hoạt động đào tạo về chuyển đổi số.

- Thường xuyên tổ chức hội thảo để chia sẻ cập nhật sản phẩm, công nghệ có liên quan mới nhất của xã hội, các xu thế phát triển trong giai đoạn mới, qua đó góp phần tích cực thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh mẽ hơn của kinh tế số tại Việt Nam.

Đảm bảo an toàn trong phát triển kinh tế số:

- Cần tiếp tục triển khai các giải pháp giám sát mạng, để đảm bảo an toàn cho khách hàng khi sử dụng các dịch vụ điện tử.

- Gia tăng bảo mật thông tin, dữ liệu của các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trên các nền tảng IoT và đẩy mạnh việc thiết lập hợp tác, phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành trong việc đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng../.

HIỆU QUẢ TỪ CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THUẾ

Thu Hường

Những tháng đầu năm 2023, Chính phủ tiếp tục triển khai nhiều chính sách gia hạn, giảm thuế, phí và tiền thuê đất nhằm hỗ trợ doanh nghiệp (DN) và người dân. Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu cùng những biến động thị trường như hiện nay thì việc sử dụng chính sách hỗ trợ thuế là rất kịp thời và hiệu quả, góp phần thúc đẩy tiến trình phục hồi sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thúc đẩy tiêu dùng và đưa nền kinh tế dần lấy lại đà tăng trưởng.



Hàng loạt các chính sách hỗ trợ thuế được triển khai

Nhiều năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều gói hỗ trợ giãn, giảm tiền thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất; hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động; giảm thuế giá trị gia tăng... Đặc biệt, trong năm 2023, một loạt chính sách tài khóa tiếp tục được nới dài nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, tạo động lực thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, góp phần phục hồi tăng trưởng kinh tế.

Ngay từ quý đầu năm, trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, thách thức, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 12/2023/NĐ-CP về gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023 đối với doanh nghiệp, tổ chức và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2023. Theo đó, Chính phủ cho gia hạn 6 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng từ tháng Ba đến tháng Năm năm 2023 và quý I năm 2023, gia hạn 5 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng Sáu năm 2023 và quý II

năm 2023, gia hạn 4 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng Bảy năm 2023, gia hạn 3 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng Tám năm 2023; gia hạn 3 tháng đối với số thuế thu nhập DN tạm nộp quý I, quý II của kỳ tính thuế thu nhập DN năm 2023; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân năm 2023 chậm nhất là ngày 30/12/2023; gia hạn 6 tháng đối với 50% số tiền thuê đất phát sinh phải nộp năm 2023.

Tháng 6/2023, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị định số 36/2023/NĐ-CP ngày 21/6/2023 về gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước. Theo đó, sẽ gia hạn thời hạn nộp thuế phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế tháng Sáu, Bảy, Tám và tháng 9/2023 đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước. Dự kiến sẽ gia hạn khoảng từ 10.400 đến 11.200 tỷ đồng.

Ngoài ra, Chính phủ chính thức ban hành Nghị định số 41/2023/NĐ-CP quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơmoóc

hoặc somi rơmoóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước. Theo đó, từ ngày 1/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, mức thu lệ phí trước bạ bằng 50% mức thu quy định tại Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/1/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ. Bộ Tài chính đánh giá, việc giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ có tác động tích cực đối với người tiêu dùng, nhà sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước và kinh tế-xã hội.

Và gần đây nhất, Chính phủ ban hành Nghị định số 44/2023/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội. Theo đó, từ ngày 1/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023, sẽ tiếp tục giảm thuế giá trị gia tăng với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%, trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ.

Hàng loạt những giải pháp về miễn, giảm, gia hạn tiền thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất đã góp phần hỗ trợ cho doanh nghiệp cũng như người dân hàng trăm

ngàn tỷ đồng. Theo số liệu của Bộ Tài chính, trong năm 2023, tổng số thuế miễn, giảm, giãn hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp ước khoảng 200 nghìn tỷ đồng. Số thuế thực tế đã thực hiện miễn, giảm, giãn tính đến tháng 8/2023 khoảng gần 130 nghìn tỷ đồng, trong đó, số tiền thuế, tiền thuê đất thuộc diện được gia hạn khoảng trên 89 nghìn tỷ đồng; số tiền thuế, tiền thuê đất được miễn, giảm khoảng trên 39 nghìn tỷ đồng. Trong số tiền thuế, tiền thuê đất được miễn, mức giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng (trừ etanol), dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn, mỡ nhờn, dầu hỏa, nhiên liệu bay khoảng 22,7 nghìn tỷ đồng; giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước khoảng 3,4 nghìn tỷ đồng; giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8% khoảng 2,5 nghìn tỷ đồng; giảm thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước khoảng 1,3 nghìn tỷ đồng.

Giới chuyên gia nhận định, những chính sách hỗ trợ thuế dù làm ảnh hưởng đến nguồn thu của ngân sách nhà nước, tuy nhiên số tiền thuế được hỗ trợ sẽ góp phần giúp doanh nghiệp, tổ chức và người dân vượt qua khó khăn để phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh, đồng thời có tác dụng kích thích tiêu dùng, đầu tư, qua đó đóng góp vào kết quả khôi phục lại nền kinh tế của đất nước sau dịch bệnh và góp phần thực hiện an sinh xã hội. Vì vậy, về bản chất, các chính sách hỗ trợ thuế của Chính phủ chính là giải pháp nuôi dưỡng nguồn thu bền vững hơn. Điều này cho thấy sự linh hoạt trong việc thực hiện chính sách tài khóa của Chính phủ, góp phần ổn định

kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy phục hồi phát triển kinh tế - xã hội.

Hiệu quả từ những chính sách hỗ trợ thuế

Thực tế cho thấy, các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân về thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất được khẩn trương xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện được đánh giá là kịp thời, có tác động tích cực và được cộng đồng doanh nghiệp, người dân hưởng ứng, đánh giá cao, qua đó góp phần vào những kết quả đạt được trong phục hồi và phát triển của doanh nghiệp, người dân và nền kinh tế trong thời gian qua.

Theo các chuyên gia kinh tế, việc Chính phủ ban hành Nghị định 12/2023/NĐ-CP về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023 là động thái được các doanh nghiệp đón nhận, có tác động tích cực tới nhiều doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong nền kinh tế quốc dân.

Qua Nghị định giãn, hoãn thuế này, các doanh nghiệp hoàn toàn có thể tính được dòng tiền, được hoãn giãn bao nhiêu thuế chưa phải nộp, từ đó, chủ động dùng nguồn lực đó vào sản xuất kinh doanh cũng như tái sản xuất. Triển khai Nghị định 12/2023/NĐ-CP giúp các doanh nghiệp có thể tiết kiệm chi phí sử dụng vốn lớn, tiết kiệm thời gian, giảm lo lắng thủ tục vay nợ tìm kiếm nguồn tài chính, chí phí dùng vốn cho doanh nghiệp.

Nhìn lại việc triển khai việc giãn, hoãn thuế trong năm 2022, thì việc triển khai với các tiêu chí, tiêu chuẩn, điều kiện thực hiện chính sách rõ ràng, có tác động khá mạnh tới tình hình doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Bên cạnh

tác động về mặt kinh tế, qua việc được thụ hưởng chính sách giãn, hoãn thuế từ Nghị định của Chính phủ, các doanh nghiệp được động viên rất lớn về tinh thần, thể hiện Chính phủ, các cơ quan của nhà nước luôn đồng hành, quan tâm đến doanh nghiệp. Về phía các doanh nghiệp cũng sẽ phải có ý thức quản lý, tài chính công khai minh bạch, hết thời hạn miễn giảm hoàn trả cho nhà nước theo yêu cầu.

Liên quan đến Nghị định số 44/2023/NĐ-CP của Chính phủ về việc giảm thuế giá trị gia tăng các hàng hóa, dịch vụ từ 10% xuống còn 8%, các chuyên gia kinh tế phân tích, việc giảm thuế VAT lần này giúp doanh nghiệp giảm 2% thuế VAT các chi phí đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh. Theo đó, Việc giảm chi phí sản xuất kinh doanh đầu vào tạo điều kiện giảm giá hàng hoá đầu ra, giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí hơn.

Bên cạnh đó, việc giảm thuế VAT mang lại lợi ích tích cực đối với người tiêu dùng, giúp họ chủ động quản lý và chi tiêu nhiều hơn trong việc mua hàng. Các mặt hàng có thuế suất VAT 10% có tỉ trọng khá lớn, do đó, việc này có tác động như một biện pháp kích cầu tiêu dùng vì hàng hoá dễ bán hơn thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh.

Do đó, nhìn dưới góc độ vĩ mô, việc Chính phủ hỗ trợ giảm thuế VAT sẽ kích thích chi tiêu nền kinh tế, từ đó thúc đẩy tăng trưởng GDP. Hơn nữa, việc giảm giá hàng hoá sẽ giảm sức ép lạm phát, làm cho đồng tiền Việt Nam có sức mạnh hơn, từ đó góp phần ổn định giá trị đồng tiền so với các đồng tiền quốc tế, đặc biệt là USD. Việc tỉ giá ổn định cũng góp phần thúc đẩy hoạt động thu hút FDI và thúc đẩy

hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam, bảo đảm các cân đối vĩ mô lớn của nền kinh tế quốc dân.

Thực tế cho thấy, năm 2022, việc giảm 2% thuế GTGT đã hỗ trợ doanh nghiệp, người dân khoảng 44.500 tỷ đồng, góp phần giảm giá thành hàng hóa, dịch vụ, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và tạo thêm việc làm cho người lao động. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2022 tăng 19,8% so với năm trước. Thu thuế GTGT nội địa không giảm mà còn tăng 10% so với cùng kỳ. Năm 2023, việc thực hiện chính sách giảm thuế GTGT, ước giảm thu ngân sách nhà nước khoảng 24.000 tỷ đồng, song tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 8 tháng đầu năm 2023 tăng 10% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, việc giảm thuế GTGT không chỉ hỗ trợ doanh nghiệp và người dân mà ngân sách nhà nước cũng được hưởng lợi vì khi doanh nghiệp sống khỏe, mở rộng sản xuất, kinh doanh thì Nhà nước sẽ có thêm nguồn thu thuế.

Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước diễn biến phức tạp, nền kinh tế và doanh nghiệp sẽ còn gặp nhiều khó khăn hơn trong những tháng cuối năm, tạo sức ép lớn tới ổn định kinh tế vĩ mô, phục hồi và phát triển nhiều ngành, lĩnh vực. Vì vậy, việc tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ thuế là cần thiết, phù hợp với bối cảnh kinh tế hiện nay để kịp thời hỗ trợ người dân, doanh nghiệp. Qua đó, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh sớm phục hồi và phát triển để đóng góp trở lại cho ngân sách nhà nước cũng như nền kinh tế.

Xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực, có lợi thế tăng khá

Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, tháng 9/2023, cả xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng trưởng dương so với cùng kỳ năm trước, ghi nhận xu hướng tích cực sau nhiều tháng từ đầu năm giảm liên tiếp. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng Chín ước đạt 60,53 tỷ USD, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước (trong đó, xuất khẩu ước tính tăng 4,6%, nhập khẩu ước tính tăng 2,6%).

Về xuất khẩu, trong 9 tháng năm 2023, tuy rằng kim ngạch xuất khẩu không ngừng tăng, tháng sau cao hơn tháng trước, nhưng có đến 7 tháng kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, đến tháng 9/2023, kim ngạch xuất khẩu đã quay trở lại tăng trưởng dương.

Kim ngạch xuất khẩu các tháng năm 2023

	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9
Xuất khẩu (Tỷ USD)	23,61	26,02	29,67	27,86	28,06	29,46	30,74	32,76	31,41
Tốc độ tăng/giảm so với tháng trước (%)		10,2	14,0	-6,1	0,7	5,0	4,3	6,6	-4,1
Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	-23,5	9,9	-14,2	-16,5	-8,9	-10,0	-1,8	-7,1	4,6

Theo đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 9/2023 ước đạt 31,41 tỷ USD, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) cũng đều đạt tăng trưởng dương, tương ứng đạt 8,3 tỷ USD, tăng 17,9% và 23,11 tỷ USD, tăng 0,5%. Đây là xu hướng tích cực của xuất khẩu hàng hóa sau 3 tháng bị giảm sâu liên tục.

Theo đánh giá của Tổng cục Thống kê, điểm sáng tích cực của hoạt động xuất khẩu trong tháng 9/2023 thể hiện qua hai khía cạnh. Đó là, nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu mà Việt Nam có lợi thế so sánh vẫn đạt mức tăng khá cao như: Rau quả tăng 160%; gạo tăng 80,4% (lượng tăng 37,8%); sắn và các sản phẩm của sắn tăng 41,8% (lượng tăng 34,2%); hạt điều tăng 39,6% (lượng tăng 56%); hạt tiêu tăng 22,7% (lượng tăng 37,6%). Bên cạnh đó, xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực cũng tăng trưởng dương trong tháng 9/2023: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 5,3 tỷ USD, tăng 1,1%; điện thoại các loại và linh kiện đạt 5,2 tỷ USD, tăng 3%; hàng dệt may đạt 3 tỷ USD, tăng 9,6%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,2 tỷ USD, tăng 6,7%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 1,2 tỷ USD, tăng 24,1%.

Mặc dù vậy, tính chung 9 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa vẫn giảm so với cùng kỳ năm trước, ước đạt 259,67 tỷ USD, giảm 8,2%. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 68,86 tỷ USD, giảm 5,7%, chiếm 26,5% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 190,81 tỷ USD, giảm 9,1%, chiếm 73,5%.

Trong 9 tháng năm 2023 có 31 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,2% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 62,2%).

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 9 tháng năm 2023, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản ước đạt 3,21 tỷ USD, chiếm 1,2%; nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 229,22 tỷ USD, chiếm 88,3%; nhóm hàng nông sản, lâm sản ước đạt 20,6 tỷ USD, chiếm 7,9%; nhóm hàng thủy sản ước đạt 6,64 tỷ USD, chiếm 2,6%.

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA: HY VỌNG KHỞI SẮC NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM

ThS. Nguyễn Thị Thọ
Đại học Công nghiệp Hà Nội

Sau nửa đầu năm suy giảm, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam những tháng gần đây đã có nhiều tín hiệu tích cực, tháng sau cao hơn tháng trước và trong tháng 9/2023, cả xuất khẩu và nhập khẩu đều đạt tăng trưởng dương so với cùng kỳ năm trước. Theo các chuyên gia kinh tế, các giải pháp xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường của các doanh nghiệp đã mang lại kết quả tích cực, tạo đà cho xuất nhập khẩu của Việt Nam tăng trưởng trong những tháng cuối năm.

Nhập khẩu ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực

Sau 8 tháng liên tiếp từ đầu năm đều giảm sâu, nhập khẩu hàng hóa cũng có những tín hiệu tích cực trong tháng 9/2023. Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 9/2023 ước đạt 29,12 tỷ USD, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 10,37 tỷ USD, tăng 7%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 18,75 tỷ USD, tăng 0,3%.

Kim ngạch nhập khẩu các tháng năm 2023

	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9
Nhập khẩu (tỷ USD)	22,95	23,24	28,29	25,11	25,97	26,27	27,10	29,32	29,12
Tốc độ tăng/giảm so với tháng trước (%)		1,3	21,7	-11,2	3,4	1,2	3,2	8,2	-0,7
Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	-22,1	-9,4	-13,1	-22,3	-21,1	-19,0	-12,5	-5,0	2,6

Trong tháng 9 năm 2023, nhiều mặt hàng nhập khẩu có giá trị kim ngạch cao ước tính tăng so với cùng kỳ năm trước: Hạt điều ước tính tăng 92,1%; quặng và khoáng sản tăng 62,3%; than đá tăng 49,9%; tân dược tăng 45,3%; sắt thép tăng 38,8%; dây điện và cáp điện tăng 34,3%; thủy sản tăng 15,9%; sản phẩm chất dẻo tăng 11,4%; thức ăn gia súc và nguyên phụ liệu, gỗ và sản phẩm gỗ, hóa chất cùng tăng 9,3%.

Trong đó, đáng chú ý là 2 mặt hàng quan trọng và có giá trị kim ngạch nhập khẩu lớn nhất đều tăng: Điện tử, máy tính và linh kiện ước đạt 8,8 tỷ USD, tăng 31,1%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác đạt 3,8 tỷ USD, tăng 2%.

Tính chung 9 tháng năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 237,99 tỷ USD, giảm 13,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 85,12 tỷ USD, giảm 11,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 152,87 tỷ USD, giảm 14,9%.

Tính chung 9 tháng, có 37 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 89,7% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 2 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 39,3%).

Xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng Chín năm 2023



Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 9 tháng năm 2023, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước đạt 223,08 tỷ USD, chiếm 93,7%, trong đó: Nhóm hàng máy móc

thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 45,5%; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 48,3%; nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng ước đạt 14,91 tỷ USD, chiếm 6,3%.

Triển vọng những tháng cuối năm 2023

Theo Tổng cục Thống kê, xét theo quý, tốc độ tăng trưởng của cả xuất khẩu và nhập khẩu đều có xu hướng tích cực. Trong đó về xuất khẩu, quý II tăng 8,1% so với quý I; quý III tăng 10,3% so với quý II. Về nhập khẩu, quý II tăng 4% so với quý I; quý III tăng 11% so với quý II.

Về thị trường, trong 9 tháng năm 2023, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 70,9 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 79,1 tỷ USD.

Trong 9 tháng năm 2023, xuất siêu sang Hoa Kỳ ước đạt 60,7 tỷ USD, giảm 18% so với cùng kỳ năm trước; sang EU ước đạt 21,6 tỷ USD, giảm 10,7%; sang Nhật Bản 1,3 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 4,5 triệu USD). Nhập siêu từ Trung Quốc đạt 36,9 tỷ USD, giảm 26,6%; từ Hàn Quốc 20,7 tỷ USD, giảm 29,7%; từ ASEAN 5,7 tỷ USD, giảm 39,6%.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 9/2023 ước tính xuất siêu 2,29 tỷ USD. Tính chung 9 tháng năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 21,68 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 6,9 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 16,26 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 37,94 tỷ USD.

Những tín hiệu tích cực trên thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa trong thời gian qua là kết quả của việc triển khai đồng bộ nhiều giải pháp của Chính phủ nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp,

thúc đẩy sản xuất trong nước, đa dạng hóa nguồn cung, tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường. Bên cạnh đó, sự nỗ lực, vượt khó của các doanh nghiệp trong việc tiết giảm chi phí sản xuất để gia tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm, tìm kiếm đơn hàng, mở rộng đối tác... là những yếu tố tạo đà cho xuất khẩu của Việt Nam tăng trưởng trong những tháng cuối năm.

Về triển vọng những tháng cuối năm 2023, Tổng cục Thống kê nhận định, hoạt động xuất khẩu có khả năng được cải thiện do hoạt động sản xuất đã bớt khó khăn. Doanh nghiệp Việt Nam bắt đầu có xu hướng nhập khẩu nhiều hơn, từ đó tạo đà cho xuất khẩu. Bên cạnh đó, một số nền kinh tế phát triển có dấu hiệu phục hồi trở lại... Đây là những yếu tố thuận lợi thúc đẩy xuất khẩu, góp phần vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Từ góc độ của cơ quan quản lý nhà nước, Bộ Công Thương nhận định, xuất khẩu những tháng cuối năm 2023 có nhiều triển vọng. Cụ thể, Vương quốc Anh gia nhập Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) sẽ mở ra cơ hội mới cho xuất khẩu Việt Nam. Bên cạnh đó, Đức đang tách dần sự phụ thuộc hàng hóa vào Trung Quốc và đang tìm kiếm các nhà cung cấp từ Việt Nam nhiều hơn, do Việt Nam có nhiều sản phẩm mà người tiêu dùng Đức có nhu cầu cao như đồ gỗ, đồ may mặc, dệt may, giày dép, cà phê, rau quả nhiệt đới.

Thêm một thuận lợi khác cho xuất khẩu các tháng cuối năm là nền kinh tế Mỹ tăng trưởng cao hơn dự kiến. Với lượng lớn hàng tồn kho được giải phóng, việc làm được cải thiện, sức mua tại thị trường quan trọng này sẽ dần phục hồi, nhất là nhu cầu mua sắm

dịp cuối năm 2023... là những yếu tố được dự báo sẽ giúp nhập khẩu vào thị trường Hoa Kỳ phục hồi vào quý IV/2023.

Để xuất nhập khẩu hàng hóa tiếp tục tăng trưởng tốt trong những tháng cuối năm, Bộ Công Thương tiếp tục đẩy mạnh đàm phán, ký kết các Hiệp định, cam kết, liên kết thương mại mới, trong đó có hoàn tất đưa vào thực thi Hiệp định FTA với Israel, ký kết các Hiệp định FTA, Hiệp định thương mại với các đối tác khác còn nhiều tiềm năng (UAE, MERCOSUR...) để đa dạng hóa thị trường, sản phẩm, chuỗi cung ứng.

Cùng với đó, hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các cam kết trong các Hiệp định FTA, đặc biệt là Hiệp định CPTPP, EVFTA, UKVFTA để đẩy mạnh xuất khẩu, thông qua tuyên truyền về quy tắc xuất xứ và cấp Giấy chứng nhận xuất xứ, các cơ hội và cách thức tận dụng cơ hội từ các Hiệp định.

Ngoài ra, đẩy mạnh đàm phán với Trung Quốc mở cửa thêm thị trường xuất khẩu cho các mặt hàng, đặc biệt là các mặt hàng rau quả của Việt Nam như: Bưởi da xanh, dưa tươi, bơ, dứa, vú sữa, chanh, dưa lưới... Đồng thời, nâng cao hiệu quả và điều tiết tốt tốc độ thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu tại khu vực cửa khẩu thuộc biên giới giữa Việt Nam - Trung Quốc, đặc biệt là đối với các mặt hàng nông sản, thủy sản có tính chất thời vụ; chuyển nhanh, chuyển mạnh sang xuất khẩu chính ngạch.

Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý cần tăng cường cảnh báo sớm các vụ kiện phòng vệ thương mại; hướng dẫn doanh nghiệp cách ứng phó với các vụ kiện; kịp thời thông tin cho doanh nghiệp, Hiệp hội về thông tin, nhu cầu, quy định mới của thị trường.../.

NGÀNH DỆT MAY XOAY SỞ TRONG KHÓ KHĂN

ThS. Đỗ Thị Lan

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp



Kinh tế Việt Nam đã đi qua ba phần tư chặng đường của năm 2023, đây cũng là chặng đường đầy chông gai của ngành dệt may Việt Nam với nhiều khó khăn bủa vây. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp dệt may trong nước cần mạnh dạn thay đổi để tìm kiếm những cơ hội mới.

Khó khăn bủa vây

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính chung 9 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả nước ước đạt 259,67 tỷ USD, giảm 8,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong 9 tháng năm 2023, có 31 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,2% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó có 6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 62,2%.

Trong 6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, mặt hàng dệt may xếp thứ 4 với kim ngạch xuất khẩu 9 tháng đạt 25,5 tỷ USD. Tuy nhiên xét về tốc độ tăng trưởng lại giảm tới 12,1% so cùng kỳ năm trước do suy giảm kéo dài trong cả 3 quý của năm. Cụ thể, quý I/2023, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng dệt may chỉ đạt 7,2 tỷ USD, giảm 17,7% so cùng kỳ năm 2022. Đà giảm kéo dài sang quý II/2023 với kim ngạch đạt 8,5 tỷ USD,

giảm 13,3% và sang quý III/2023 ước chỉ đạt 9,8 tỷ USD, giảm tới 6,4% so cùng kỳ năm trước. Nhìn lại có thể thấy, sự tụt dốc của ngành dệt may trong 9 tháng qua được tiếp nối từ quý IV/2022. Trong quý cuối cùng của năm 2022, xuất khẩu dệt may đã cho thấy sự suy yếu với mức giảm 8,49% so cùng kỳ năm 2021, chỉ đạt 8,6 tỷ USD.

Biểu 1. Các mặt hàng xuất khẩu đạt giá trị trên 10 tỷ USD trong 9 tháng năm 2023

	Ước tính (Triệu USD)	Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)
Điện tử, máy tính và linh kiện	41.188	-1,7
Điện thoại và linh kiện	39.034	-13,4
Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	30.642	-10,6
Dệt, may	25.513	-12,1
Giày dép	14.859	-18,2
Phương tiện vận tải và phụ tùng	10.259	16,5

Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng dệt may sang các thị trường truyền thống hầu hết giảm. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong 9 tháng năm nay, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng dệt may sang thị trường Mỹ ước chỉ đạt 11,3 tỷ USD, giảm tới 18,3% so cùng kỳ năm 2022.

Tương tự, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này sang thị trường EU ước đạt gần 2,9 tỷ, giảm 13,1%; sang thị trường ASEAN xấp xỉ 1,4 tỷ USD, giảm 10,5%.

Biểu 2: Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng dệt may sang một số thị trường chủ yếu

Thị trường	9 tháng 2023 (triệu USD)	9 tháng 2022 (triệu USD)	Tốc độ tăng/giảm (%)
Tổng	25.513	29.035	- 12,1
Mỹ	11.334	13.866	- 18,3
EU	2.869	3.302	- 13,1
ASEAN	1.380	1.542	- 10,5
Hàn Quốc	2.474	2.522	- 1,9
Nhật Bản	2.940	2.920	0,7

Nguyên nhân của tình trạng trên là do nhu cầu tiêu dùng thế giới suy yếu trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu ảm đạm, hàng loạt các doanh nghiệp dệt may Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn bởi sự thiếu hụt đơn hàng từ các thị trường chính như Mỹ, EU, Nhật Bản,... Tình trạng thiếu đơn hàng còn do xu hướng chuyển dịch đơn hàng của không ít tập đoàn dệt may của Mỹ và châu Âu sang các nước có lợi thế về mặt địa lý như Trung Mỹ, châu Phi để hạ giá thành vận chuyển cũng như chi phí nhân công.

Trước tình trạng khan hiếm đơn hàng, nhiều doanh nghiệp dệt may trong nước đành chấp nhận sản xuất những đơn hàng vốn không phải thế mạnh của mình và cũng không mang lại lợi nhuận để duy trì hoạt động sản xuất, giữ chân người lao động và giữ mối làm ăn.

Cùng với những khó khăn do thiếu hụt đơn hàng, mức giảm sâu của ngành dệt may Việt Nam trong thời gian qua còn đến từ áp lực "xanh hóa" ngành dệt may của một số thị trường nhập khẩu, với những quy định khắt khe về chất lượng sản phẩm, nguồn gốc xuất xứ của nguyên phụ liệu cấu thành sản phẩm.

Đơn cử như tại EU - một trong những thị trường xuất khẩu lớn của ngành dệt may Việt Nam và cũng là thị trường khó tính, có yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm với các quy định nghiêm ngặt về lao động, môi trường. Vào tháng 3/2022, Ủy ban châu Âu đã đề xuất Chiến lược phát triển bền vững và tuần hoàn cho ngành dệt may trong Thỏa thuận xanh (European Green Deal) và đưa ra các biện pháp pháp lý mới để tăng tính tuần hoàn sản phẩm, bao gồm các quy định về thiết kế, sản xuất, phát triển hộ chiếu sản phẩm số... để đảm bảo các sản phẩm có vòng đời cao và có thể tái chế hoặc sửa chữa để tái sử dụng. Hiện các doanh nghiệp trong hiệp hội dệt may của EU đang phải dành nhiều nguồn lực để đầu tư triển khai các quy định về eco-design (phương pháp thiết kế sản phẩm hoặc dịch vụ không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường). Bên cạnh đó, EU cũng đang xem xét việc giới thiệu EPR (trách nhiệm mở rộng nhà sản xuất với chất thải) trên toàn khu vực đối với hàng may mặc. Khi EPR có hiệu lực sẽ là thách thức lớn đối với ngành dệt may Việt Nam. Thêm vào đó, các doanh nghiệp dệt may trong nước

cũng đang gặp trở ngại trong việc xây dựng thương hiệu riêng tại EU, bởi thị trường này yêu cầu phải xây dựng được chuỗi cửa hàng, chuỗi thu mua, xử lý, sửa chữa sản phẩm, tức là có thể tái sử dụng và tái chế sản phẩm.

Cùng với đó, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) cũng công bố chỉ thị tra soát chuỗi cung ứng, đặt ra những yêu cầu liên quan đến xã hội, môi trường trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp mặt hàng dệt may và da giày để ngăn ngừa và xử lý vi phạm các tiêu chuẩn về lao động và môi trường trên toàn chuỗi cung ứng.

Ngoài ra, nhiều thị trường xuất khẩu lớn khác của dệt may Việt Nam như Mỹ, Nhật Bản hay Hàn Quốc cũng đã có những quy định liên quan đến quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, thực hiện tiêu chí "no waste" (không rác thải).

Luật của Đức về Nghĩa vụ thẩm định doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng có hiệu lực từ ngày 01/01/2023 cũng là một trở ngại đáng chú ý, khi các doanh nghiệp dệt may Việt Nam muốn trở thành một phần trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp Đức. Bởi đạo luật này đưa ra các quy định nhằm cải thiện công tác bảo vệ các quyền con người trong chuỗi cung ứng toàn cầu và ngăn chặn tình trạng lao động trẻ em và cưỡng bức lao động, cấm những chất có hại cho con người và môi trường.

"Xanh hóa" để vượt khó và tiến sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu

Theo thông tin từ Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS), nhu cầu dệt may thế giới năm 2023 có khả năng giảm 8 - 10%, sẽ tác động mạnh tới hoạt động xuất khẩu dệt may Việt Nam trong năm

nay và cả những tháng đầu năm 2024. Trước tình hình đó, Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS) dự báo kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam cả năm 2023 chỉ có thể đạt 40 tỷ USD, giảm khoảng 9-10% so với năm 2022.

Để hoàn thành mục tiêu xuất khẩu trên, trong ngắn hạn, các doanh nghiệp dệt may trong nước cần có các giải pháp giữ chân đối tác bằng cách tiếp tục chấp nhận các đơn hàng không phải thế mạnh để khách hàng không chuyển dịch thị trường. Đồng thời tận dụng các hiệp định thương mại tự do xây dựng quan hệ đối tác tin cậy, lâu dài cũng như khai thác thị trường xuất khẩu mới.

Để tránh phụ thuộc vào đơn hàng xuất khẩu, các doanh nghiệp dệt may cần quan tâm hơn nữa thị trường tiêu dùng nội địa, làm đòn bẩy kinh tế hữu hiệu nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, về lâu dài, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam cần tăng cường phát triển theo chiều sâu, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu, đặc biệt tập trung vào những công đoạn mang lại giá trị gia tăng cao.

Xanh hóa chuỗi sản xuất trong ngành dệt may là xu thế toàn cầu,

vì vậy các doanh nghiệp cần bắt kịp xu thế thị trường, mạnh dạn đầu tư đổi mới, nâng cấp máy móc công nghệ, trang thiết bị hiện đại để giảm nước thải, chất thải, sử dụng năng lượng tái tạo, nguyên liệu tái chế, giảm sử dụng hoá chất, chuyển đổi số... Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp trong nước để đầu tư phát triển nguồn nguyên liệu, qua đó tăng tính chủ động, giảm lệ thuộc vào nguyên liệu ở một vài thị trường, nhằm phát triển các sản phẩm xanh, tiết kiệm năng lượng, thích ứng với những yêu cầu của các thị trường xuất khẩu và tạo sức cạnh tranh cho sản phẩm.

Đồng hành cùng các doanh nghiệp, Hiệp hội Dệt May Việt Nam tiếp tục thực hiện tốt vai trò kết nối doanh nghiệp với doanh nghiệp; doanh nghiệp với nhân hàng và doanh nghiệp với Chính phủ. Đồng thời phối hợp tích cực với các tổ chức quốc tế uy tín để hỗ trợ doanh nghiệp trong nước triển khai các chương trình về an toàn lao động, năng lượng xanh, tuần hoàn tái chế, chuyển đổi số, thiết kế, xây dựng thương hiệu, quản trị nhân lực... Song song với đó là hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các cam kết trong các hiệp định FTA đẩy mạnh xuất khẩu, thông qua tuyên truyền

về quy tắc xuất xứ và cấp Giấy chứng nhận xuất xứ. Tăng cường cảnh báo sớm các vụ kiện phòng vệ thương mại, hướng dẫn doanh nghiệp cách ứng phó với các vụ kiện; kịp thời thông tin cho doanh nghiệp về thông tin, nhu cầu, quy định mới của thị trường xuất khẩu.

Quá trình "xanh hóa" là con đường dài hơi và cần có tiềm lực tài chính đủ mạnh, điều này vượt quá khả năng của nhiều doanh nghiệp dệt may trong nước. Do đó, Nhà nước cần có thêm các cơ chế hỗ trợ đặc thù như chính sách về quỹ đất, quỹ tài chính về môi trường, lãi suất ưu đãi,... giúp các doanh nghiệp phần nào giảm áp lực tài chính trong việc thực hiện các dự án xanh hoá, để ngành dệt may Việt Nam phát triển mạnh mẽ và bền vững tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Đây cũng là con đường để ngành dệt may Việt Nam đạt được mục tiêu phát triển hiệu quả, bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn; hoàn thiện chuỗi giá trị sản xuất trong nước, tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu như đã đề ra trong Chiến lược phát triển ngành dệt may, da giày Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2035./.



TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÃ SỐ VÙNG TRỒNG CHO NÔNG SẢN XUẤT KHẨU

Trang Nguyễn

Thực trạng quản lý và giám sát mã số vùng trồng của Việt Nam hiện nay

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong những năm qua, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam có mức tăng trưởng cao. Kim ngạch Xuất khẩu các mặt hàng này đã tăng từ 27,4 tỷ USD năm 2013 lên 53,2 tỷ USD năm 2022, tăng trưởng trung bình 9,4%/năm. 6 tháng đầu năm nay, kim ngạch xuất khẩu rau quả ước đạt 3 tỷ USD, gần bằng con số 3,16 tỷ USD của cả năm 2022. Trong top 10 thị trường xuất khẩu rau quả lớn nhất của Việt Nam, Trung Quốc dẫn đầu với gần 63,5% thị phần, tăng hơn 12,4% so cùng kỳ năm ngoái. Các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tiếp cận tới hơn 190 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, xu hướng gia tăng bảo hộ sản xuất nông nghiệp được áp dụng ở nhiều quốc gia đã khiến các nước nâng cao rào cản kỹ thuật, các quy định về kiểm dịch thực vật nhập khẩu và an toàn thực phẩm ngày càng trở nên khắt khe. Do đó, để xuất khẩu nông sản thực sự bền vững, đảm bảo ổn định chất lượng nông sản, Việt Nam cần khẩn trương nghiên cứu và thực hiện việc thiết lập, cấp và quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói. Đây cũng là điều kiện nền tảng,

Trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập quốc tế hiện nay, việc các nước nhập khẩu nông sản đưa ra những quy định chặt chẽ, yêu cầu cao hơn về chất lượng hàng hóa, kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm đòi hỏi doanh nghiệp xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam cần quan tâm hơn nữa trong tuân thủ các quy định về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói để nâng cao uy tín, hình ảnh, thương hiệu hàng nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.

tiên quyết và cũng là quy định bắt buộc và hoàn toàn phù hợp theo các thông lệ quốc tế đối với các nước xuất khẩu nông sản.

Mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói là mã số định danh cho một vùng trồng hoặc cơ sở đóng gói nhằm theo dõi và kiểm soát tình hình sản xuất, sơ chế đóng gói, kiểm soát chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm cây trồng. Việc thiết lập vùng trồng để cấp mã số sẽ bao gồm xác định diện tích, sử dụng thống nhất một quy trình sản xuất trong vùng trồng, kiểm soát các sinh vật gây hại thuộc danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của các nước, có nhật ký canh tác, thực hành nông nghiệp tốt tối thiểu theo quy trình VietGAP.

Đến nay, công tác thiết lập và cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói đối với các mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao uy tín của nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế và tăng kim ngạch xuất khẩu. Điều này cũng đã giúp thay đổi tập quán canh tác, thúc đẩy sản xuất theo tiêu chuẩn và thị hiếu của thị trường, hướng dẫn người nông dân thực hành sản xuất chuyên nghiệp hơn. Theo Cục Bảo vệ Thực vật (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), cả nước đã có 6.883 mã số vùng trồng và 1.588 mã số cơ sở đóng gói nông sản được cấp. Các mã số này tập trung chủ yếu vào các sản phẩm xuất khẩu chính như: Xoài, thanh long, nhãn,

lúa, sầu riêng. Trung Quốc, Hoa Kỳ, Newzealand và Úc là những thị trường có số lượng mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói nhiều nhất. Đặc biệt, đồng bằng sông Cửu Long vẫn là vùng dẫn đầu về số lượng mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói. Việc cấp và quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp cụ thể cho các địa phương chủ động thực hiện từ khâu tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, thẩm định đến việc cấp các mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói và duy trì giám sát các điều kiện tại các khu vực đã được cấp mã số vùng trồng.

Tuy nhiên, công tác giám sát vùng trồng, cơ sở đóng gói sau khi được cấp mã số tại một số địa phương vẫn còn nhiều hạn chế, chưa bảo đảm duy trì đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của nước nhập khẩu. Bên cạnh đó, vẫn còn hiện tượng sử dụng mã số chưa đúng; các tranh chấp về quyền sở hữu mã số vẫn còn diễn ra ở một vài nơi. Sự quan tâm, phân bổ nguồn lực để thực hiện cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói ở một số địa phương còn hạn chế. Một số tỉnh, thành phố cũng chưa thực sự chú trọng vào quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói dẫn tới nhiều mã số vùng trồng ở địa phương không đảm bảo chất lượng...

Thực tế thời gian gần đây, Cục Bảo vệ thực vật liên tục nhận được thông báo của nước nhập khẩu liên quan đến việc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm dịch thực vật bao gồm các sản phẩm chuối, xoài, sầu riêng, mít, thanh long, nhãn... xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc và có dư lượng hóa chất vượt quá quy định đối với sầu riêng, chôm chôm, ớt xuất khẩu sang Đức, Pháp, Tây Ban Nha hay ớt đông lạnh xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Tăng cường quản lý và giám sát mã số vùng trồng

Các mặt hàng nông sản Việt Nam có sức hấp dẫn ngày càng tăng đối với nhiều thị trường trên thế giới. Để duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời nâng cao sức cạnh tranh hàng nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế, vấn đề chất lượng và an toàn vệ sinh đối với nông sản phải được coi là yếu tố then chốt.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đang tham gia và hội nhập ngày càng sâu rộng với thị trường thế giới và ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA), do đó đòi hỏi người dân và doanh nghiệp Việt Nam muốn xuất khẩu nông sản bền vững phải tự nâng cao năng lực, kỹ năng quản lý để đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật cao đối với chất lượng, quy cách đóng gói sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

Để công tác thiết lập, quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu đi vào thực chất

và hiệu quả hơn, đồng thời nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan và góp phần xây dựng nền nông nghiệp chuyên nghiệp và bền vững, ngày 28/3/2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Chỉ thị 1838/CT-BNN-BVTV về tăng cường công tác quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu. Theo đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, bổ sung các chỉ tiêu về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói vào Nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch hành động phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển các vùng trồng và cơ sở đóng gói theo quy mô sản xuất hàng hóa đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu. Bố trí nguồn lực gồm nhân lực và tài chính thực hiện công tác thiết lập và quản lý vùng trồng, cơ sở



đóng gói, trong đó chú trọng tập huấn, nâng cao nhận thức cho tổ chức, cá nhân liên quan.

Thực hiện các chương trình giám sát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật; áp dụng các biện pháp quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp, duy trì chất lượng của vùng trồng, cơ sở đóng gói đã được cấp mã số. Chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thiết lập và đảm bảo các điều kiện kỹ thuật cần thiết đối với các vùng trồng, cơ sở đóng gói tại địa phương để phục vụ công tác mở cửa thị trường, giải quyết các rào cản kỹ thuật và xử lý các thông báo không tuân thủ quy định kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm hoặc phòng chống Covid-19...

Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin để quản lý vùng trồng và cơ sở đóng gói trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia. Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện công tác thiết lập và quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói theo đúng hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đặc biệt, chú trọng công tác tập huấn nông dân về quy trình canh tác theo hướng sử dụng vật tư đầu vào tiết kiệm, an toàn và hiệu quả; ghi chép và hoàn thiện các hồ sơ liên quan trong quá trình sản xuất phục vụ truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

Cục Bảo vệ thực vật hoàn thiện việc xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia; cập nhật các tài liệu hướng dẫn về thiết lập và quản lý vùng trồng, cơ sở đóng gói để tập huấn cho các tổ chức, cá nhân có liên quan. Chủ động đàm phán với Cơ quan kỹ thuật của nước nhập khẩu để mở cửa thị trường, tăng số lượng mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói được phép xuất khẩu; giải quyết các rào cản kỹ thuật để tạo thuận lợi

cho hoạt động xuất khẩu. Chủ trì, phối hợp với các địa phương tăng cường công tác quản lý, giám sát chặt chẽ vùng trồng, cơ sở đóng gói. Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật cho từng đối tượng áp dụng về các quy định kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm theo chuỗi từ sản xuất đến xuất khẩu trên từng loại sản phẩm trồng trọt cụ thể. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin để quản lý cơ sở dữ liệu về vùng trồng, cơ sở đóng gói đảm bảo sử dụng dữ liệu hiệu quả và truy xuất nguồn gốc nhanh chóng, minh bạch.

Trung tâm Khuyến nông quốc gia xây dựng các chương trình tập huấn, truyền thông về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trong kế hoạch hoạt động hàng năm.

Các doanh nghiệp và người sản xuất chủ động xây dựng vùng nguyên liệu đáp ứng quy định của nước nhập khẩu. Đảm bảo luôn duy trì tình trạng đáp ứng quy định của nước nhập khẩu tại vùng trồng, cơ sở đóng gói. Chủ động có các biện pháp bảo vệ mã số của mình, kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý khi có thay đổi thông tin liên quan đến vùng trồng, cơ sở đóng gói. Phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật và cơ quan quản lý tại địa phương tổ chức tập huấn cho nông dân trong vùng nguyên liệu đảm bảo thực hiện đúng các quy định kỹ thuật.

Hiệp hội ngành hàng tăng cường tuyên truyền cho hội viên quy định về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, đặc biệt là quy định kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm của nước nhập khẩu. Phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật và cơ quan đầu mối tại địa phương hỗ trợ kỹ thuật cho các thành viên tích cực tham gia phát triển mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói tại địa phương phục vụ xuất khẩu./.

Ngoại giao văn hóa - trụ cột quan trọng của nền ngoại giao hiện đại

Trong bối cảnh đẩy mạnh tiến trình hội nhập sâu rộng với thế giới và khu vực, Việt Nam xác định ngoại giao văn hóa cùng với ngoại giao kinh tế và ngoại giao chính trị là ba trụ cột của nền ngoại giao toàn diện, hiện đại. Trong đó, ngoại giao văn hóa là các hoạt động ngoại giao gắn liền với văn hóa, phát huy vai trò lan tỏa, quảng bá hình ảnh, giá trị văn hóa, con người Việt Nam, từ đó góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp quốc gia để đạt được các mục tiêu đối ngoại của đất nước, nâng cao vị thế, tiếng nói của Việt Nam trên trường quốc tế.

Hiện Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với gần 200 nước và ký kết 16 hiệp định thương mại tự do với sự tham gia của khoảng 60 nền kinh tế. Trong những năm qua, hoạt động ngoại giao văn hóa của Việt Nam được thực hiện song hành cùng các hoạt động ngoại giao chính trị, kinh tế với nội dung và hình thức đa dạng.

Nội hàm văn hóa được đưa vào các hoạt động trong các chuyến thăm cấp cao của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và trong các buổi đón tiếp lãnh đạo các nước tới Việt Nam. Hoạt động ngoại giao văn hóa của Việt Nam còn được thực hiện vào các thời điểm kỷ niệm thiết lập ngoại giao với các nước. Trong năm 2023 nhiều ngày hội giao lưu văn hóa nhân kỷ niệm mối quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và nhiều nước được tổ chức như: Ngày hội giao lưu văn hóa Việt - Mỹ tại Hà Nội; Lễ hội giao lưu văn hóa Việt Nam - Nhật Bản tại Okinawa hay Ngày hội giao thoa văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc tại Đà Nẵng; Lễ hội đa văn hóa Canberra lần thứ 25 tại Australia...

HÀNH TRÌNH ĐƯA VĂN HÓA VIỆT NAM RA THẾ GIỚI

Bích Ngọc

Việt Nam là đất nước có nền văn hóa, văn hiến lâu đời, có bề dày lịch sử hàng nghìn năm. Bằng những cách khác nhau, Việt Nam đang nỗ lực lan tỏa những vẻ đẹp truyền thống của văn hóa dân tộc tới bạn bè quốc tế.

Các ngày hội ngoại giao không chỉ góp phần làm gắn bó thêm quan hệ hữu nghị với các nước mà còn là cơ hội tốt để giới thiệu văn hóa truyền thống, ẩm thực đặc trưng của Việt Nam ra thế giới.

Bên cạnh đó, nhiều hoạt động, chương trình, lễ hội, sự kiện được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, các đại sứ quán Việt Nam ở nước ngoài tổ chức trong nước và tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Có thể kể đến như: Lễ hội Ẩm thực văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc (từ năm 2017); Những ngày Mát-xơ-va (từ năm 2019); Lễ hội văn hóa Việt Nam - Đức - Oktoberfest (từ năm 2019); Lễ hội Ném còn ba nước Việt Nam - Lào - Trung Quốc (từ năm 2014); Lễ hội đa văn hóa thành phố Augsburg tại Đức; Lễ hội ẩm thực đường phố Ici Vietnam Festival tại Paris (Pháp) hay những "Ngày Việt Nam" được tổ chức thường niên ở Áo, Hàn Quốc và Ấn Độ; các "Năm Việt Nam" tại Liên bang Nga, Trung Quốc, Lào... Các lễ hội, sự kiện đã để lại ấn tượng đẹp và trở thành điểm hẹn văn hóa đưa Việt Nam đến gần hơn với cộng đồng quốc tế.

Để gắn kết công tác văn hóa đối ngoại với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, thời gian qua, nhiều trung tâm văn hóa, nhà văn hóa Việt Nam tại Pháp, Đức,

Thái Lan, Lào... được đầu tư xây dựng mang đậm nét bản sắc văn hóa của đất nước. Tại đây thường xuyên diễn ra các chương trình triển lãm văn hóa, nghệ thuật, hội nghị, hội thảo, hôn lễ truyền thống, trưng bày di sản văn hóa, nghệ thuật dân gian cùng các chương trình trải nghiệm văn hóa thú vị và hấp dẫn, không chỉ thu hút kiều bào xa quê mà còn gây ấn tượng với cư dân nước sở tại. Thực hiện Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030, trong thời gian tới, Việt Nam sẽ nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của các trung tâm này và tiếp tục nghiên cứu, triển khai đầu tư, xây dựng mô hình Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại các nước Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên bang Nga..., góp phần tích cực kết nối, truyền bá các nét đặc sắc, điển hình của văn hóa, nghệ thuật dân tộc tới người bản địa và cộng đồng người Việt sinh sống ở nước ngoài.

Nhằm phát huy vai trò của công tác văn hóa đối ngoại tại các tổ chức, diễn đàn đa phương, Việt Nam đồng thời tích cực tham gia chủ động, trách nhiệm tại các tổ chức, diễn đàn văn hóa cấp khu vực và thế giới như: Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu (ASEM), Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS), Diễn đàn Hợp tác Đông Á - Mỹ Latinh (FEALAC)... Đến thời điểm tháng 5/2023, Việt Nam đã được UNESCO công nhận 8 Di sản Thế giới, 15 Di sản Văn hóa Phi vật thể, 9 Di sản Văn hóa Tư liệu, 3 Công viên Địa chất Toàn cầu UNESCO và 9 Khu Ramma. Những di sản không chỉ minh chứng cho một "dải chữ S" tươi đẹp, có bề dày văn hóa lịch sử lâu đời mà còn khẳng định vị thế, tiềm năng cũng như chủ quyền của quốc gia dân tộc.

Văn hóa Việt Nam còn được lan tỏa thông qua các chương trình của nhiều hội nghị, sự kiện khu vực và quốc tế có quy mô lớn



và uy tín như: Triển lãm thế giới EXPO; Thế vận hội Olympic, các sự kiện thể thao khu vực, châu lục và quốc tế; các sự kiện Liên hoan văn hóa nghệ thuật quốc tế, Liên hoan Xiếc quốc tế, Liên hoan Rối quốc tế, Liên hoan Phim quốc tế tại Hà Nội, Lễ hội Pháo hoa quốc tế tại Đà Nẵng, Festival Huế...

Thành công "Ngày Quốc gia Việt Nam" tại sự kiện EXPO 2020 Dubai (UAE) là một ví dụ. Đây là sự kiện có sự góp mặt trực tiếp của 192 quốc gia để giới thiệu những thành tựu, tiến bộ mới nhất của mình, kết nối và hợp tác để cùng hướng tới tương lai. Trong khuôn khổ "Ngày Quốc gia Việt Nam" diễn ra, Việt Nam đã trở thành tâm điểm với hàng loạt hoạt động như Lễ Thượng cờ Việt Nam trên Quảng trường Trung tâm Al Wasl; diễu hành, chiếu lá cờ Việt Nam trên bề mặt mái vòm của Al Wasl Plaza; biểu diễn thời trang và nghệ thuật ngoài trời; Tuần phim Việt Nam, triển lãm của tài năng hội họa nhí Xèo Chu, trình diễn làm tranh Đông Hồ, Tuần lễ cà phê... Qua đó, hình ảnh về con người, đất nước, truyền thống văn hóa đặc sắc Việt Nam đã có cơ hội tiếp cận đến hàng triệu khách tham quan và truyền thông quốc tế.

Hay như tại SEA Games 31 - Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 diễn ra tại Việt Nam năm 2022 vừa qua, bản sắc văn hóa đất nước đã được giới thiệu đến bạn bè quốc tế thông qua các chương trình nghệ thuật đặc sắc với những tiết mục biểu diễn ấn tượng và cả cách chào đón khách quốc tế đầy thân thiện, nồng ấm của người dân đất Việt.

Lan tỏa văn hóa từ những người con đất Việt

Bên cạnh hoạt động ngoại giao văn hóa, hành trình đưa văn hóa Việt Nam ra thế giới còn có sự

đóng góp không nhỏ của những người con đất Việt.

Điện ảnh là "đôi cánh" đầu tiên mang hình ảnh và văn hóa Việt Nam vượt qua rào cản ngôn ngữ, đi xa khỏi biên giới quốc gia. Rất nhiều thể hệ đạo diễn, nhà sản xuất tâm huyết đã nỗ lực đưa văn hóa Việt ra thế giới qua những thước phim đẹp, nội dung sâu sắc mang đậm nét văn hóa dân tộc. Nhiều bộ phim đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam gửi tham gia tranh cử các hạng mục của giải Oscar danh giá như: Mùa đu đủ xanh, Mùa len trâu...

Áo dài truyền thống từ lâu được xem là một trong những biểu tượng chứa đựng tinh hoa văn hóa và tinh thần dân tộc của người Việt Nam. Hình ảnh Áo dài Việt Nam đã được tôn vinh với bạn bè năm châu thông qua các ngày hội: "Ngày áo dài Việt Nam", "Lễ hội Áo dài Việt Nam" tại các nước Áo, Singapore; tọa đàm "Áo dài kể chuyện" của chiến dịch "2LIFE ÁO DÀI" (Second Life Áo Dài) diễn ra tại thành phố Kervignac (Pháp)... do những người con xa xứ tổ chức.

Văn hóa ẩm thực Việt - một mảnh ghép quan trọng trong gia tài di sản văn hóa đồ sộ của Việt Nam cũng đã được nhiều người con đất Việt mang ra thế giới. Hàng loạt cửa hàng bánh mì, phở Việt Nam đã có mặt ở nhiều đất nước xa xôi như Mỹ, Anh, Đức, Nhật Bản, Singapore... và trở thành địa chỉ quen thuộc để những người con xa xứ tìm về hương vị cội nguồn và thu hút bạn bè quốc tế khám phá, tìm hiểu văn hóa ẩm thực Việt Nam.

Câu chuyện văn hóa Việt Nam còn được thế hệ trẻ kể chuyện qua nhiều ngôn ngữ khác nhau. Tại Australia, các du học sinh Việt Nam đã sáng lập Vietnam Centre - một tổ chức văn hóa phi lợi nhuận

vào năm 2017 với hơn 100 thành viên thường trực. Chỉ sau 5 năm thành lập, Vietnam Centre đã tổ chức hơn 90 hoạt động quảng bá văn hóa Việt Nam trên phạm vi toàn thế giới. Một trong những thành công của Vietnam Centre là dự án "Dệt nên Triều đại" - dự án nghiên cứu, phục dựng và biên soạn bộ sách song ngữ Việt - Anh giới thiệu trang phục Việt Nam qua các thời kỳ. Tập xuất bản đầu tiên của "Dệt nên Triều đại" đã mang đến cộng đồng quốc tế những tư liệu và hình ảnh trang phục triều Lê Sơ thế kỷ XV, giai đoạn 1437-1471. Với giá trị văn hóa mang lại, "Dệt nên Triều đại" đã được đưa vào Thư viện Quốc gia Úc, Thư viện Đại học Harvard và các trang phục triều Lê Sơ do Vietnam Centre phục dựng đã được trưng bày tại sảnh đường truyền thống của Đại học Sydney và Smithsonian - Bảo tàng Quốc gia nghệ thuật châu Á Hoa Kỳ.

Cùng với "Dệt nên Triều đại", Vietnam Centre còn thực hiện thành công nhiều dự án khác mang đậm chất văn hóa Việt như: Triển lãm "Happy New Tết" đóng đầy chất liệu văn hóa Việt được tổ chức tại thành phố Canberra, Úc; Cuốn sách song ngữ "Minh đồng da sắt" chuyên khảo về giáp trụ Việt Nam; "Chiêu Hoàng Ký" - truyện tranh về nữ hoàng đế duy nhất trong lịch sử...

Bằng nhiều hình thức khác nhau, mỗi người con đất Việt đã và đang góp phần đưa văn hóa Việt Nam lên một nấc thang mới, để văn hóa thành thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, đóng góp quan trọng vào việc nâng cao vị thế, uy tín Việt Nam trên trường quốc tế và hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, bền vững./.



TIỀN GIANG

KẾT QUẢ NỬA ĐẦU NHIỆM KỲ 2020-2025

Duy Hưng

Tiền Giang đã trải qua nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng (2020 - 2025). Tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhưng nhờ có sự đoàn kết nội bộ và phát huy tốt sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp nên tỉnh đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đạt được những kết quả tích cực, toàn diện về kinh tế - xã hội.

Kết quả nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết đại hội XI của Đảng bộ Tỉnh

Số liệu báo cáo tại Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Tiền Giang lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 cho thấy, từ mức tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh (GRDP) tính theo giá hiện hành năm 2021 âm 0,91%, thu nhập bình quân đầu người đạt 56 triệu đồng; đến năm 2022, Tỉnh đã lấy lại mức tăng trưởng 7,04%, thu nhập bình quân đầu người đạt 63 triệu đồng. Dự kiến năm 2023, Tiền Giang phấn đấu tăng trưởng đạt 7,0%; bình quân giai đoạn 2021-2023 tăng 4,3%/năm; thu nhập bình quân đầu người phấn đấu đạt 69 triệu đồng, tăng 1,22 lần so với năm 2020.

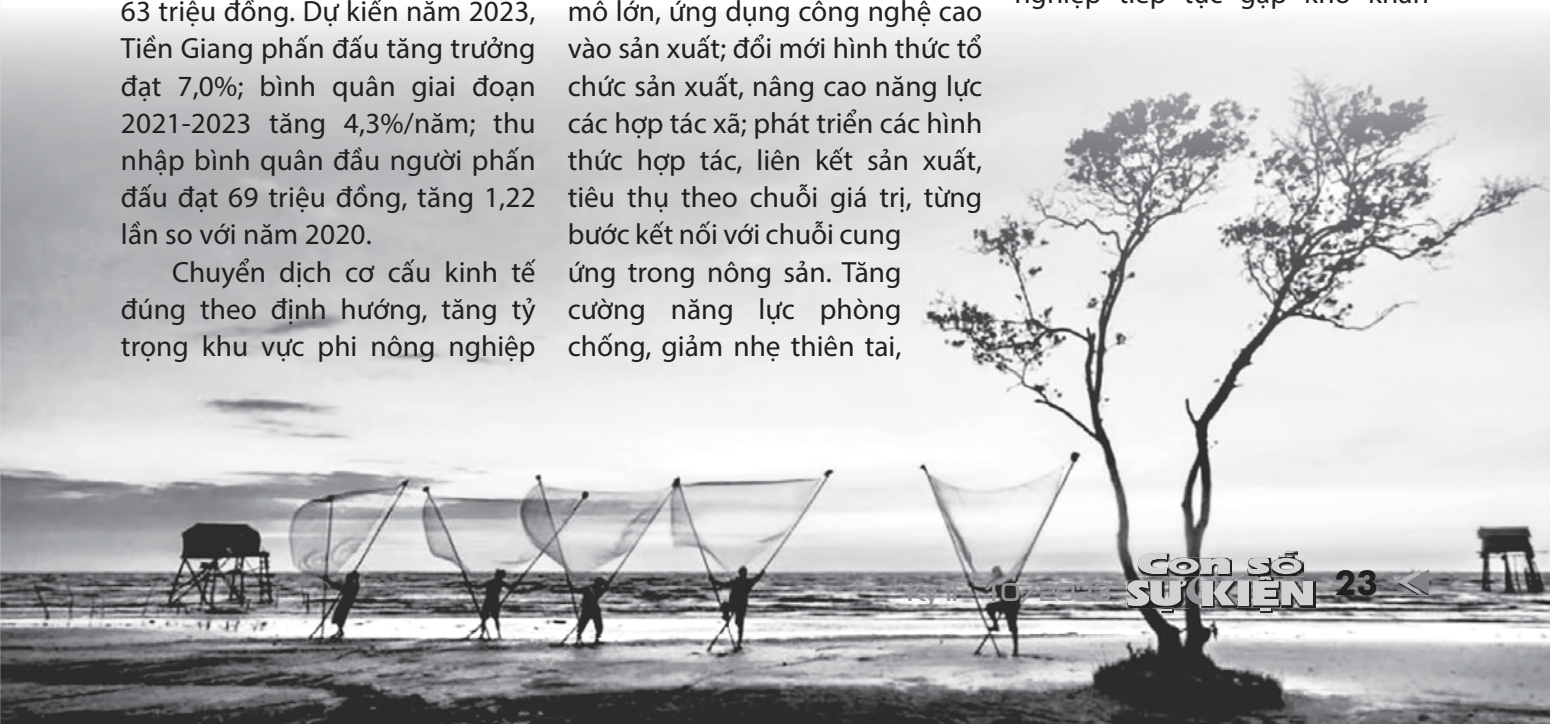
Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng theo định hướng, tăng tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp

và giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp. Tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng năm 2022 tăng lên 28,0% và dự kiến năm 2023 tăng lên 29,4%; tỷ trọng khu vực dịch vụ năm 2022 và năm 2023 ổn định 34,8%; tỷ trọng của khu vực nông, lâm, ngư nghiệp năm 2022 giảm còn 37,2% và dự kiến năm 2023 là 35,8%.

Giai đoạn 2021-2023, Tiền Giang triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất; đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, nâng cao năng lực các hợp tác xã; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi giá trị, từng bước kết nối với chuỗi cung ứng trong nông sản. Tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai,

thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng nông thôn mới. Năm 2023, dự kiến ngành nông, lâm, ngư nghiệp đóng góp 35,8% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, tăng trưởng kinh tế nông nghiệp bình quân giai đoạn 2021-2023 đạt 2,5%/năm.

Giai đoạn 2021-2022, chỉ số sản xuất công nghiệp tỉnh Tiền Giang chỉ tăng bình quân 4,2%/năm, do năm 2021 dịch Covid-19 bùng phát làm ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp. Năm 2023, các doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn



song sản xuất công nghiệp vẫn tăng. Chỉ số sản xuất công nghiệp dự kiến năm 2023 tăng 5,5% so với cùng kỳ, bình quân giai đoạn 2021-2023 tăng 1,3%. Bức tranh hạ tầng đô thị Tiền Giang cơ bản được hoàn thiện, đầu tư xây dựng đồng bộ đô thị trung tâm của 3 vùng kinh tế trong Tỉnh phù hợp với đặc thù, quy mô phát triển của từng vùng. Tỉnh từng bước nâng cao chất lượng đô thị theo hướng hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị; tỷ lệ đô thị hóa đến nay đạt 31,25%. Công tác xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng giao thông được tập trung thực hiện, ưu tiên bố trí vốn đầu tư công cho hạ tầng giao thông, phối hợp với các cơ quan Trung ương đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án Trung ương đầu tư trên địa bàn Tỉnh; đồng thời, tiếp tục phối hợp nghiên cứu đầu tư dự án liên kết vùng. Nhiều dự án trọng điểm đã khởi công xây dựng, đặc biệt là dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1, Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang đã chính thức đi vào hoạt động...

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021-2023 ước tăng bình quân 7,8%/năm. Năm 2023, ước thực hiện 82.000 tỷ đồng, tăng 12,2% so với năm 2022. Kim ngạch xuất khẩu năm 2023 ước thực hiện đạt 4,17 tỷ USD; bình quân giai đoạn 2021-2023, kim ngạch xuất khẩu tăng 11,0%/năm. Kim ngạch nhập khẩu năm 2023 ước đạt 2,05 tỷ USD; bình quân giai đoạn 2021-2023 ước tăng bình quân 8,6%/năm, chủ yếu nhập khẩu nguyên nhiên liệu phục vụ các ngành công nghiệp xuất khẩu.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Tỉnh giai đoạn 2021-2023 ước đạt 30,2 nghìn tỷ đồng,

bằng 39,26% kế hoạch; tổng chi ngân sách nhà nước giai đoạn này ước đạt gần 53,1 nghìn tỷ đồng, bằng 64,2% kế hoạch. Kế hoạch đầu tư công trung hạn của Tiền Giang trong giai đoạn 2021-2025 ước thực hiện 20,49 nghìn tỷ đồng, chiếm 23,8% tổng chi ngân sách và chiếm 8,3% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021-2025. Trong 3 năm 2021-2023, Tỉnh đã phân bổ tổng số vốn 13,71 nghìn tỷ đồng, đạt 56,6% kế hoạch trung hạn; giá trị giải ngân đạt tỷ lệ 99,9% số vốn đã phân bổ; gồm: Vốn ngân sách Trung ương 4,23 nghìn tỷ đồng, đạt 56,1% kế hoạch, tổng giá trị giải ngân 4.234,5 tỷ đồng, đạt 99,9%; Vốn ngân sách địa phương 9.481,9 tỷ đồng, đạt 56,9% kế hoạch, giá trị giải ngân 9.475,6 tỷ đồng, đạt 99,9% số vốn đã phân bổ.

Tỉnh Tiền Giang cũng trở thành tấm gương sáng trong xây dựng nông thôn mới của cả nước. Trong 2 năm (2021-2022), Tiền Giang có 19 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 23 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và huyện Gò Công Tây, huyện Cai Lậy đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Đến nay, toàn Tỉnh có 137/142 xã

nông thôn mới, đạt 96,48%. Dự kiến cuối năm 2023, có thêm 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số lên 142/142 xã, đạt 100%; 11 xã nông thôn mới nâng cao, nâng tổng số lên 50 xã, đạt 35,2%; 2 xã nông thôn mới kiểu mẫu, nâng tổng số lên 4 xã, đạt 2,9% và có 2 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới, nâng số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới lên 9/11 đơn vị. Dự kiến đến năm 2025, hoàn thành xây dựng tỉnh Tiền Giang đạt chuẩn nông thôn mới.

Bên cạnh đó, Tiền Giang tiếp tục triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ; xây dựng các mô hình sản xuất nông sản an toàn, công nghệ cao, nông nghiệp đô thị, mô hình liên kết giữa nhà sản xuất - nhà khoa học - nhà chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Giai đoạn 2021-2023, Tỉnh đã triển khai 38 nhiệm vụ (21 cấp tỉnh, 17 cấp cơ sở); cấp kinh phí cho 77 nhiệm vụ khoa học và công nghệ với số tiền là 32,9 tỷ đồng; hướng dẫn





lập hồ sơ đăng ký 43 nhãn hiệu; gia hạn giấy chứng nhận đăng ký 11 nhãn hiệu.

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, Tỉnh thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục, tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục, xây dựng và củng cố đội ngũ nhà giáo, giữ vững kỷ cương, nề nếp trong các hoạt động giáo dục. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe ngày càng được nâng cao, thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia, chất lượng dịch vụ y tế đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng đa dạng của Nhân dân; kiểm soát tốt dịch Covid-19, không để các dịch bệnh nguy hiểm bùng phát. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" và phong trào xây dựng nông thôn mới ngày càng thiết thực, hiệu quả, lan tỏa trong xã hội; phong trào thể dục - thể thao quần chúng có bước phát triển mạnh, đa dạng, phong phú, thu hút nhiều thành phần tham gia.

Cùng với đó, việc thực hiện các chính sách xã hội, đảm bảo an sinh, lao động - việc làm và chương trình giảm nghèo được Tỉnh chú trọng thực hiện, mang lại hiệu quả thiết thực. Tỷ lệ hộ nghèo

giảm từ 1,87% năm 2020 xuống 1,47% năm 2021 và 1,27% năm 2022; ước năm 2023 giảm còn 1,07%. Dự kiến đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn 0,86%, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra (tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1% vào năm 2025). Tỉnh đã hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh từ 51% năm 2020 lên 52,5% năm 2022, dự kiến năm 2023 đạt 54%; đã giải quyết việc làm cho gần 32 nghìn người.

Nhìn chung, trong nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025, mặc dù chịu tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, của Nhân dân và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, song Tiền Giang đã nỗ lực vượt qua khó khăn, kinh tế của Tỉnh từng bước phục hồi.

Giải pháp phát triển kinh tế - xã hội nửa cuối nhiệm kỳ

Trong nửa cuối nhiệm kỳ, Tiền Giang tập trung triển khai nhiều giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu hoàn thành mục tiêu đã đề ra:

Thực hiện nghiêm, quyết liệt, khẩn trương, đồng bộ, kịp thời, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2020-2025, nhất là các mục tiêu, nhiệm vụ còn thấp; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới để kịp thời điều chỉnh bổ sung giải pháp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, sáng tạo gắn với trách nhiệm của tập thể, của cá nhân, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn

đến năm 2050 đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong định hướng phát triển. Trên cơ sở đó, triển khai thực hiện các quy hoạch ngành theo quy định pháp luật, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và đầu tư công trung hạn nhằm khai thác tốt hơn tiềm năng, lợi thế của Tỉnh; nâng cao chất lượng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, gia tăng năng lực cạnh tranh đáp ứng yêu cầu hội nhập.

Tăng cường thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, quan tâm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận thuận lợi hơn về đất đai, về vùng nguyên liệu để đầu tư phát triển lĩnh vực chế biến nông sản, đặc biệt là trái cây (loại nông sản chủ lực của tỉnh), góp phần tăng thu nhập cho nông dân. Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, chú trọng chỉnh trang các đô thị trung tâm 3 vùng của tỉnh (thành phố Mỹ Tho, thị xã Cai Lậy, thị xã Gò Công) phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa tính theo khu vực toàn đô thị đạt tối thiểu 40%; đa dạng các ngành, lĩnh vực dịch vụ có nhiều tiềm năng, lợi thế nhằm tạo ra nhiều giá trị gia tăng.

Tiếp tục triển khai thực hiện theo lộ trình các đề án tái cơ cấu, phát triển nông nghiệp, công nghiệp; phát triển đô thị, thương mại, du lịch gắn với phát triển 3 vùng kinh tế - đô thị của Tỉnh; liên kết tiểu vùng, phát triển nội vùng, liên vùng trong và ngoài tỉnh, nhất là các công trình liên kết với vùng Đông Nam Bộ, tiểu vùng Đồng Tháp Mười, Tiểu vùng duyên hải phía Đông. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các xã, huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch đề ra. Quản lý chặt chẽ công tác thu, chi ngân sách; có giải pháp khai thác tốt



các nguồn thu theo luật định, chú ý cân đối các nguồn thu hợp lý và tạo nguồn thu mới; đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công; thực hành tiết kiệm trong chi ngân sách.

Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với nước, gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có thu nhập thấp. Tiếp tục đổi mới chương trình, giáo trình và phương thức đào tạo; gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động; phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống y tế, y tế dự phòng, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở khám, chữa bệnh để sớm đưa vào khai thác, sử dụng, phục vụ Nhân dân.

Tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tăng cường công tác quốc phòng, an ninh; đảm bảo trật tự, an toàn xã hội và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xây dựng phương án, kế hoạch tấn công, trấn áp tội phạm, vô hiệu hóa các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; bố trí lực lượng xử lý kịp thời mọi tình huống, không để bị động, bất ngờ, tạo thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự; bảo đảm lực lượng, phương tiện sẵn sàng ứng phó hậu quả thiên tai, dịch bệnh; thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng ngừa tai nạn giao thông.

Tiếp tục tăng cường công tác dự báo, nắm tình hình, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, có cơ chế thu hút đầu tư, huy động nguồn lực xã hội trong và ngoài nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp trên tất cả các lĩnh vực. Đẩy mạnh triển khai thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, nâng cao chỉ số cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025; Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030; nâng cao chỉ số PAR Index, PAPI, PCI của tỉnh; xây dựng nền hành chính hiện đại gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chính quyền số, các cổng thông tin điện tử, dịch vụ công trực tuyến. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức./

Thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động thống kê của Ngành cũng như định hướng chuyển đổi số ở Việt Nam, ngành Thống kê Bình Định đã và đang từng bước triển khai áp dụng nhiều giải pháp trong chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng số liệu thống kê, hiệu quả sản xuất số liệu và khai thác tối đa nguồn dữ liệu hiện có.

Hoạt động chuyển đổi số trong công tác thống kê của Tỉnh với mục tiêu hiện đại hóa hoạt động thống kê theo hướng chuyển đổi số bắt đầu bằng số hóa văn bản, tài liệu, dữ liệu hành chính, lưu chuyển trên môi trường số hóa; tự động hóa các quy trình nghiệp vụ của hoạt động thống kê, tiến tới tái cơ cấu quy trình nghiệp vụ dựa trên ứng dụng các công nghệ tiên tiến; khai thác và sử dụng hiệu quả dữ liệu thống kê, nâng cao tính minh bạch và giải trình, xóa bỏ khoảng cách dữ liệu tạo tiền đề cho cách mạng dữ liệu thống kê...

Triển khai áp dụng các phần mềm hệ thống thông tin để cung cấp cho lãnh đạo Tỉnh ra quyết định điều hành

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh: Chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế-xã hội bằng “Con số thống kê”, nói không với báo cáo giấy, thống nhất số liệu từ tỉnh đến huyện, xã; trên cơ sở Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê và Văn bản số 5891/BKHĐT-TCTK ngày 26/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành biểu mẫu Báo cáo thống kê thu thập thông tin thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân Tỉnh giao; Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 trên địa bàn tỉnh, Cục Thống kê tỉnh Bình Định đã ứng dụng triệt để công nghệ thông tin vào tất cả các công đoạn trong quá trình sản xuất thông tin thống kê. Cục thực hiện ứng dụng thu thập thông tin bằng hình thức phiếu điện tử (Capi, webform) của 30 cuộc điều tra, nhờ đó, đã giảm được thời gian nhập số liệu và kiểm tra logic số liệu, giúp công tác tổng hợp kết quả điều tra nhanh và chính xác hơn. Bên cạnh đó, nhiều phần mềm, ứng dụng phục vụ công tác quản lý, điều hành được triển khai thực hiện trong toàn Ngành như: Phần mềm quản lý nhân sự; Phần mềm giao kế hoạch công tác và chấm điểm thi đua đối với Chi cục Thống kê; Phần mềm quản lý dự toán; Phần mềm quản lý công việc (Taskgov); Phần mềm quản lý cuộc họp...



CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC THỐNG KÊ TẠI CỤC THỐNG KÊ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Thị Mỹ

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Bình Định



Đặc biệt, Cục Thống kê tỉnh Bình Định đã ứng dụng phần mềm tấn suất nhanh báo cáo kinh tế - xã hội của Tổng cục Thống kê để các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã báo cáo hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và năm. Tính từ tháng 04/2023 đến nay, về cơ bản đã đáp ứng, phục vụ kịp thời, nhanh, chính xác, đặc biệt cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quyết định điều hành thống nhất từ tỉnh đến huyện, xã.

Định hướng công tác chuyển đổi số của Cục Thống kê tỉnh Bình Định trong thời gian tới

Định hướng công tác chuyển đổi số của Cục Thống kê tỉnh Bình Định trong thời gian tới, cụ thể:

(i) Cục Thống kê xác định quá trình chuyển đổi số và tự liệu hóa hoạt động thống kê bao gồm chuyển đổi đồng thời và đồng bộ cả 3 lĩnh vực chính: Chuyển đổi số quy trình nghiệp vụ thống kê; Chuyển đổi số trong quản trị

nhân lực ngành Thống kê, đáp ứng yêu cầu sử dụng công nghệ và tuân thủ quy trình mới; Ứng dụng công nghệ với trọng tâm là số hóa, sử dụng dữ liệu số hóa với các ứng dụng thông minh.

(ii) Thống nhất để dữ liệu thống kê trở thành nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Định.

Để dữ liệu thống kê trở thành nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng trong và ngoài tỉnh và đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế do Tổng cục Thống kê quy định, Cục Thống kê tỉnh Bình Định xác định một trong những giải pháp trọng tâm trên hành trình chuyển đổi số tiếp theo là thống nhất dữ liệu từ tỉnh đến huyện, xã. Theo đó, xây dựng CSDL thống nhất, kết nối với các cơ sở dữ liệu thống kê, dữ liệu hành chính của các sở, ngành

và địa phương để tạo thành một cơ sở dữ liệu tập trung và thống nhất.

Muốn vậy, các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê sử dụng phiếu điều tra điện tử thay cho phiếu giấy; Tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê; Cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với thống kê sở, ban, ngành trên địa bàn; Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê; Áp dụng công nghệ khai thác dữ liệu lớn để biên soạn chỉ tiêu thống kê, biên soạn một số chỉ tiêu báo cáo phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Tỉnh.

Để thực hiện định hướng này, Cục Thống kê tỉnh Bình Định tiếp tục xây dựng, quản lý, sử dụng và cập nhật cơ sở dữ liệu thống kê tập trung, thống nhất; cung cấp thông tin thống kê đầy đủ, chính xác, kịp thời để đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách, phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, các sở, ngành và địa phương cũng như đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của người dùng tin trong và ngoài nước, góp phần thực hiện tốt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bình Định./.

QUẢNG TRỊ - QUYẾT TÂM ĐẨY LÙI TÌNH TRẠNG TẢO HÔN VÀ HÔN NHÂN CẬN HUYẾT THỐNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ



Thực tế cho thấy, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống (HNCHT) không chỉ vi phạm pháp luật mà còn để lại nhiều hệ lụy đối với các cá nhân, gia đình và xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nguồn nhân lực, dân số, giáo dục, chăm sóc trẻ em. Nhiều trường hợp do bị ép gả lấy chồng, lấy vợ sớm, khi tuổi còn quá trẻ chưa thể sống tự lập dẫn đến tình trạng đói nghèo, ly hôn; việc kết hôn sớm, mang thai và sinh đẻ trong lứa tuổi vị thành niên ảnh hưởng tới sức khỏe em gái, sự phát triển của thai nhi và trẻ sơ sinh. HNCHT để lại hậu quả nặng nề, ảnh hưởng đến chất lượng dân số, tăng tỉ lệ người thiếu năng về thể chất, trí tuệ, người khuyết tật, tạo thành gánh nặng cho sự phát triển của xã hội và là một trong những lực cản đối với sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của địa phương...

Theo thống kê, Quảng Trị hiện có khoảng 95.000 người dân tộc thiểu số (DTTS), chiếm 13,3% dân số toàn Tỉnh. Hiện tình trạng tảo hôn và HNCHT vùng đồng bào DTTS của Tỉnh vẫn còn xảy ra do nhiều nguyên nhân khác nhau. Trong đó, nguyên nhân chủ yếu là do đời sống còn gặp nhiều khó khăn, thiếu hiểu biết về pháp luật, nhận thức còn hạn chế, nhiều người dân còn giữ những quan niệm lạc hậu, hủ tục như: Tục thách cưới, hứa hôn, cưỡng ép hôn, tục đi sim,... Tình trạng học sinh bỏ học và lập gia đình sớm vẫn còn xảy ra. Bên cạnh đó, cơ chế

Xác định tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống là một vấn nạn lớn của xã hội, là trở ngại đối với sự phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong cả nước nói chung và Quảng Trị nói riêng. Thời gian qua, với quyết tâm đẩy lùi tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, các cấp ủy đảng, chính quyền, địa phương trong toàn tỉnh Quảng Trị đã nỗ lực triển khai nhiều giải pháp nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi trong hôn nhân của đồng bào dân tộc thiểu số, giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, nâng cao chất lượng dân số, nguồn nhân lực, cũng như đảm bảo phát triển bền vững của địa phương.

chính sách trong hôn nhân và gia đình đối với người DTTS còn một số bất cập. Công tác tuyên truyền, vận động ở một số địa phương về phòng, chống tảo hôn, HNCHT chưa được quan tâm đúng mức. Mặt khác, trong quá trình triển khai thực hiện các quy định pháp luật về hôn nhân còn gặp nhiều khó khăn, bất cập như: Đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới thiếu về số lượng, hạn chế về chuyên môn; một số cơ quan, đơn vị, cá nhân chưa nhận thức đúng về Luật Bình đẳng giới; nguồn lực tài chính để tuyên truyền, phổ biến trên diện rộng các hoạt động hỗ trợ phụ nữ thực hiện mục tiêu bình đẳng giới chưa đáp ứng nhu cầu...

Trước thực tế tình trạng tảo hôn, HNCHT và những hủ tục lạc hậu còn tồn tại trong đời sống hôn nhân của đồng bào DTTS tại Quảng Trị, thời gian qua công tác phòng, chống tảo hôn và HNCHT trên địa bàn Tỉnh được các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội đặc biệt quan tâm triển khai với nhiều giải pháp

đồng bộ. Trong đó, thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và HNCHT trong vùng DTTS giai đoạn 2015-2025"; UBND tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện như: Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 11/01/2016 về triển khai, thực hiện Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và HNCHT trong vùng đồng bào DTTS tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015 - 2020" (giai đoạn I); Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 13/9/2021 về triển khai, thực hiện Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và HNCHT trong vùng đồng bào DTTS tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025" (giai đoạn II)... Trên cơ sở đó, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trên địa bàn đã chủ động xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện, bảo đảm phù hợp với điều kiện, đặc điểm tình hình của địa phương.

Nhằm triển khai và thực hiện nhiệm vụ trên, Ban Dân tộc Tỉnh đã tích cực phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị,

địa phương triển khai nhiều hoạt động truyền thông phòng, chống tảo hôn và HNCHT với nội dung và hình thức phong phú như: Tuyên truyền, vận động, tư vấn nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào DTTS về tảo hôn và HNCHT tại các trường THCS và dân tộc nội trú, cụm xã vùng biên giới, Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh thu hút khoảng 5.600 lượt người tham gia; Xây dựng phóng sự và clip tuyên truyền về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và HNCHT bằng 2 ngôn ngữ (tiếng phổ thông, tiếng Vân Kiều) phát trên sóng Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, đồng thời thu nội dung vào 136 thiết bị USB cung cấp đến toàn bộ các xã, 45 trường học, 9 đồn biên phòng tuyến biên giới vùng DTTS để tuyên truyền; Lắp đặt 15 bảng pa nô truyền thông song ngữ Việt - Vân Kiều tại 15 điểm trường THCS và dân tộc nội trú vùng DTTS. UBND các huyện, xã và các dự án tài trợ phối hợp tổ chức 262 lượt tư vấn, xây dựng 10 mô hình điểm về quy ước thôn, bản không có tảo hôn và HNCHT; cung cấp 132 tài liệu các loại (khẩu hiệu, tranh khổ lớn) tại thôn, bản, xã.

Ngoài ra, tại một số huyện, địa bàn trong Tỉnh đã duy trì có hiệu quả các mô hình Câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên tại các xã, thị trấn. Tổ chức các lớp tập huấn, nâng cao năng lực, kỹ năng vận động, tư vấn, truyền thông thay đổi hành vi về tảo hôn và HNCHT cho đội ngũ tham gia đề án và đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc các cấp, cán bộ văn hóa cấp xã...

Một số thôn, bản đã đưa các quy định về phòng, chống tảo hôn vào xây dựng hương ước, quy ước, bình xét gia đình văn hóa như: Các thôn A Đăng (xã Tà Rụt, huyện Đakrông), Vùng Kho

(xã Đakrông, huyện Đakrông), Ra Po (xã Xy, huyện Hướng Hóa), Thanh Một (xã Thanh, huyện Hướng Hóa)... xây dựng quy ước "Thôn không có tảo hôn"...

Nhờ sự tích cực vào cuộc của các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức chính trị-xã hội, thông qua các hoạt động truyền thông, vận động, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào DTTS có tỷ lệ hoặc nguy cơ cao về tảo hôn và HNCHT nên tình trạng tảo hôn và HNCHT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thời gian qua đã giảm đáng kể. Từ năm 2016-2021, tổng số trường hợp tảo hôn toàn Tỉnh đã giảm được 57 trường hợp (năm 2016 là 232 trường hợp, năm 2021 là 175 trường hợp; trong 05 năm liền trên địa bàn Tỉnh đã không có trường hợp HNCHT), nhận thức của người dân về tảo hôn và HNCHT đã có những chuyển biến tích cực.

Mặc dù vậy, theo đánh giá, tình trạng tảo hôn, HNCHT vùng DTTS tại Quảng Trị hiện vẫn còn phức tạp và có khả năng tái diễn cao. Số lượng các cặp tảo hôn tại Quảng Trị đã giảm song hiệu quả chưa đạt được như mong muốn. Tính riêng trong năm 2021, toàn Tỉnh có 792 trường hợp kết hôn, trong đó có 175 trường hợp tảo hôn, chiếm tỷ lệ 22,1%. Công tác quản lý, kiểm tra, phát hiện sớm các trường hợp có nguy cơ tảo hôn để có biện pháp kịp thời ngăn ngừa còn hạn chế. Việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp tảo hôn chưa thực hiện nghiêm. Việc phân công đơn vị chủ trì quản lý, triển khai thực hiện đề án ở các địa phương chưa thống nhất...

Mục tiêu đến năm 2025, Quảng Trị có trên 90% cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ văn hóa xã hội cấp xã được tập huấn nâng cao năng lực, truyền thông thay đổi hành vi về tảo hôn và HNCHT;

duy trì mức giảm bình quân 2-3%/năm số cặp tảo hôn và 3-5%/năm số cặp kết hôn cận huyết thống; hạn chế tối đa tình trạng tảo hôn và không có tình trạng HNCHT trong vùng đồng bào DTTS... Để đạt được mục tiêu này, thời gian tới, Quảng Trị cần triển khai hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp:

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU, ngày 15/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc trên địa bàn Tỉnh; nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể đối với việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về hôn nhân và gia đình; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ đối với việc lãnh đạo triển khai thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, ngăn ngừa, giảm thiểu tình trạng tảo hôn và HNCHT; xem đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực vùng DTTS.

Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và cơ quan, ban, ngành đoàn thể trên địa bàn Tỉnh tích cực xây dựng các chương trình, kế hoạch và đề ra biện pháp cụ thể để thực hiện có hiệu quả Quyết định số 498/QĐ-TTg và Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 13/9/2021 của UBND Tỉnh về triển khai, thực hiện Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và HNCHT trong vùng đồng bào DTTS tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025". Hàng năm, bố trí một phần kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương cho các cơ quan, đơn vị (ngoài nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ) để triển khai các hoạt động giảm thiểu tình trạng tảo hôn và HNCHT.

Tăng cường sự phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp nhằm đổi mới phương thức, nội dung trong thực hiện lồng ghép công tác tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS xóa bỏ hủ tục, trong đó có những hủ tục liên quan đến tảo hôn. Phát huy vai trò đội ngũ cán bộ người DTTS, già làng, trưởng thôn, người có uy tín, hòa giải viên, cộng tác viên ở cơ sở trong thực hiện công tác tuyên truyền, vận động thực hiện pháp luật về hôn nhân và gia đình ngay từ trong khu dân cư.

Đổi mới phương pháp phổ biến giáo dục pháp luật về hôn nhân và gia đình, trong đó, chú trọng lựa chọn nội dung trọng tâm (Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Trẻ em; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Bình đẳng giới và các văn bản hướng dẫn liên quan), biên soạn tài liệu ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, sát với thực tiễn và nhận thức của đồng bào DTTS, trong đó tập trung vào nhóm đối tượng phụ nữ, thanh, thiếu niên và vùng có nguy cơ cao về tảo hôn, HNCHT. Bên cạnh đó, chú trọng hình thức tuyên truyền thông qua đội ngũ báo cáo viên các cấp, cán bộ xã, thôn; lồng ghép nội dung tuyên truyền trong các chương trình thông tin lưu động, sân khấu hóa; hoạt động tuyên vận, hòa giải, hoạt động ngoại khóa trong các trường học, các câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật; xây dựng các phóng sự, tin, bài phản ánh về hậu quả của tảo hôn, HNCHT phát trên hệ thống phát thanh truyền hình, nhất là loa truyền thanh cơ sở; tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội thi tìm hiểu pháp luật và hoạt động tư vấn trợ giúp pháp lý miễn phí tại trung tâm và lưu động đến các điểm dân cư vùng DTTS.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị địa phương. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình; xử phạt hành chính kết hợp với xử phạt theo hương ước, quy ước. Kết hợp và nâng cao hiệu quả giữa công tác chỉ đạo, thực hiện, kiểm tra, đánh giá, xử lý vi phạm với thi đua khen thưởng, nhân rộng các mô hình hay trong tuyên truyền, vận động, thực hiện tốt công tác phòng, chống tảo hôn, HNCHT.

Mỗi người dân cần tập trung xây dựng và thực hiện nghiêm túc hương ước, quy ước của thôn bản, tự giác chấp hành các nội quy của địa phương. Phát huy tính tự quản cộng đồng, dòng họ, gia đình; vận động Nhân dân không tảo hôn, kết hôn cận huyết thống; nâng cao vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tuyên truyền chính sách pháp luật nói chung và chính sách dân số nói riêng.

Như vậy, để đẩy lùi tình trạng tảo hôn, HNCHT, Quảng Trị cần nỗ lực hơn nữa, tuyên truyền vận động sự tham gia vào cuộc của toàn xã hội và sự chủ động, tích cực của mỗi cá nhân, qua đó, nâng cao nhận thức của người dân về tác hại của tình trạng tảo hôn và HNCHT, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng dân số, chất lượng nguồn nhân lực của đồng bào vùng DTTS./.

P.V

Đưa Nghị quyết vào cuộc sống

Trong những năm qua, việc triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi của Đảng và Nhà nước luôn được tỉnh Hà Giang quan tâm triển khai thực hiện có hiệu quả. Trong đó, có thể kể đến các chính sách như: Nghị quyết 30a, Chương trình 135, Quyết định 2085 ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017-2020 và Quyết định số 2086/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc rất ít người giai đoạn 2016-2025...

Thực hiện đồng bộ các chính sách, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh Hà Giang có bước phát triển khá; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được hoàn thiện; cơ cấu kinh tế chuyển mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa; đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc không ngừng được cải thiện; văn hóa truyền thống được giữ gìn, phát huy; đồng bào các dân tộc luôn tin tưởng và thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được và trên cơ sở bám sát tình hình thực tế đời sống của đồng bào DTTS và miền núi, ngày 1/12/2020, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang đã ban hành Nghị quyết 05/NQ-TU về cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ để tạo sinh kế cho người dân, giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 - 2025. Nghị quyết 05 đi vào cuộc sống đã thổi một luồng gió mới trong phát triển kinh tế vườn hộ, đem lại thu nhập, giúp nhiều hộ đồng bào DTTS và miền núi cải thiện đời sống, thay đổi đáng kể nhận thức của người dân; không gian sinh sống của gia đình đồng bào DTTS và miền núi được sắp xếp lại hợp lý, khoa học. Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy Đảng cũng đổi mới theo hình thức "cầm tay chỉ việc".

Bên cạnh đó, các nguồn kinh phí trợ cấp từ ngân sách Trung ương và các chính sách hỗ trợ của tỉnh Hà Giang cũng góp phần giúp đồng bào DTTS và miền núi vươn lên ổn định cuộc sống.



HÀ GIANG:

MÔ HÌNH CẢI TẠO VƯỜN TẠP GIÚP BÀ CON DÂN TỘC THIỂU SỐ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Minh Thư

Tỉnh Hà Giang với mô hình cải tạo vườn tạp đã và đang tạo hướng đi mới trong sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) nơi đây. Thông qua mô hình cải tạo vườn tạp giúp hộ đồng bào DTTS thay đổi nhận thức, thay đổi tập quán sản xuất và nâng cao đời sống, phát triển kinh tế hộ gia đình. Đặc biệt, nhiều hộ gia đình đã thoát nghèo từ mô hình này.

Tiếp nối những thành tích đạt được, thời gian tới, tỉnh Hà Giang tiếp tục ưu tiên, tập trung các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững. Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1719 ngày 14/10/2021, trong đó trên địa bàn tỉnh Hà Giang có 10 dự án và 12 tiểu dự án. Các dự án triển khai trên địa bàn tỉnh Hà Giang bao gồm: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết; phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị; đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi; phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS và phát triển du lịch; chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS và phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em; thực hiện bình đẳng giới

và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn; đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS và miền núi. Tổng kế hoạch vốn đối với 10 dự án thành phần thực hiện Chương trình giai đoạn 2021- 2025 là hơn 8.730 tỷ đồng, trong đó vốn Trung ương gần 7.779 tỷ đồng, còn lại là vốn đối ứng của địa phương và các vốn khác.

Mô hình cải tạo vườn tạp giúp bà con dân tộc thiểu số phát triển kinh tế

Là tỉnh vùng cao biên giới cực Bắc của Tổ quốc với đặc thù điều kiện tự nhiên, khí hậu giữa các vùng nên quy mô, diện tích vườn hộ của tỉnh Hà Giang có sự khác biệt. Đánh giá về kinh tế vườn hộ trong Nghị quyết 05 cho thấy, kinh tế vườn hộ là một bộ phận cấu thành kinh tế hộ gia đình trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, kinh tế vườn trong những năm qua chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, thế mạnh sẵn có, người dân vẫn để vườn tạp nhiều, chưa thực sự tạo sinh kế và chưa đáp ứng được nhu cầu, thu nhập hàng năm của hộ gia đình. Việc áp dụng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cùng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào diện tích vườn hộ sẽ đem lại thêm nguồn thu nhập ổn định,

cũng như đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cuộc sống hàng ngày của hộ gia đình một cách bền vững. Vì vậy, việc cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ để tạo sinh kế cho người dân, giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, triển khai cụ thể một trong ba khâu đột phá của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra: *"Tạo sinh kế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân"*.

Qua khảo sát thực tế vườn hộ cho thấy, quy mô diện tích vườn hộ có sự khác biệt giữa các vùng; cơ cấu cây trồng nhiều chủng loại nhưng giá trị kinh tế không cao; tập quán canh tác của đồng bào dân tộc mỗi vùng có nét riêng; giá trị thu nhập từ kinh tế vườn còn thấp. Xác định việc cải tạo vườn tạp phải được triển khai đồng bộ từ các cấp, các ngành đến người nông dân, với quan điểm: *"Không nóng vội, không thành tích, để làm trước, khó làm sau"*. Nghị quyết 05 về mô hình cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ được tỉnh Hà Giang cụ thể hóa vào cuộc sống và đang phát huy hiệu quả trở thành điểm sáng trong công tác xóa đói giảm nghèo cho đồng bào DTTS và miền núi.

Để triển khai thực hiện mô hình cải tạo vườn tạp giúp bà con dân tộc thiểu số phát triển

kinh tế, UBND tỉnh Hà Giang đã xây dựng, ban hành Đề án triển khai cụ thể; HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND, ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế vườn hộ và phát triển bền vững cây cam Sành trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025; các ngành liên quan và các huyện, thành phố tới các xã, thị trấn đều tập trung xây dựng kế hoạch thực hiện, bám sát đối tượng và điều kiện thực tiễn để triển khai hiệu quả.

Các huyện, thành phố chủ động xây dựng, triển khai kế hoạch và thành lập Ban chỉ đạo, xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban chỉ đạo phụ trách, giúp đỡ các hộ cải tạo vườn tạp; thành lập tổ thẩm định, hướng dẫn, tư vấn, xây dựng phương án sản xuất và phê duyệt danh sách các hộ để tổ chức thực hiện và đánh giá chất lượng vườn hộ thực hiện cải tạo từ khi triển khai đến nay.

Phổ biến cơ chế, chính sách về cải tạo vườn tạp; hướng dẫn, tư vấn kỹ thuật cho người dân; cách thức quy hoạch, bố trí không gian vườn hộ; bố trí cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tư vấn kỹ thuật, lựa chọn cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu; khả năng đầu tư của gia đình; ghi chép sổ nhật ký theo dõi sản xuất của hộ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh xác định rõ quan điểm cải tạo vườn tạp với mục tiêu cốt lõi là thay đổi tư duy và phương pháp trồng trọt của người dân trên chính mảnh đất vườn của mình, từ đó giúp người dân dần thay đổi nhận thức về tập quán sản xuất từ tự cung, tự cấp sang tư duy sản xuất hàng hóa gắn với liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hệ số sử dụng đất,

không để đất bỏ hoang; tích cực áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, tạo ra những hướng đi tiềm năng, mang lại hiệu quả kinh tế, giảm nghèo bền vững. Thực hiện hiệu quả mô hình cải tạo vườn tạp, nhiều hộ nghèo cải tạo vườn tạp đã giải quyết được nguồn cung cấp thực phẩm xanh cho gia đình, gia tăng thu nhập và góp phần cải thiện môi trường sinh thái, môi trường đất sản xuất, tăng độ che phủ, tạo môi trường xanh và bảo vệ sức khỏe của người dân.

Với sự chung tay, góp sức của đội ngũ cán bộ, sự đồng lòng của người dân, mô hình cải tạo vườn tạp của tỉnh Hà Giang đã mang lại hiệu quả kinh tế cao; tận dụng và phát huy tối đa diện tích đất sản xuất phù hợp với điều kiện nhân lực mỗi gia đình; ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để sản phẩm có năng suất, chất lượng tốt; liên kết giữa các hộ, nhóm hộ, địa phương để tạo ra vùng trồng các sản phẩm đủ lớn thành hàng hóa, đáp ứng nhu cầu và phù hợp với thị trường, hướng đến liên kết, cung cấp cho các hợp tác xã, doanh nghiệp chế biến... kết quả cải tạo vườn tạp đã và đang giúp không ít gia đình có việc làm ổn định, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho đồng bào DTTS các địa phương trong Tỉnh. Nghị quyết 05 về cải tạo vườn tạp trở thành một trong những mô hình sáng của tỉnh Hà Giang trong triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững của địa phương.

Với sự chỉ đạo xuyên suốt từ Tỉnh đến cơ sở, thông qua mô hình cải tạo vườn tạp đã xuất hiện những cách làm hay, chủ động, sáng tạo, hiệu quả từ cơ sở, trong đó có thể kể đến như: Huyện Vị Xuyên, Bắc Quang xây dựng thêm các tiêu chí phù hợp với thực tế; Hoàng Su Phì áp dụng biện pháp che phủ ni-lon cho cây ngô;

Quản Bạ, Bắc Mê lập nhóm thông tin qua mạng xã hội zalo để trao đổi thông tin hàng ngày, xếp đá, đổ đất, triển khai hình thức đầu tư có thu hồi; ở một số xã, các trường học hợp đồng bao tiêu sản phẩm rau; huyện Mèo Vạc, Đồng Văn thực hiện xếp đá, đổ đất để trồng cây ăn quả...

Có thể thấy, mô hình cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ, tạo sinh kế cho người dân, giảm nghèo bền vững theo Nghị quyết 05 bước đầu đã tạo được chuyển biến tích cực trong cả hệ thống chính trị và người dân. Người nông dân từng bước xác định được vai trò chủ thể của mình trong cải tạo vườn tạp, tham gia hưởng ứng mạnh mẽ, nhờ vậy năng suất, chất lượng nhiều loại cây trồng, vật nuôi được nâng lên. Các mô hình hay, cách làm khoa học, sáng tạo được nhân rộng, việc liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân với các doanh nghiệp có chuyển biến tích cực, tạo điều kiện bao tiêu nông sản và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, giúp đời sống tinh thần và vật chất của người dân được cải thiện.

Kết quả, sau gần 3 năm triển khai Nghị quyết số 05, trên địa bàn Tỉnh có 2.756 hộ nghèo, cận nghèo tham gia cải tạo vườn tạp, trong đó, hơn 1.900 vườn hộ cho hiệu quả kinh tế. Đặc biệt, với phương châm không để lãng phí tài nguyên đất, chương trình đã lan tỏa khí thế thi đua cải tạo vườn ở các hộ trung bình, khá, giàu với hơn 3.400 vườn, tổng diện tích trên 304ha đã được cải tạo. Trên cơ sở thành công của Chương trình, Hà Giang quyết tâm thực hiện thành công mục tiêu năm 2025 của Nghị quyết 05 là cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn có thu nhập khá cho 6.500 hộ (tương đương 6.500 vườn)/.

CÁCH TÍNH CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI CỦA LIÊN HỢP QUỐC VÀ VIỆC VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐỐI VỚI CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ CỦA VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê-TCTK

Chỉ số phát triển con người (HDI) là một trong những chỉ tiêu tổng hợp quan trọng, dùng để đo lường sự phát triển kinh tế-xã hội của một địa phương, một quốc gia hay một vùng lãnh thổ. Tại Việt Nam, HDI là một trong 230 chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ quy định tính toán hàng năm của cả nước và các địa phương trong "Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia" (Ban hành kèm theo Luật số 01/2021/QH15 Sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê) và Tổng cục Thống kê (TCTK) là cơ quan chịu trách thu thập, tổng hợp, tính toán chỉ tiêu này.

Các mốc thay đổi cách tính Chỉ số phát triển con người qua các năm của Liên Hợp Quốc

Năm 1990 là năm đầu tiên UNDP công bố chỉ số phát triển con người tại Báo cáo phát triển con người 1990 (Human development report 1990). Trong báo cáo đã nêu rõ ba yếu tố thiết yếu của cuộc sống con người là tuổi thọ, kiến thức và mức sống khá. Các chỉ tiêu cơ bản dùng để tính toán các chỉ số thành phần là: "Tuổi thọ trung bình", "Tỷ lệ người lớn biết chữ" và "GDP bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương". Theo đó, HDI được tính theo công thức bình quân cộng giản đơn từ 3 chỉ số thành phần: Chỉ số sức khỏe ($I_{\text{sức khỏe}}$); Chỉ số giáo dục ($I_{\text{giáo dục}}$) và Chỉ số thu nhập ($I_{\text{thu nhập}}$):

$$\text{HDI} = \frac{I_{\text{sức khỏe}} + I_{\text{giáo dục}} + I_{\text{thu nhập}}}{3}$$

Nguyên tắc cơ bản dùng để xác định ngưỡng Min-Max của các chỉ tiêu này được UNDP lựa chọn là giá trị của quốc gia đạt thấp nhất và quốc gia đạt cao nhất năm 1987. Cụ thể, đối với chỉ tiêu "Tuổi thọ trung bình" giá trị Max = 78 tuổi, Min = 42 tuổi. Đối với chỉ tiêu "Tỷ lệ người lớn biết chữ", giá trị Max = 100% và Min = 12%. Đối với chỉ tiêu "GDP Bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương", giá trị

Max = 4.861 USD-PPP và Min = 220 USD-PPP. Riêng với chỉ tiêu "GDP Bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương" khi tính chỉ số thành phần thu nhập thì lấy logarit của thu nhập để tính toán. Tức là ngưỡng Max lấy theo giá trị logarit của thu nhập là 3,86 và ngưỡng Min là 2,34.

Cùng với thời gian, các chỉ số thành phần ... đã có những điều chỉnh nhằm phản ánh tốt hơn về phát triển con người ở những giai đoạn phát triển khác nhau và cách tính HDI của UNDP đã có những điều chỉnh, thay đổi.

Năm 1991, HDI có sự điều chỉnh ở chiều cạnh giáo dục, chỉ số thành phần giáo dục thay vì được tính từ 1 chỉ tiêu "Tỷ lệ người lớn biết chữ" thì năm này UNDP bổ sung thêm chỉ tiêu "Số năm đi học bình quân". Như vậy, chỉ số thành phần giáo dục được tính từ hai chỉ tiêu cơ bản "Tỷ lệ người lớn biết chữ" (trọng số 2/3) và "Số năm đi học bình quân" (trọng số 1/3). Nguyên tắc cơ bản chọn ngưỡng Min-Max ở năm này vẫn là giá trị của quốc gia thấp nhất và quốc gia cao nhất. So với cách tính của năm 1990, cách tính Chỉ số thu nhập của năm 1991 có một điểm khác nữa là chỉ tiêu "GDP Bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương" không tính theo giá trị logarit nữa mà GDP bình quân đầu người tính bằng Đô la Mỹ theo sức mua tương đương (USD-PPP) trước khi đưa vào

tính toán thì phải trải qua một số bước điều chỉnh để đảm bảo ý nghĩa đồng tiền ngang nhau khi tiêu dùng, người ta tiến hành chiết khấu thu nhập cao theo công thức:

$$W(y) = y \text{ nếu } 0 \leq y \leq y^*$$

$$W(y) = y^* + 2(y - y^*)^{1/2} \text{ nếu } y^* \leq y \leq 2y^*$$

$$W(y) = y^* + 2y^{*1/2} + 3(y - 2y^*)^{1/3} \text{ nếu } 2y^* \leq y \leq 3y^*$$

$$W(y) = y^* + 2y^{*1/2} + 3y^{*1/3} + 4(y - 3y^*)^{1/4} \text{ nếu } 3y^* \leq y \leq 4y^*$$

$$W(y) = y^* + 2y^{*1/2} + 3y^{*1/3} + 4y^{*1/4} + 5(y - 4y^*)^{1/5} \text{ nếu } 4y^* \leq y \leq 5y^*$$

$$W(y) = y^* + 2y^{*1/2} + 3y^{*1/3} + 4y^{*1/4} + 5y^{*1/5} + 6(y - 5y^*)^{1/6} \text{ nếu } 5y^* \leq y \leq 6y^*$$

Đối với mức thu nhập cực đại (chẳng hạn 40.000 USD-PPP) hoặc cao hơn, công thức chiết khấu như sau:

$$W(y) = y^* + 2y^{*1/2} + 3y^{*1/3} + 4y^{*1/4} + 5y^{*1/5} + 6y^{*1/6} + 7(40.000 - 6y^*)^{1/7} \text{ nếu } 6y^* \leq y \leq 7y^*$$

Trong đó:

y: GDP bình quân đầu người thực tế

W(y): Mức GDP bình quân đầu người được điều chỉnh lại

y*: GDP bình quân đầu người trung bình của toàn thế giới

Việc sử dụng công thức này để tính toán rất phức tạp, công kênh, dễ nhầm lẫn, các quốc gia có thu nhập càng cao thì mức chiết khấu càng lớn, điều này đồng nghĩa với việc gây bất lợi cho những quốc gia có thu nhập cao.

Năm 1994, có sự thay đổi lớn về cách chọn ngưỡng Min-Max của các chỉ tiêu cơ bản. Năm này ngưỡng Min-Max được UNDP ấn định các giá trị cố định. Cụ thể, chỉ tiêu "Tuổi thọ trung bình" (Ngưỡng Min-Max là 25 tuổi và 85 tuổi); "Tỷ lệ người lớn biết chữ" (0% và 100%); "Số năm đi học bình quân" (0 và 15 năm); "GDP bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương" (200 USD-PPP và 40.000 USD-PPP).

Năm 1995, có hai sự thay đổi ở chiều cạnh giáo dục và chiều cạnh thu nhập.

Thứ nhất, Chỉ tiêu "Số năm đi học bình quân" được thay thế bằng chỉ tiêu "Tỷ lệ đi học các cấp giáo dục". Do chỉ tiêu "Số năm đi học bình quân" tính toán rất phức tạp và đòi hỏi phải có nguồn dữ liệu lớn, hơn thế nữa số liệu về số năm đi học bình quân không được cung cấp bởi cơ quan hay tổ chức quốc tế nào, do đó số liệu đôi khi là số liệu ước tính, điều này không phải bất cứ khi nào cũng được chấp nhận. Còn việc sử dụng chỉ tiêu thay thế là "Tỷ lệ đi học các cấp giáo dục" có thể khắc phục được hai vấn đề trên. Như vậy, chỉ số thành phần giáo dục được tính từ hai chỉ tiêu cơ bản "Tỷ lệ người lớn biết chữ" (trọng số 2/3) và "Tỷ lệ đi học các cấp giáo dục" (trọng số 1/3);

Thứ hai, ngưỡng Min của chỉ tiêu "GDP bình quân đầu người theo sức mua tương đương" giảm từ 200 USD-PPP xuống còn 100 USD-PPP. Sở dĩ có sự thay đổi này vì trong quá trình xây dựng Chỉ số phát triển giới (GDI) cho các quốc gia khác nhau, giá trị quan sát

tối thiểu về thu nhập của nữ giới là 100 USD-PPP. Việc sử dụng ngưỡng Min = 100 USD-PPP để tính toán chỉ tiêu HDI để đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh giữa hai chỉ số HDI và GDI. Hơn thế nữa, việc điều chỉnh ngưỡng Min của một trong các chỉ tiêu tính HDI cũng không làm ảnh hưởng quá nhiều đến kết quả tính HDI vì đây là giá trị cận biên.

Trong năm này, ngoài các chỉ tiêu thay mới thì giá trị Min-Max của các chỉ tiêu còn lại vẫn được cố định như nguyên tắc chọn ngưỡng của năm 1994. Cụ thể: Chỉ tiêu "Tuổi thọ trung bình" ngưỡng Min-Max là 25 tuổi và 85 tuổi; "Tỷ lệ người lớn biết chữ" (0 và 100%); "Tỷ lệ đi học các cấp giáo dục" (0 và 100%); "GDP bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương" (100 USD-PPP và 40.000 USD-PPP).

Năm 1999, từ những khó khăn và bất lợi khi sử dụng GDP bình quân đầu người sau khi điều chỉnh để tính chỉ số thu nhập như công thức nêu từ năm 1991, từ sau năm 1999, Văn phòng báo cáo phát triển con người (HDRO) đã ấn định công thức khác để chiết khấu đồng đều mức thu nhập của các quốc gia và cũng đảm bảo công thức đơn giản, dễ hiểu. Khi đó chỉ số thu nhập ($W_{(y)}$) được tính theo công thức sau:

$$W_{(y)1999} = \frac{\text{Log}(y) - \text{Log}(y_{\min})}{\text{Log}(y_{\max}) - \text{Log}(y_{\min})}$$

Trong đó: **y**: Mức độ thực tế của GDP bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương (USD-PPP)

y_{max}: Mức tối đa của GDP bình quân đầu người (40.000 USD-PPP)

y_{min}: Mức tối thiểu của GDP bình quân đầu người (100 USD-PPP)

Năm 2010 là một năm đánh dấu sự thay đổi lớn về cách tính HDI, nguyên tắc xác định ngưỡng Min-Max và thay đổi chỉ tiêu cơ bản ở cả chiều cạnh sức khỏe, giáo dục và cả chiều cạnh thu nhập. Từ năm này, HDI được tính theo phương pháp bình quân nhân đơn giản ba chỉ số thành phần sức khỏe, giáo dục và thu nhập. Ở chiều cạnh sức khỏe, giá trị Min của chỉ tiêu "Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh" được điều chỉnh từ 25 tuổi xuống còn 20 tuổi. Ở chiều cạnh giáo dục, chỉ tiêu "Tỷ lệ người lớn biết chữ" được thay thế bằng chỉ tiêu "Số năm đi học bình quân" và chỉ tiêu "Tỷ lệ đi học các cấp giáo dục" được thay thế bằng chỉ tiêu "Số năm đi học kỳ vọng". Việc sử dụng các chỉ tiêu thay thế này sẽ đưa ra bức tranh toàn cảnh hơn về khả năng tiếp cận giáo dục của trẻ em. Ở chiều cạnh thu nhập, chỉ tiêu "GDP bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương" được thay thế bởi chỉ tiêu "GNI bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương" để so sánh tốt hơn mức sống giữa các quốc gia. Giá trị Max của các chỉ tiêu được xác định là giá trị tối đa quan sát được thực tế trong giai đoạn 1980-2010. Cụ thể: Chỉ tiêu "Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh" có ngưỡng Max là 83,2 tuổi, chỉ tiêu "Số năm đi học bình quân" và chỉ tiêu "Số năm đi học kỳ vọng" có ngưỡng Max quan sát được lần lượt là 13,2 năm và 20,6 năm. Giá trị Min của Chỉ tiêu "Số năm đi học bình quân" và "Số năm đi học kỳ vọng" bằng 0 vì UNDP cho rằng xã hội có thể tồn tại mà không cần giáo dục chính quy.

Thêm một thay đổi nhỏ trong cách tính "Chỉ số thu nhập" trong năm này, đó là chỉ số thu nhập được xác định bằng phép toán logarit tự nhiên chỉ tiêu "Tổng thu nhập quốc gia (GNI) bình quân đầu người theo sức mua tương đương (USD-PPP)":

$$W_{(y)2010} = \frac{\ln(y) - \ln(y_{\min})}{\ln(y_{\max}) - \ln(y_{\min})}$$

Trong đó: $W_{(y)2010}$: Chỉ số thu nhập theo cách tính từ năm 2010

Ln: Phép toán logarit tự nhiên

y: GNI bình quân đầu người thực tế đạt được, tính theo USD-PPP

y_{\max} : GNI bình quân đầu người tối đa

y_{\min} : GNI bình quân đầu người tối thiểu

Năm 2014, có sự thay đổi trong cách chọn ngưỡng Min-Max của các chỉ tiêu cơ bản, năm này các chỉ tiêu cơ bản được UNDP ấn định các giá trị Min-Max cố định. Cụ thể, chỉ tiêu "Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh" (Ngưỡng Min-Max là 20 tuổi và 85 tuổi); "Số năm đi học bình quân" (0 và 15 năm); "Số năm đi học

kỳ vọng" (0 và 18 năm); "GNI bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương" (100 USD-PPP và 75.000 USD-PPP). Ngưỡng Max của chỉ tiêu "Số năm đi học bình quân" là 15 năm là mức tối đa sự kiện của chỉ tiêu này cho năm 2025. Ngưỡng Max của chỉ tiêu "Số năm đi học kỳ vọng" là 18 năm, tương đương với việc đạt được bằng thạc sĩ ở hầu hết các quốc gia. Ngưỡng Max của chỉ tiêu "GNI bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương" là 75.000 USD-PPP.

Phương pháp tính HDI đối với cấp tỉnh, thành phố của Việt Nam

Tại Việt Nam, việc tính toán HDI và các chỉ số thành phần liên quan đến HDI cấp tỉnh về nguyên tắc vẫn theo phương pháp và quy trình tính HDI và các chỉ số thành phần liên quan của Liên Hợp Quốc. Hầu hết tất cả các tỉnh, các cấp, các ngành đều nhận thấy sự cần thiết phải tính toán HDI phục vụ cho quá trình đề ra chính sách phát triển thuộc lĩnh vực quản lý, trong đánh giá chất lượng cuộc sống, chất lượng dân số, tiến bộ xã hội để có thể so sánh địa phương mình với các địa phương khác trong cả nước, đặc biệt để đánh giá chất lượng tăng trưởng, chất lượng của phát triển bền vững. Theo Nghị định Số 94/2022/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 07/11/2022, việc tính toán HDI cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được giao cho Tổng cục Thống kê tính toán.

Chỉ số phát triển con người cấp tỉnh của Việt Nam được tính theo phương pháp bình quân nhân giản đơn ba chỉ số thành phần là "Chỉ số sức khỏe ($I_{\text{sức khỏe}}$)"; "Chỉ số giáo dục ($I_{\text{giáo dục}}$)" và "Chỉ số thu nhập ($I_{\text{thu nhập}}$)".

$$HDI = \sqrt[3]{I_{\text{sức khỏe}} \times I_{\text{giáo dục}} \times I_{\text{thu nhập}}}$$

Trong đó:

- *Chỉ số sức khỏe:* Được tính theo chỉ tiêu cơ bản "Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh".

$$I_{\text{sức khỏe}} = \frac{X_{\text{tuổi}}^{\text{thực}} - X_{\text{tuổi}}^{\text{min}}}{X_{\text{tuổi}}^{\text{max}} - X_{\text{tuổi}}^{\text{min}}}$$

Trong đó:

$X_{\text{tuổi}}^{\text{thực}}$: Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh thực tế đã đạt được

$X_{\text{tuổi}}^{\text{max}}$: Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh tối đa (85 tuổi)

$X_{\text{tuổi}}^{\text{min}}$: Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh tối thiểu (20 tuổi)

- *Chỉ số giáo dục:* Được tính toán thông qua hai chỉ tiêu: (1) “Số năm đi học bình quân của những người từ 25 tuổi trở lên” (viết gọn là Số năm đi học bình quân) và (2) “Số năm đi học kỳ vọng của trẻ em trong độ tuổi đi học” (viết gọn là Số năm đi học kỳ vọng). Tương ứng với hai chỉ tiêu trên sẽ có hai chỉ số “Số năm đi học bình quân ($I_{\text{bình quân}}$)” và chỉ số “Số năm đi học kỳ vọng ($I_{\text{kỳ vọng}}$)” cần tính toán.

$$I_{\text{giáo dục}} = \frac{I_{\text{bình quân}} + I_{\text{kỳ vọng}}}{2}$$

- *Chỉ số thu nhập:* Đối với cả nước, việc tính toán Chỉ số thu nhập dựa trên chỉ tiêu “Tổng thu nhập quốc gia (GNI) bình quân đầu người theo sức mua tương đương (PPP)”, thường được quy về đô la Mỹ (USD-PPP) để đảm bảo tính so sánh quốc tế. Tuy nhiên, với Chỉ tiêu GNI, TCTK mới chỉ biên soạn và tính toán được cho cả nước, chưa tính cho các địa phương. Để khắc phục khó khăn thiếu chỉ tiêu GNI của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi tính chỉ số thu nhập, TCTK đã sử dụng chỉ tiêu thay thế là GRDP và vận dụng phương pháp tính Chỉ số thu nhập bằng phép toán logarit tự nhiên chỉ tiêu “GRDP bình quân đầu người theo sức mua tương đương (PPP) quy về đô la Mỹ (USD-PPP)”.

Với việc coi phương pháp tính HDI của Liên Hợp Quốc đưa ra là nền tảng, TCTK đã vận dụng linh hoạt phương pháp tính và sử dụng thống nhất dựa trên tình hình thực tế về thực trạng thống kê của cả nước và của từng địa phương. Qua đó, phản ánh được trình độ phát triển con người của từng địa phương và giúp các nhà quản lý đưa ra được các chính sách cũng như phát hiện những khía cạnh non yếu để từ đó có những giải pháp thích hợp nhằm nâng cao năng lực lựa chọn và mở rộng phạm vi lựa chọn cho con người./

Giới thiệu chung

Nâng cao năng suất luôn là vấn đề được quan tâm của bất kỳ một doanh nghiệp, một nền kinh tế, một lãnh thổ, quốc gia nào trên thế giới. Vai trò của tăng năng suất đối với tăng trưởng kinh tế càng quan trọng hơn khi các yếu tố đầu vào như vốn, lao động, đất đai, tài nguyên... ngày càng trở nên khan hiếm hơn. Việc xác định TFP vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Khánh Hòa sẽ giúp Lãnh đạo các cấp có cái nhìn tổng quan hơn về chất lượng tăng trưởng của kinh tế địa phương. Qua đó, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và hoạch định các chính sách phát triển.

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp hạch toán để tính tốc độ tăng TFP cho tỉnh Khánh Hòa. Công thức tính toán như sau:

$$\dot{I}_{TFP} = \dot{I}_Y - (\alpha \cdot \dot{I}_K + \beta \cdot \dot{I}_L)$$

Trong đó: \dot{I}_{TFP} là tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp; \dot{I}_Y là tốc độ tăng GRDP; \dot{I}_K là tốc độ tăng của vốn cố định (K - Vốn cố định); \dot{I}_L là tốc độ tăng của lao động (L - Lao động làm việc); α là hệ số đóng góp của vốn cố định; β là hệ số đóng góp của lao động (với $\alpha + \beta = 1$).

Tỷ trọng đóng góp của tăng TFP vào tăng trưởng kinh tế:

$$\text{Tỷ trọng đóng góp của TFP} = \frac{\dot{I}_{TFP}}{\dot{I}_Y} \times 100\%$$

Về nguồn số liệu, nghiên cứu chủ yếu thu thập, xử lý, tổng hợp nguồn số liệu thứ cấp như: Khai thác số liệu từ nguồn tài liệu sẵn có của Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa và Tổng cục Thống kê. Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phép so sánh và phương pháp suy luận để đánh giá, phân tích nhằm rút ra những đặc điểm, nguyên nhân và tồn tại hạn chế của những yếu tố cần đánh giá.

(1) Tính giá trị Tài sản cố định (TSCĐ)

Tổng giá trị TSCĐ có đến cuối năm 2015, tức là tổng giá trị TSCĐ đầu năm 2016 là 111.941,64 tỷ đồng, từ đó thực hiện tính giá trị TSCĐ có đến cuối năm và bình quân năm, từ năm 2016 đến năm 2022 theo bảng số liệu dưới đây:

Bảng 1: Giá trị TSCĐ có đến cuối năm và bình quân năm (theo giá so sánh 2010)

Năm	TSCĐ đầu năm (Tỷ đồng)	TSCĐ đầu năm còn lại (Tỷ đồng)	Vốn đầu tư trong năm (Tỷ đồng)	VĐT trong năm còn lại (Tỷ đồng)	TSCĐ cuối năm (Tỷ đồng)	TSCĐ BQ năm (Tỷ đồng)	Tốc độ tăng (%)
2016	111.941,64	104.665,43	22.869,00	22.125,76	126.791,19	119.366,41	13,19
2017	126.791,19	118.549,76	26.195,00	25.343,66	143.893,42	135.342,31	13,38
2018	143.893,42	134.540,35	27.744,00	26.842,32	161.382,67	152.638,05	12,78
2019	161.382,67	150.892,80	29.934,00	28.961,15	179.853,94	170.618,31	11,78
2020	179.853,94	167.264,17	24.239,10	23.390,73	190.654,90	185.254,42	8,58
2021	190.654,90	177.309,06	22.198,00	21.421,07	198.730,13	194.692,51	5,09
2022	198.730,13	184.819,02	36.524,97	35.246,60	220.065,61	209.397,87	7,55

NĂNG SUẤT NHÂN TỐ TỔNG HỢP (TFP) TỈNH KHÁNH HÒA GIAI ĐOẠN 2016 - 2022 THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ThS. Hồ Lê Tấn Thanh - ThS. Dương Thị Thanh Huyền
Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa

Tóm tắt

Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đã nêu rõ mục tiêu đến năm 2045 Khánh Hòa là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á, là thành phố đáng sống, nơi Nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc... Để đạt được mục tiêu đó, ngoài sự quản lý, điều hành của Lãnh đạo các cấp, thì việc bố trí nguồn lực tối ưu nhằm tăng cao năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) càng trở nên cấp thiết. Nghiên cứu này tiếp cận bằng phương pháp hạch toán gồm ba yếu tố: Vốn (K), Lao động (L) và Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP), để xác định mức đóng góp của các thành phần vào tăng trưởng kinh tế. Từ đó, tính toán tỷ trọng đóng góp TFP vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2022. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tốc độ tăng TFP của Khánh Hòa bình quân giai đoạn 2016-2022 có xu hướng tăng cao.

(2) Tính tốc độ tăng của Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên hiện đang làm việc

Đối với chỉ tiêu này, nghiên cứu thu thập số liệu từ Niên giám thống kê và được thể hiện theo bảng số liệu sau đây:

Bảng 2: Lao động trên 15 tuổi hiện đang làm việc hàng năm

Năm	Lao động (Nghìn người)	Tốc độ tăng (%)	Năng suất lao động (Triệu đồng)
2016	659,100	(1,01)	63,72
2017	675,900	2,55	67,05
2018	680,000	0,61	71,67
2019	671,900	(1,19)	78,67
2020	642,500	(4,38)	74,02
2021	591,961	(7,87)	76,28
2022	652,076	10,16	83,59

(3) Tính tốc độ tăng của chỉ tiêu GRDP

Chỉ tiêu GRDP cũng thu thập số liệu từ Niên giám thống kê, thể hiện theo bảng số liệu sau:

Bảng 3: Giá trị và tốc độ tăng của chỉ tiêu GRDP

Năm	GRDP theo giá 2010 (Tỷ đồng)	Tốc độ tăng (%)
2016	42.000,37	7,97
2017	45.321,75	7,91
2018	48.734,30	7,53
2019	52.858,96	8,46
2020	47.558,48	- 10,03
2021	45.157,69	- 5,05
2022	54.505,08	20,70

(4) Tính Hệ số thu nhập lao động (Hệ số β)

Để tính được Hệ số β , tác giả tiếp cận cách tính dựa trên dữ liệu thống kê từ Bảng cân đối liên ngành I/O năm 2012 để tính toán hệ số β chung cho toàn ngành, cho kết quả như sau:

- Thu nhập của người lao động cho kết quả: 1.898.020.012 triệu đồng.

- Giá trị tăng thêm (theo giá cơ bản) cho kết quả: 2.943.969.528 triệu đồng.

Từ kết quả 2 yếu tố nêu trên, tính được Hệ số β là 0,6447.

Với Hệ số β là 0,6447, sẽ dễ dàng tính được Hệ số đóng góp của vốn (α) bằng công thức:

$$\text{Hệ số } \alpha + \text{Hệ số } \beta = 1$$

Vậy Hệ số vốn (α) là 0,3553.

(5) Kết quả tính chỉ tiêu tốc độ tăng TFP của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2022

Qua phân tích cho thấy, tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) của Khánh Hòa bình quân giai đoạn 2016-2022 có xu hướng tăng cao.

Nếu xét tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) bình quân giai đoạn 2016-2019 (nền kinh tế trước đại dịch Covid-19) tăng mức 2,67%, riêng năm 2017 cho kết quả tăng thấp nhất 1,51%, do năm này tỉnh Khánh Hòa chịu thiệt hại nặng từ cơn bão số 12 (Damrey) làm ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế.

Nếu xét tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) bình quân giai đoạn 2016-2022 (không xét yếu tố đại dịch Covid-19) tăng mức 4,39%, cho thấy mức tăng trưởng chỉ tiêu TFP phản ánh trung thực và khách quan nhất đối với nền kinh tế của tỉnh Khánh Hòa.

Bảng 4: Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) của Khánh Hòa bình quân giai đoạn 2016-2022

Năm	Tốc độ tăng %			Hệ số		Tăng GRDP (%) do tăng:		Tăng TFP (%)
	GRDP	TSCĐ	LĐ	α	β	TSCĐ	LĐ	
2016	7,97	13,19	-1,01	0,36	0,64	4,6864	-0,6488	3,9277
2017	7,91	13,38	2,55	0,36	0,64	4,7551	1,6433	1,5095
2018	7,53	12,78	0,61	0,36	0,64	4,5403	0,3911	2,5982
2019	8,46	11,78	-1,19	0,36	0,64	4,1851	-0,7680	5,0464
2020	-10,03	8,58	-4,38	0,36	0,64	3,0477	-2,8210	-10,2543
2021	-5,05	5,09	-7,87	0,36	0,64	1,8101	-5,0713	-1,7868
2022	20,70	7,55	10,16	0,36	0,64	2,6835	6,5472	11,4687
2016-2019	7,96	12,77	1,17	0,36	0,64	4,5363	0,7522	2,6712
2016-2022*	9,64	11,50	1,80	0,36	0,64	4,0841	1,1596	4,3926
2016-2022	8,84	9,81	2,52	0,36	0,64	3,4870	1,6256	3,7237

Tuy vậy, một nền kinh tế dù có ổn định đến mấy cũng phải chịu những yếu tố tác động tiêu cực mà điển hình là chịu tác động từ đại dịch Covid-19. Từ dữ liệu trên, tác giả đã tính tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) bình quân giai đoạn 2016-2022 (tính cả yếu tố đại dịch Covid-19) chỉ tăng mức 3,72%, làm giảm đi 0,67% nếu như không phát sinh yếu tố đại dịch xảy ra trên địa bàn Tỉnh.

(6) Kết quả tính tỷ trọng đóng góp TFP vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2022

Có thể thấy rằng, mức đóng góp chỉ tiêu TFP vào tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016-2019

(nền kinh tế trước đại dịch Covid-19) đạt mức 33,56% chủ yếu do tăng ở yếu tố vốn (K).

Nếu xét mức đóng góp chỉ tiêu TFP vào tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016-2022 (loại bỏ yếu tố đại dịch Covid-19) đạt mức 45,58%, tại điều kiện này cho thấy tuy yếu tố lao động có mức đóng góp cải thiện, song yếu tố về vốn vẫn là yếu tố quyết định. Do đó, để tăng trưởng kinh tế thì yếu tố đầu tư về vốn (TSCĐ, máy móc, thiết bị...) vẫn là yếu tố then chốt, điều đó cho thấy tính phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Nếu xét mức đóng góp chỉ tiêu TFP vào tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016-2022 (tính cả yếu tố đại dịch Covid-19) đạt mức 42,14%,

kết quả cho thấy mức đóng góp thấp hơn là điều tất yếu. Có điều đáng chú ý là ngành du lịch đóng cửa gây hiệu quả sử dụng lao động giảm, nhưng nhờ các chính sách cải thiện và thu hút vốn đầu tư trong các ngành công nghiệp và xây dựng nên đã góp phần làm giảm áp lực suy giảm, giúp chỉ tiêu đóng góp TFP ổn định hơn.

Kết quả phân tích cho thấy, sự phát triển kinh tế của tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn 2016-2022 vẫn phụ thuộc nhiều về sự gia tăng của nguồn vốn đầu tư với tỷ phần đóng góp cao, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư mặc dù đã có cải thiện và năng suất lao động đã có sự thay đổi nhưng vẫn còn chậm so với lợi thế của Tỉnh.

Bảng 5: Tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016-2022

Năm	Tăng GRDP (%) do tăng:		Tăng TFP (%)	Tỷ trọng đóng góp vào tăng GRDP do:		
	TSCĐ	LĐ		Tăng TSCĐ	Tăng LĐ	Tăng TFP
	6	7	8	9	10	11
2016	4,6864	-0,6488	3,9277	58,84	-8,15	49,31
2017	4,7551	1,6433	1,5095	60,13	20,78	19,09
2018	4,5403	0,3911	2,5982	60,30	5,19	34,51
2019	4,1851	-0,7680	5,0464	49,45	-9,07	59,62
2020	3,0477	-2,8210	-10,2543
2021	1,8101	-5,0713	-1,7868
2022	2,6835	6,5472	11,4687	12,96	31,63	55,41
2016-2019	4,5363	0,7522	2,6712	56,99	9,45	33,56
2016-2022*	4,0841	1,1596	4,3926	42,38	12,03	45,58
2016-2022	3,4870	1,6256	3,7237	39,46	18,40	42,14

* Loại bỏ yếu tố đại dịch Covid-19 ảnh hưởng trong 2 năm 2020-2021

(7) Dự báo tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tỉnh Khánh Hòa trong thời gian tới

Dựa trên các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và dự báo về lao động, việc làm và tốc độ tăng vốn, nghiên cứu đưa ra kịch bản dự báo mục tiêu tăng năng suất của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn đến năm 2025 như sau:

- Về dự báo tăng trưởng kinh tế, với tốc độ tăng GRDP bình quân năm thuộc giai đoạn 2021-2022 là 7,05%, tức là chỉ số phát triển GRDP là 107,05% hoặc 1,0705 lần, thì dự kiến bình quân 3 năm còn lại GRDP tăng 7,22% hoặc 1,0722 lần. Từ đó, dự kiến chỉ số phát triển GRDP bình quân giai đoạn 2021-2025 được dự báo như sau:

$$(1,0705^2 \cdot 1,0722^3)^{1/5} = (1,41253968)^{1/5} = 1,0715 \text{ hoặc } 107,15\%.$$

- Về dự báo tốc độ tăng lao động bình quân năm giai đoạn 2021-2022 là 0,74% thì dự kiến bình quân 3 năm còn lại là 0,03%. Vậy dự kiến có tốc độ tăng lao động bình quân năm của giai đoạn 2021-2025 là:

$$(1,0074^2 \cdot 1,0003^3)^{1/5} = (1,015768403)^{1/5} = 1,0031 \text{ hoặc } 100,31\%.$$

- Về dự báo tốc độ tăng vốn bình quân năm giai đoạn 2021-2022 là 7,87% và dự báo tốc độ tăng vốn bình quân năm giai đoạn 2023-2025 là 8,3%. Tốc độ tăng vốn bình quân năm của giai đoạn 2021-2025 dự kiến là:

$$(1,0787^2 \cdot 1,0830^3)^{1/5} = (1,47804184)^{1/5} = 1,0813 \text{ hoặc } 108,13\%.$$

- Từ các kết quả tính ở trên, tốc độ tăng TFP giai đoạn đến năm 2015 được dự báo như sau:

$$ITFP = 7,15 - (0,375 \cdot 8,13 + 0,625 \cdot 0,31) = 3,9074\%.$$

Tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế là:

$$(3,9074 : 7,15) \cdot 100 = 54,65\%.$$

Kết luận, kiến nghị và giải pháp

Giai đoạn 2016-2022, kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa tiếp tục tăng trưởng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng (tăng tỷ trọng ngành Dịch vụ, Công nghiệp và xây dựng và giảm tỷ trọng ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản); phát triển mạnh doanh nghiệp, khuyến khích khởi nghiệp; đưa du lịch thực sự trở thành động lực phát triển của tỉnh; tái cơ cấu nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh kết quả đạt được, kinh tế - xã hội Tỉnh gặp những khó khăn và thách thức như: Công tác kêu gọi xúc tiến đầu tư còn nhiều hạn chế, việc triển khai thực hiện các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tạo mặt bằng cho sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn; một số công trình hạ tầng kỹ thuật quan trọng chưa được đầu tư nâng cấp, mở rộng theo quy hoạch; hạ tầng giao thông chưa đồng bộ. Phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp; thu hút đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng tại khu kinh tế Vân Phong còn gặp khó khăn; thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là dịch Covid-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh,

nguồn thu ngân sách và một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội; công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực vẫn còn thiếu so với nhu cầu thực tế, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

Qua số liệu phân tích, mức tăng trưởng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2010-2015 là 4,81%, giai đoạn 2016-2022 là 4,57%. Điều này cho thấy, xu hướng tăng trưởng của nền kinh tế cũng như năng suất lao động có sự cải thiện, mặc dù tốc độ tăng NSLĐ bình quân có giảm nhẹ so với giai đoạn trước. Trong ba khu vực kinh tế, năng suất lao động khu vực Công nghiệp và xây dựng là cao nhất, tiếp đến là khu vực Dịch vụ.

Giải pháp nâng cao mức đóng góp của TFP trong tăng trưởng GRDP giai đoạn đến năm 2025:

Một là, cần tập trung nỗ lực hơn nữa trong việc nâng cao đóng góp của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đối với tăng NSLĐ của Khánh Hòa. Đối với nền kinh tế quy mô vừa và nhỏ như Khánh Hòa, để tăng trưởng cao và bền vững không chỉ tăng cường thu hút vốn đầu tư mà quan trọng hơn là phải sử dụng nguồn vốn huy động có hiệu quả, tăng năng suất lao động, tạo thành thể mạnh lâu dài trong tăng trưởng kinh tế.

Hai là, nâng cao tốc độ tăng năng suất nội ngành, đặc biệt đối với ngành du lịch, dịch vụ, đây là những lĩnh vực có nhiều dư địa để tăng năng suất. Đẩy mạnh triển khai các biện pháp chính sách khuyến khích áp dụng các công nghệ trong quản lý và công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.

Ba là, tiếp tục thực hiện các chủ trương, chính sách hỗ trợ phù hợp với tiềm năng, lợi thế và điều kiện

kinh tế - xã hội của địa phương, để tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển và khẳng định rõ hơn vai trò, vị trí của kinh tế tư nhân đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Bốn là, tăng cường chính sách phát triển công tác đào tạo nghề, nâng cao chất lượng lao động trên địa bàn Tỉnh. Nâng cao trình độ văn hoá và trình độ nhận thức cho người lao động, từng bước xây dựng và hoàn thiện các cơ sở dạy nghề hiện có theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tăng tính thực tiễn, sát với thực tế của địa phương, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp trên địa bàn. Tiếp tục chuẩn hóa chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý trong các cơ sở đào tạo phục vụ ngày càng tốt hơn cho công tác đào tạo nguồn nhân lực.

Năm là, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư bằng cách chống thất thu thuế, trốn thuế. Ngoài ra, cần định hướng và tranh thủ nguồn vốn từ ngân sách Trung ương vào xây dựng hạ tầng lớn, trọng điểm, mang tính đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Cần tiếp tục hoàn thiện chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư nước ngoài; thực hiện quản lý đầu tư theo quy hoạch, kế hoạch, tránh tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả, phá vỡ cảnh quan, môi trường sinh thái; tăng cường công tác giám sát đầu tư nhằm khắc phục tình trạng tiêu cực, lãng phí, thất thoát trong đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư quốc tế, chú trọng các dự án đầu tư có tiềm năng lớn về vốn và năng lực trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ cho Tỉnh; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông, tạo ra những điểm du lịch hấp dẫn, ấn tượng nhằm thu hút khách du lịch quốc tế.

Sáu là, ưu tiên các chính sách phát triển khoa học và công nghệ. Tốc độ phát triển của TFP phụ thuộc rất lớn vào yếu tố quản trị, công nghệ và nguồn nhân lực. Chính vì vậy, đổi mới công nghệ là điều kiện quan trọng, tiên quyết để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm nói chung và tăng tốc độ phát triển của TFP nói riêng. Cần có những định hướng, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp mạnh dạn nhập khẩu, đổi mới máy móc, thiết bị hiện đại; đẩy mạnh đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng lực sản xuất và sức cạnh tranh, đổi mới cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa (2021). *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa khóa XVIII*;
2. Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
3. *Chỉ tiêu năng suất giai đoạn 2010-2015, các giải pháp nâng cao chỉ tiêu năng suất đến năm 2020 định hướng đến 2030 của tỉnh Khánh Hòa* (2017), PGS.TS.Trần Kim Chung; TS.Đặng Thị Thu Hoài, Đỗ Thị Thu Thủy, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương;
4. *Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp của công nghiệp Việt Nam, giai đoạn 1991 - 2003* (2005), PGS.TS. Tăng Văn Khiên, Thông tin khoa học thống kê;
5. *Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp, phương pháp tính và ứng dụng* (2018), PGS.TS. Tăng Văn Khiên, Nhà xuất bản Thống kê;
6. *Phương pháp tính tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp theo cách tiếp cận Thống kê* (2002), TS. Tăng Văn Khiên, Thông tin khoa học thống kê;
7. Niên giám thống kê Khánh Hòa các năm 2010-2022.

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VẤN LÀ THÁCH THỨC LỚN CỦA THẾ GIỚI

Kim Hải

Tác động tàn khốc từ biến đổi khí hậu

Theo dữ liệu của Trung tâm Dự báo Môi trường Quốc gia Mỹ, ngày 03/7/2023, nhiệt độ trung bình toàn cầu đạt 17,01 độ C - mức cao nhất kể từ năm 1979 cho đến nay. Những ngày tiếp sau đó, nhiệt độ trung bình của trái đất tiếp tục tăng cao và đạt mức cao chưa từng thấy là 17,18 độ C trong ngày 06/7/2023. Cơ quan theo dõi khí hậu Copernicus của Liên minh châu Âu cũng xác nhận nhiệt độ các ngày này là cao kỷ lục trong dữ liệu của tổ chức từ năm 1940.

Sức nóng khủng khiếp của trái đất đã gây ra những hậu quả tàn khốc. Ở nhiều nơi trên thế giới bị bao phủ bởi biển lửa từ những vụ cháy nghiêm trọng, khiến hàng nghìn người phải sơ tán, hàng loạt tài sản của người dân bị thiêu trụi, phá hủy.

Vụ cháy rừng thảm khốc nhất trong năm nay diễn ra vào tháng Tám vừa qua ở vùng Evros, gần thành phố cảng Alexandroupoli của Hy Lạp. Đám cháy rừng đã hủy hoại và thiêu rụi diện tích rừng lên tới ít nhất 808,7 km² - lớn hơn cả thành phố New York (Mỹ). Đây cũng là vụ cháy rừng quy mô lớn

Năm 2023, biến đổi khí hậu (BĐKH) tiếp tục là vấn đề đáng lo ngại khi liên tiếp các kỷ lục về nhiệt độ toàn cầu bị phá vỡ, cháy rừng, mưa lớn, lũ lụt ở nhiều nơi trên thế giới. Trước tình hình đó, nhiều nước đã có những cam kết mạnh mẽ, có trách nhiệm để giải quyết vấn đề này.

nhất từ trước đến nay xảy ra ở các nước EU với diện tích đất bị cháy lớn gấp ba lần so với diện tích đất bị cháy trung bình hàng năm kể từ năm 2006. Tại Hy Lạp, trên 400 nhân viên cứu hoả cũng đã được huy động để dập lửa, trong khi đó Liên minh EU cũng phải huy động 11 máy bay, 1 trực thăng để hỗ trợ quốc gia này khống chế đám cháy.

Cũng trong tháng Tám năm nay, hòn đảo du lịch Tenerife thuộc Tây Ban Nha phải trải qua những đám cháy rừng kéo dài hàng tuần do thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng đi kèm gió mạnh và khô hạn. Sau gần một tuần, kể từ ngày bắt đầu bùng phát 15/8/2023, ngọn lửa đã thiêu rụi 5.000 ha trong phạm vi

50 km, tương đương 2,5% diện tích rừng trên đảo Tenerife, con số kỷ lục trong vòng 15 năm đối với hòn đảo này. Theo Hệ thống thông tin về cháy rừng của châu Âu (Effis), cộng tổng lại các vụ cháy rừng xảy ra kể từ đầu năm 2023 đến nay, hỏa hoạn đã thiêu rụi khoảng 73.000 ha rừng tại Tây Ban Nha, khiến hàng trăm nghìn người dân phải di cư.

Tại Mỹ cũng xảy ra vụ cháy rừng thảm khốc, khiến ít nhất 115 người thiệt mạng và 388 người mất tích trong tháng 8/2023. Vụ cháy rừng kinh hoàng nhất ở nước này trong hơn một thế kỷ qua đã nhấn chìm thị trấn lịch sử Lahaina - trung tâm du lịch và kinh tế của Maui ở phía tây của hòn đảo - trong cơn bão lửa. Sau vụ cháy, Lahaina gần như bị tàn phá hoàn toàn, có tới 1.700 tòa nhà mang tính biểu tượng chỉ còn là những bộ khung cháy sém.

Cùng với những vụ cháy thảm khốc, BĐKH cũng đang làm gia tăng tần suất và hậu quả nghiêm trọng của các trận mưa bão trong mùa mưa năm nay.

Trận lũ nghiêm trọng nhất diễn ra tại Libya trong tháng Chín vừa qua. Cụ thể, ngày 10/9/2023,

cơn bão Daniel có sức mạnh khủng khiếp đã quét vùng đông bắc Libya. Do ảnh hưởng của BĐKH, cơn bão Daniel đã mang theo lượng mưa cực lớn, khiến các con đập bị vỡ, gây ra trận lũ lụt nghiêm trọng, nhấn chìm Derna của Libya trong biển nước, làm ảnh hưởng đến khoảng 1/4 tổng số tòa nhà của thành phố, với ít nhất 891 tòa nhà bị phá hủy hoàn toàn và 398 tòa nhà chìm trong bùn. Theo số liệu chính thức của Liên Hợp Quốc công bố, tính đến ngày 16/9/2023, số người chết do thảm họa lũ lụt ở thành phố Derna đã lên đến con số 11.300 người. Bên cạnh đó, có ít nhất 10.100 người mất tích và hơn 40.000 người ở phía đông bắc Libya mất nhà cửa.

Văn phòng Điều phối các vấn đề nhân đạo của Liên Hợp Quốc (OCHA) khẳng định có gần 300.000 trẻ em của Libya bị ảnh hưởng bởi lũ lụt sẽ đối mặt nguy cơ nhiễm bệnh tả, suy dinh dưỡng, tiêu chảy và mất nước do nguồn nước địa phương bị ô nhiễm.

Vào tháng 8/2023, siêu bão Doksuri đã gây lũ lụt và sạt lở đất nghiêm trọng ở Philippines, làm ảnh hưởng đến gần 2,4 triệu người dân với hơn 50.000 người phải sơ tán tới những nơi trú ẩn tạm thời. Thống kê sau cơn bão, quốc đảo này có tới 25 người thiệt mạng, hàng chục người mất tích và nhiều nhà cửa, hoa màu, đường sá, cầu cống bị hư hại.

Mới đây nhất, vào ngày 5/10/2023, một trận lũ đã quét qua bang Sikkim thuộc vùng Đông Bắc Ấn Độ đã làm ít nhất 14 người thiệt mạng, hơn 100 người bị mất tích và 22.000 người bị ảnh hưởng.

Bên cạnh các quốc gia trên, mưa lớn, ngập lụt cũng diễn ra tại nhiều quốc gia khác như Trung Quốc, Mỹ, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Brazil, Tây Ban Nha...

Do ảnh hưởng của BĐKH, sự nóng lên của trái đất đồng thời khiến lượng băng tại Nam Cực giảm xuống mức thấp kỷ lục trong năm 2023. Theo nghiên cứu của các nhà khoa học, diện tích băng tối thiểu năm 2023 thấp hơn 20% so với mức trung bình trong 30 năm qua. Lượng băng biển bị mất đi tương đương gấp gần 10 lần diện tích lãnh thổ New Zealand. Theo số liệu của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC), ước tính trong điều kiện hiện tại, mực nước biển trung bình toàn cầu có khả năng tăng từ 8-29 cm vào năm 2030, trong đó các khu vực xích đạo phải hứng chịu nhiều nhất. Đến năm 2070, mực nước biển trung bình được dự đoán sẽ tăng lên tới 70 cm. Việc các sông băng tan chảy khiến mực nước biển toàn cầu dâng lên, cùng với mưa lớn sẽ gây ra các trận lũ bất thường, dẫn tới mức độ thiệt hại do thiên tai ngày càng nghiêm trọng. IPCC cảnh báo, sẽ có 900 triệu người sống ở các vùng ven biển có nguy cơ mất nhà cửa do mực nước biển dâng cao và hậu quả khác của BĐKH. Ngoài những ảnh hưởng nặng nề đến sinh kế và cộng đồng, mực nước biển dâng còn gây ra những tác động nghiêm trọng hơn đến các khía cạnh về môi trường, pháp lý, chính trị, kỹ thuật, kinh tế, văn hóa và nhân quyền.

Cộng đồng quốc tế khẩn trương hành động

Tại Hội nghị thượng đỉnh Tham vọng khí hậu của Liên Hợp Quốc diễn ra vào ngày 20/9/2023 tại New York, Hoa Kỳ, Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc Antonio Guterres cho rằng, nếu không có hành động sớm, nhiệt độ toàn cầu có thể nhanh chóng leo lên 2,8 độ C. Điều này đồng nghĩa với việc thế giới sẽ bất ổn và nguy hiểm hơn.

Ứng phó với BĐKH là trách nhiệm chung, cộng đồng quốc tế cần khẩn trương hành động, tăng cường hợp tác, đoàn kết để giải quyết vấn đề này. Để giảm tác động của BĐKH, tại Hội nghị trên, Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc đã kêu gọi các nước cần có các cam kết quy mô hơn về giảm phát thải nhà kính phù hợp với mục tiêu duy trì mức tăng nhiệt độ toàn cầu ở 1,5 độ C, trong đó các nước phát thải nhiều cần đi đầu trong giảm phát thải khí nhà kính, với mốc thời gian được đưa ra là các nước phát triển cần đạt phát thải ròng bằng "0" muộn nhất vào năm 2040 và các nền kinh tế lớn mới nổi là vào năm 2050. Mốc đạt được mục tiêu khác nhau là nhằm đảm bảo sự chia sẻ công bằng về trách nhiệm giữa các quốc gia, không để các nước nghèo phải gánh chịu hậu quả BĐKH do các nước giàu hơn gây ra.

Tổng thư ký Liên Hợp Quốc đồng thời yêu cầu các quốc gia



cần cắt giảm phát thải khí nhà kính 45% vào năm 2030; kêu gọi giảm dần việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch, thúc đẩy chuyển đổi xanh công bằng. Đồng thời, tăng nguồn lực tài chính giải quyết các vấn đề khí hậu, trong đó bao gồm việc thực hiện cam kết đóng góp 100 tỷ đô la mỗi năm của các nước phát triển cho ứng phó BĐKH tại các nước đang phát triển và củng cố Quỹ Khí hậu Xanh.

Liên Hợp Quốc mong muốn các nước tiếp tục ký thêm một hiệp ước về đoàn kết khí hậu, nội dung sẽ bao gồm điều khoản yêu cầu các nước phát thải lớn nỗ lực hơn nữa để cắt giảm lượng khí thải và giúp các nước nghèo hơn đạt mục tiêu khí hậu. Bên cạnh đó, Liên Hợp Quốc đề xuất xây dựng một chương trình tăng tốc, để thúc đẩy các chính phủ phải "tiến nhanh hơn về phía trước",

đạt mức phát thải ròng đúng thời hạn đã được đặt ra. Liên Hợp Quốc cũng đề xuất thiết lập một hệ thống cảnh báo sớm với quy mô toàn cầu cho tất cả mọi người, theo kế hoạch đã được đưa ra vào tháng 11/2022, để hạn chế tỉ lệ dân số tử vong do thảm họa từ BĐKH gây ra.

Theo phân tích, một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng BĐKH là do tốc độ chuyển đổi từ nhiên liệu hóa thạch sang nhiên liệu tái tạo vẫn còn rất chậm. Do đó những năm qua, lãnh đạo nhiều nước đã tuyên bố giảm dần việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch, đẩy nhanh chuyển đổi xanh quốc gia để giảm lượng phát thải. Ví dụ như Chính phủ Đan Mạch tuyên bố đặt mục tiêu giảm 70% lượng phát thải vào năm 2030 so với mức năm 1990 hay như Tổng thống Bồ Đào Nha công bố chính sách phát thải bằng "0" vào 2050, áp dụng thuế các-bon và loại trừ nhiên liệu hóa thạch. Thủ tướng Ireland cũng công bố loại trừ phát điện than vào 2025, tăng năng lượng tái tạo từ 30% lên 70% trong 10 năm tới; đồng thời tăng thu từ thuế các-bon, cấm phương tiện chạy xăng và diesel vào năm 2030. Bên cạnh đó là kế hoạch đóng cửa các nhà máy điện sử dụng than nâu vào năm 2028, loại bỏ nhựa sử dụng 1 lần vào năm 2021 của Hy Lạp; kế hoạch cung cấp giao thông công cộng miễn phí trên phạm vi quốc gia của Bỉ... Ngoài ra, nhiều tổ chức, quốc gia cũng có những cam kết tăng nguồn lực tài chính để giải quyết vấn đề BĐKH.

Tuy nhiên, những thảm họa mà BĐKH đang gây ra cho thấy dường như những nỗ lực trên là chưa đủ và các quốc gia cần có những hành động mạnh mẽ và thiết thực hơn nữa như lời kêu gọi của Tổng thư ký Liên Hợp Quốc/.

Tại Hội nghị thượng đỉnh Tham vọng khí hậu của Liên Hợp Quốc diễn ra vào ngày 20/9/2023, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Phạm Minh Chính nhấn mạnh, BĐKH tiếp tục là thách thức toàn cầu lớn nhất, tác động trực tiếp và gây tổn thất nặng nề đối với phát triển kinh tế, an sinh xã hội và trực tiếp đối với an toàn tính mạng, sức khỏe của người dân. Thủ tướng cho rằng giải quyết BĐKH phải có cách tiếp cận toàn cầu và toàn dân, với những giải pháp đột phá, tổng thể, toàn diện, đổi mới, sáng tạo và kêu gọi cần khẩn trương hơn, hành động mạnh mẽ hơn và có trách nhiệm hơn nữa để hạn chế tối đa mức tăng nhiệt độ Trái đất.

Thủ tướng Phạm Minh Chính đề xuất xác lập tầm nhìn mới, tư duy mới, quyết tâm mới, hành động quyết liệt cho phát triển xanh, phát thải ròng bằng "0"; đẩy nhanh quá trình chuyển đổi năng lượng xanh công bằng và công lý; trong đó lấy người dân làm trung tâm, chủ thể và không để ai bị bỏ lại phía sau; kêu gọi các quốc gia phát triển, các tổ chức quốc tế tích cực hỗ trợ các nước đang phát triển, các nước kém phát triển về công nghệ xanh, tài chính xanh, quản lý xanh và đào tạo nguồn nhân lực xanh; xây dựng ngành công nghiệp năng lượng tái tạo và các hệ thống truyền tải điện thông minh...

Đề xuất xây dựng các mối quan hệ đối tác thể hệ mới, đẩy mạnh huy động tài chính xanh cho khí hậu theo mô hình công-tư, trong đó đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư, Thủ tướng cho rằng các nước phát triển, các đối tác quốc tế cần tăng gấp đôi tài chính cho các hoạt động thích ứng vào năm 2025 và đưa Quỹ Tổn thất và Thiệt hại vào hoạt động tại COP28 như đã cam kết để hỗ trợ các nước đang phát triển, các nước kém phát triển khắc phục những hậu quả do BĐKH gây ra; đồng thời cần tiếp tục đổi mới toàn diện hệ thống tài chính toàn cầu để tăng khả năng cung cấp tài chính xanh, giúp thế giới ứng phó tốt hơn với các thách thức lớn của biến đổi khí hậu.

Thủ tướng Phạm Minh Chính khẳng định, Việt Nam quyết tâm thực hiện cam kết đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 và với sự đồng hành, hỗ trợ đầy đủ của cộng đồng quốc tế, phấn đấu giảm nhanh lượng phát thải khí nhà kính đến 43,5% vào năm 2030 và đạt tỷ lệ năng lượng tái tạo hơn 70% vào năm 2050.



THÁI BÌNH: ĐẨY MẠNH ĐÀO TẠO NGHỀ, GIỚI THIỆU VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Những năm qua, cùng với sự phát triển của các khu, cụm công nghiệp, đặc biệt là khu kinh tế Thái Bình, số lượng các dự án đầu tư vào Thái Bình ngày càng nhiều, nhu cầu về lao động của các doanh nghiệp ngày càng lớn. Để đáp ứng nhu cầu về lao động cho các doanh nghiệp, cũng như nâng cao sức cạnh tranh trong thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, tỉnh Thái Bình đã luôn chú trọng đẩy mạnh công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người lao động.

Công tác đào tạo nghề ngày càng được quan tâm

Tỉnh Thái Bình hiện có 25 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN), trong đó có 03 trường cao đẳng, 05 trường trung cấp và 17 trung tâm. Các cơ sở GDNN thời gian qua đã được tỉnh Thái Bình đầu tư hàng chục tỷ đồng để mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo. Ngoài ra, một số trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên cấp huyện đã được đầu tư xây mới từ nguồn kinh phí của địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác.

Tỉnh Thái Bình đã chỉ đạo các cơ sở GDNN tích cực gắn đào tạo nghề với nhu cầu xã hội, nhằm mang lại “lợi ích kép” vừa góp phần nâng cao chất lượng nguồn lao động, rút ngắn khoảng cách lý thuyết và thực hành tại cơ sở, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương. Nhờ đó số lượng lao động đi đào tạo nghề càng lớn.

Giai đoạn 2016-2020, các cơ sở GDNN đã tuyển sinh, đào tạo nghề cho trên 173 nghìn người. Năm 2022, tổng số lao động qua đào tạo của tỉnh Thái Bình là khoảng 36 nghìn người, trong đó có 11 nghìn người tốt nghiệp cao đẳng và trung cấp, còn lại là đạt trình độ sơ cấp dưới 3 tháng.

Đặc biệt, Tỉnh luôn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề, nâng cao tỷ lệ lao động

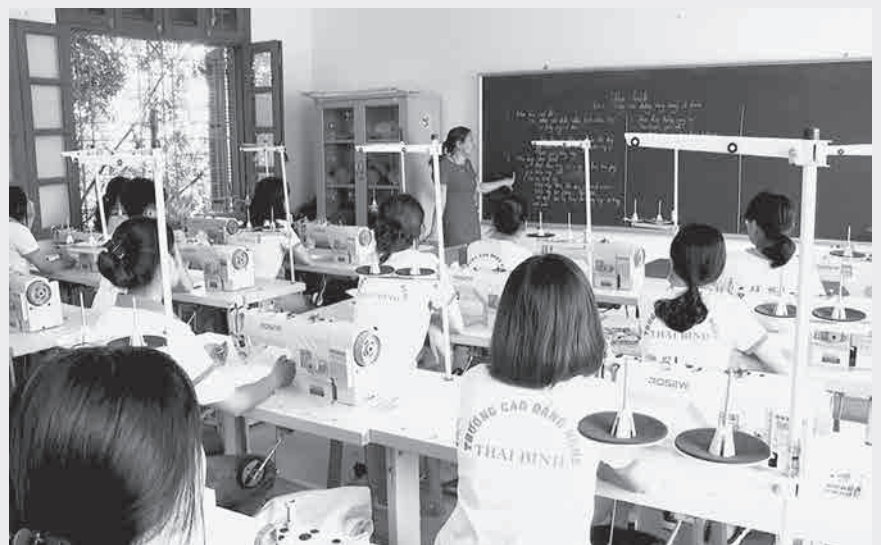
có kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp chế biến chế tạo gắn với tăng quy mô và chất lượng dân số. Theo đó, tỉnh Thái Bình đã xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù về thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để người học được hỗ trợ về học phí và có thể chủ động lựa chọn thời gian đào tạo.

Mới đây nhất, tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định 849/QĐ-UBND ngày 08/5/2023 phê duyệt Đề án đẩy mạnh đào tạo lao động có kỹ năng nghề đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đề án tập trung vào một số nhiệm vụ chính như: Xây dựng

cơ chế, chính sách hỗ trợ học nghề thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo và chương trình chất lượng cao, hỗ trợ học phí học văn hóa cho học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp và xây dựng cơ chế đặt hàng đào tạo, đẩy mạnh phân luồng học sinh THCS; Hỗ trợ đào tạo cán bộ quản lý, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo. Mục tiêu tỉnh Thái Bình đến năm 2025 nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 77%, trong đó đào tạo nghề đạt 62%.

Làm tốt công tác tư vấn giới thiệu việc làm

Giai đoạn 2016-2020, toàn Tỉnh đã tạo việc làm mới cho gần



Dạy nghề may tại Trường Cao đẳng Nghề Thái Bình



166 nghìn lao động, bình quân đạt trên 33 nghìn lao động/năm. Năm 2022, tỉnh đã tạo việc làm mới cho 34,5 nghìn lao động, trong đó tạo việc làm trên địa bàn tỉnh gần là 25 nghìn người, lao động đi làm việc ở tỉnh ngoài 6,5 nghìn người, lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài trên 3 nghìn người. Trong 6 tháng đầu năm 2023, toàn tỉnh có 19,1 nghìn người được giải quyết việc làm mới (bằng 101% so cùng kỳ năm trước). Trong đó, có hơn 13,4 nghìn lao động được tạo việc làm tại địa phương; gần 4 nghìn lao động đi làm việc tại tỉnh ngoài và hơn 1,7 nghìn lao động làm việc tại nước ngoài.

Để người lao động dễ dàng tiếp cận thông tin về việc làm cũng như lựa chọn được những công việc phù hợp với năng lực và chuyên môn, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình đã thực hiện đa dạng, linh hoạt các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm và thông tin thị trường lao động; Hỗ trợ kết nối cung - cầu lao động để người sử dụng lao động, người lao động thỏa thuận nhu cầu việc làm, nhu cầu sử dụng lao động theo nguyện vọng của các bên; Hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới.

Với vai trò là đơn vị trung gian kết nối cung, cầu lao động, thời gian qua, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Thái Bình đã chủ động triển khai nhiều giải pháp nhằm hỗ trợ tối đa người lao động, cũng như các doanh nghiệp. Trong đó, tập trung đẩy mạnh hoạt động khai thác và cung ứng thông tin thị trường lao động bằng nhiều hình thức, như: Khai thác trực tiếp thông tin tại doanh nghiệp; qua website, tài khoản mạng xã hội facebook, zalo của Trung tâm; thường xuyên theo dõi các thông tin tuyển dụng của doanh nghiệp qua các phương tiện thông tin, thực hiện liên hệ với doanh nghiệp để xác minh và khai thác thông tin tuyển dụng chi tiết, dữ liệu khai thác doanh nghiệp bảo đảm đủ thông tin, chất lượng. Cùng với đó, hàng tuần, Trung tâm tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm trực tuyến để doanh nghiệp, người lao động tìm hiểu về thị trường lao động. Hàng tháng tổ chức phiên giao dịch việc làm cho người lao động, tư vấn giới thiệu việc làm, học nghề, tư vấn chính sách pháp luật lao động cho người lao động. Phối hợp với trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố tổ chức tư vấn, giới thiệu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh THPT, sinh viên, bộ đội xuất ngũ, thanh niên..., tạo sự kết nối giữa người lao động và người sử dụng lao động./.

Minh Châu

Y TẾ THÁI BÌNH: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KHÁM CHỮA BỆNH, BẢO VỆ SỨC KHỎE NHÂN DÂN

Thời gian vừa qua, mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức (do sự gia tăng các bệnh không lây nhiễm, tình hình gián đoạn thuốc, vật tư...) song với sự quyết tâm, nỗ lực cao, ngành Y tế Thái Bình đã thực hiện nhiều giải pháp để duy trì nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sở Y tế tỉnh Thái Bình đã tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh triển khai sắp xếp lại tổ chức bộ máy ngành Y. Kết quả, bộ máy tổ chức ngành Y tế được củng cố, kiện toàn, tinh gọn; chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị được rà soát; số lượng đầu mối giảm; hiệu quả hoạt động các đơn vị ngày càng nâng lên.

Đến nay, các đơn vị y tế tuyến Tỉnh chỉ còn 09 bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh, 02 chi cục và 05 trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh; cơ sở y tế tuyến huyện có 12 bệnh viện đa khoa, 08 trung tâm y tế, ngoài ra còn 260 trạm y tế xã phường, thị trấn. Không chỉ gọn về đầu mối, các đơn vị y tế công lập từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động, từng bước thực hiện theo lộ trình tự chủ về tài chính và tổ chức bộ máy, nhân sự. Cụ thể, hiện đã có 18 đơn vị bệnh viện (trong đó có 12 bệnh viện tuyến huyện) thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên; 06 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.



Các nhân viên y tế Thái Bình tích cực thay đổi thái độ, phong cách phục vụ người bệnh



Bên cạnh đó, các đơn vị y tế chủ động tổ chức đào tạo, nâng cao chất lượng nhân lực để nhận chuyển giao các danh mục kỹ thuật theo phân cấp hoặc các kỹ thuật tuyến trên.

Để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của Nhân dân, ngành Y tế Thái Bình đã tăng cường đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại; chú trọng công tác đào tạo, chuyển giao kỹ thuật để xây dựng đội ngũ cán bộ trình độ cao, làm chủ được các trang thiết bị hiện đại. Mặt khác, các bệnh viện cũng tranh thủ các chương trình của Bộ như Đề án Bệnh viện vệ tinh, Đề án luân chuyển cán bộ tuyến trên về hỗ trợ tuyến dưới, Đề án KCB từ xa; nhận chuyển giao chuyển giao gói kỹ thuật, gói dịch vụ ở một số chuyên khoa như nội, ngoại, sản, nhi, tim mạch, ung bướu. Đối với các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến Tỉnh, ngành Y tế định hướng tập trung phát triển các kỹ thuật chuyên sâu, tiên tiến trong các lĩnh vực tim mạch can thiệp, ngoại, chấn thương, ung bướu và điện quang can thiệp.

Nhờ đó, đến nay, ngành Y tế Thái Bình đã thực hiện thành công nhiều kỹ thuật chuyên sâu, cứu sống kịp thời nhiều người bệnh. Nhiều kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu đã trở thành các kỹ thuật thường quy để bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân

như: Phẫu thuật tim hở, can thiệp tim mạch kín, thay khớp háng, thay khớp gối, thay van hai lá sinh học, làm cầu nối chủ vành, lấy u nhầy nhĩ trái; khâu lỗ thủng dạ dày ở trẻ sơ sinh, hẹp phì đại cơ môn vị, xuất huyết não, phình đại tràng bẩm sinh, điều trị teo ruột, nâng ống mật chủ, nối mật ruột, nội soi thoát vị hoành, u não nền sọ, cấy máy tạo nhịp tim, xạ trị điều trị cho người bệnh ung thư, chụp mạch máu DSA kết hợp can thiệp nội mạch....

Song song với các giải pháp về chuyên môn, ngành Y tế Thái Bình đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động khám chữa bệnh như thực hiện quản lý bệnh viện, giám định BHYT, lưu trữ, truyền tải hình ảnh (PACS), bệnh án điện tử (EMR)... Việc cải cách hành chính, xây dựng quy trình chuẩn, ứng dụng tiêu chuẩn ISO tại khoa khám bệnh, khoa xét nghiệm và các khoa/phòng/đơn vị khác... góp phần rút ngắn thời gian chờ đợi của người bệnh.

Với phương châm lấy người bệnh làm trung tâm, Sở Y tế đã triển khai, hướng dẫn các đơn vị y tế tăng cường thực hiện “đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”. Trong những năm gần đây, các đơn vị y tế đã có nhiều giải pháp hay, hiệu quả được thực hiện nhằm thay đổi nhận thức, thái độ, phong cách

phục vụ người bệnh như: Thành lập Ban Chỉ đạo “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, hướng tới sự hài lòng người bệnh”, Tổ chức ký cam kết giữa nhân viên với trưởng khoa, phòng, giữa trưởng khoa, phòng với lãnh đạo bệnh viện và các bệnh viện với Sở Y tế; Đưa quy tắc ứng xử vào nội dung sinh hoạt khoa, sinh hoạt Chi bộ; Tổ chức đa dạng các hình thức tập huấn nâng cao kỹ năng giao tiếp; thành lập Phòng/Tổ công tác xã hội để hướng dẫn người bệnh tiếp cận các dịch vụ y tế; Hỗ trợ, giúp đỡ bệnh nhân, nhất là những bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn...

Khi niềm tin và sự hài lòng của người bệnh được nâng lên thông qua chất lượng dịch vụ y tế và tinh thần phục vụ đội ngũ nhân viên y tế thì các chỉ tiêu về khám chữa bệnh thường quy của các đơn vị y tế của tỉnh Thái Bình trong năm 2022 và 9 tháng năm 2023 đều tăng so với cùng kỳ. Nổi bật, năm 2022, tổng số lượt người bệnh khám bệnh tăng 16,9%; số lượt người bệnh điều trị nội trú tăng 17,2%; công suất sử dụng giường bệnh kế hoạch tăng 13,9%; số ca phẫu thuật tăng 7,1% so với năm 2021. Công tác cấp cứu, khám chữa bệnh luôn được duy trì thực hiện nghiêm túc, hiệu quả ở tất cả các tuyến, cứu sống nhiều ca bệnh nguy hiểm, bảo đảm an toàn cho người bệnh, không để xảy ra các sự cố y khoa nghiêm trọng.

Phát huy những thành quả đạt được, thời gian tới Ngành y tế Thái Bình sẽ tiếp tục rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy ngành; tuyển dụng nhân lực phù hợp; tham mưu cơ chế, chính sách thu hút, đãi ngộ, nhất là bác sĩ về công tác tại y tế cơ sở, y tế dự phòng, các vị trí đặc thù khó tuyển để đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, triển khai mạnh mẽ việc chuyển đổi số nhằm hiện đại hóa, đồng bộ hệ thống dữ liệu toàn ngành để quản lý toàn diện các lĩnh vực./.

Trịnh Long



Bệnh viện Nhi Trung ương chuyển giao kỹ thuật can thiệp tim mạch cho trẻ em tại Bệnh viện Nhi Thái Bình



BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN THÁI BÌNH: "TRAO CHẤT LƯỢNG - NHẬN NIỀM TIN"



Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình Trần Thị Bích Hằng trao Huân chương Lao động hạng Nhất cho Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình

Được thành lập năm 1971, Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình đã vượt qua rất nhiều khó khăn thử thách, không ngừng lớn mạnh trở thành đơn vị chuyên khoa đầu ngành về YHCT trong Tỉnh. Không chỉ thực hiện tốt nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh, Bệnh viện còn làm tốt công tác nghiên cứu khoa học, bảo tồn và phát triển các bài thuốc quý của nền YHCT. Đến nay, Bệnh viện YHCT Thái Bình được công nhận là bệnh viện hạng II tuyến tỉnh, quy mô 350 giường (thực kê 440 giường), 8 phòng chức năng, 5 khoa cận lâm sàng, 9 khoa cận lâm sàng và 01 phòng khám đa khoa (với số đăng ký khám BHYT ban đầu 22 nghìn thẻ).

Xác định con người là nhân tố quan trọng quyết định đến chất lượng khám chữa bệnh, các thể hệ lãnh đạo của Bệnh viện đã tranh thủ mọi nguồn lực, mọi sự quan tâm để nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ. Bệnh viện thường xuyên cử viên chức luân phiên đi đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, đặc biệt

các chương trình đào tạo đại học hoặc sau đại học cho bác sĩ, điều dưỡng tại các trường, viện có thương hiệu như: Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, Đại học Y Hà Nội, Bệnh viện Việt Đức, Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, Đại học Điều dưỡng Nam Định... Mặt khác, thông qua "Đề án cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ bệnh viện tuyến dưới nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh" theo Quyết định số 1816/QĐ-BYT ngày 26/5/2008 của Bộ Y tế... Bệnh viện đã được nhận đào tạo và chuyển giao nhiều kỹ thuật chuyên môn và các gói kỹ thuật cao từ Bệnh viện Châm cứu Trung ương, Viện Y dược học dân tộc TP. Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, Bệnh viện cũng được tham gia Đề án Khám chữa bệnh từ xa, được tham dự các buổi hội thảo của các thầy, chuyên gia đầu ngành đến từ các Bệnh viện tuyến Trung ương. Đây cơ hội rất quý để đội ngũ bác sĩ Bệnh viện tiếp thu được rất nhiều kiến thức quý giá, phục vụ cho công việc của mình. Nhờ quá trình đào tạo và bồi dưỡng liên tục, đến nay,

Bệnh viện đã xây dựng được đội ngũ bác sĩ giỏi chuyên môn với 60 người (trình độ sau đại học là 85%) và hơn 120 điều dưỡng (trình độ đại học là hơn 30%). Chính nguồn nhân lực chất lượng cao này đã góp phần nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, chăm sóc cho người bệnh, đặc biệt đối với các bệnh về cơ, xương, khớp, thoái hóa cột sống, các bệnh mạn tính như tiểu đường, cao huyết áp, điều trị phục hồi chức năng cho bệnh nhân liệt dây thần kinh số 7, tai biến mạch máu não, tai nạn, chấn thương... Ngoài các dịch vụ kỹ thuật theo phân tuyến, Bệnh viện đã triển khai được nhiều kỹ thuật chuyên sâu kết hợp YHCT và YHHĐ như điều trị giảm nhẹ cho bệnh nhân ung thư, tiêm nội khớp, điều trị thoái hóa khớp bằng huyết tương giàu tiểu cầu, tiêm xơ búi trĩ và điều trị hội chứng tự kỷ cho trẻ em bằng phương pháp điện châm, thủy châm... Phát huy thế mạnh trong nghiên cứu, Bệnh viện ứng dụng kỹ thuật hiện đại để bào chế được 12 chế phẩm y dược học cổ truyền (dựa trên những bài thuốc quý và nguồn dược liệu tại địa phương) phục vụ cho bệnh nhân tại Bệnh viện.

Song song với công tác chuyên môn, Bệnh viện triển khai nhiều hoạt động để đổi mới phong cách, nâng cao thái độ phục vụ người bệnh. Cụ thể, Bệnh viện tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng, mời chuyên gia có kinh nghiệm đến trao đổi, tập huấn về các quy tắc ứng xử, thái độ giao tiếp thân thiện của nhân viên y tế tại nơi làm việc (giữa nhân viên y tế với người bệnh và giữa nhân viên y tế với nhau); thành lập bộ phận Quản lý chất lượng và Công tác xã hội để tổ chức đón tiếp, hỗ trợ, hướng dẫn



người bệnh trong quá trình khám, điều trị; tham gia các Hội thi đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, quy tắc ứng xử ngành Y tế; phát động xây dựng slogan của các khoa, phòng có nội dung hướng tới người bệnh;... Tất cả hướng tới mục tiêu để người bệnh có được trải nghiệm dịch vụ y tế tốt nhất, có sự hài lòng về chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe khi đến với Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình.

Trong xu thế chuyển đổi số mạnh mẽ, Bệnh viện triệt để ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành; tăng cường đầu tư hạ tầng (máy tính, máy chủ, máy trạm, đường truyền) đảm bảo các điều kiện triển khai đề án Hồ sơ bệnh án điện tử trong năm 2023; triển khai đa dạng hình thức đăng ký khám bệnh qua căn cước công dân, qua ứng dụng VNeID, VSSID...; triển khai chữ ký số, thanh toán không dùng tiền mặt (qua thẻ khám bệnh thông minh) hoặc mã QR động (chứa thông tin thanh toán). Bên cạnh đó, để tạo thuận lợi cho người dân, Ban lãnh đạo Bệnh viện đã xây dựng quy trình khám chữa bệnh theo hướng rút gọn, đơn giản hoá, thực hiện vận chuyển mẫu tự động giữa các bộ phận giúp giảm thời gian đi lại và chờ đợi của người bệnh.



Điều trị bệnh nhân ở Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình

Với phương châm “Trao chất lượng - Nhận niềm tin”, Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình đã đạt nhiều thành tựu trong chuyên môn, được người bệnh tin tưởng lựa chọn để chăm sóc sức khỏe. Hàng năm, bệnh viện tổ chức đón tiếp, khám bệnh cho trên 35.000 lượt người, điều trị nội trú 8.500 lượt bệnh nhân. Năm 2022, thời gian điều trị nội trú trung bình là 17,2 ngày (giảm gần 5 ngày so với năm 2020), tỷ lệ khỏi và đỡ đạt trên 98% và không để xảy ra sai sót trong y khoa. Từ những kết quả tốt đạt được liên tục trong nhiều năm, Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình vinh dự được đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất vào năm 2023, ngoài ra, còn có các bằng khen, giấy khen, cờ thi đua của Chính phủ; ngành Y tế, UBND Tỉnh, các cơ quan ban ngành trao tặng... Đây chính sự ghi nhận những cố gắng của cán bộ, nhân viên y tế của Bệnh viện đồng thời khẳng định niềm tin của Nhân dân trên địa bàn với Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình ngày một được nâng lên.

Đình Long

Bệnh viện Mắt Thái Bình tiền thân là Đội lưu động phòng chống mắt hột ra đời năm 1956, Trạm Mắt năm 1965, Trung tâm Mắt năm 2000, đến ngày 21/3/2008, Bệnh viện Mắt Thái Bình được thành lập. Hiện nay, Bệnh viện là đơn vị khám chữa bệnh chuyên khoa hạng II, có quy mô 110 giường bệnh, với 13 khoa, phòng và 116 cán bộ nhân viên.

Để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, Bệnh viện đã đầu tư hàng tỷ đồng cho hệ thống trang thiết bị như máy mổ phaco, máy chụp OCT cắt lớp võng mạc, chụp đáy mắt... Bên cạnh đó, việc phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn, tay nghề và tâm huyết với nghề nghiệp luôn được lãnh đạo Bệnh viện quan tâm thông qua nhiều giải pháp như tuyển dụng mới, tạo điều kiện cho cán bộ trẻ tham gia đào tạo nâng cao chuyên môn, mời các chuyên gia tập huấn nghiệp vụ và phong cách phục vụ.

Cùng với đầu tư cơ sở vật chất và phát triển nguồn nhân lực, Bệnh viện Mắt Thái Bình cũng luôn chú trọng nghiên cứu, tiếp thu kỹ thuật mới; ứng dụng các kỹ thuật nhãn khoa tiên tiến trong khám chữa bệnh và giải phóng mù lòa như: Phẫu thuật thay thủy tinh thể bằng phương pháp Phaco, chụp cắt lớp đáy mắt, Laser YAG điều trị, đo thị trường tự động... Đặc biệt, nhiều đề tài nghiên cứu khoa học của Bệnh viện đã phát huy hiệu quả cao khi ứng dụng vào hoạt động KCB.

Đến nay, Bệnh viện Mắt Thái Bình là một trong những bệnh viện chuyên khoa mắt tuyến tỉnh có tỷ lệ thực hiện danh mục kỹ thuật hàng đầu cả nước, đáp ứng được trên 90% những kỹ thuật của ngành mắt. Mỗi năm, Bệnh viện thực hiện thành công hơn 7 nghìn ca phẫu thuật các bệnh lý về mắt, trong đó khoảng 5 nghìn ca đục thủy tinh thể, mang lại ánh sáng cho nhiều người bệnh.



Ghép màng sinh học điều trị một số bệnh lý về mắt nhân cầu tại Bệnh viện Mắt Thái Bình



BỆNH VIỆN MẮT THÁI BÌNH: ỨNG DỤNG TRÊN 90% CÁC KỸ THUẬT NHÃN KHOA TIÊN TIẾN

Bệnh viện Mắt Thái Bình là một trong những bệnh viện chuyên khoa mắt tuyến tỉnh có tỷ lệ thực hiện danh mục kỹ thuật hàng đầu cả nước, đáp ứng được trên 90% những kỹ thuật của ngành mắt. Mỗi năm, Bệnh viện thực hiện thành công hơn 7 nghìn ca phẫu thuật các bệnh lý về mắt, trong đó khoảng 5 nghìn ca đục thủy tinh thể, mang lại ánh sáng cho nhiều người bệnh.

Trước kia, những ca phẫu thuật mổ sụp mi, lấy u hốc mắt, tạo hình lại hốc mắt sau chấn thương, phẫu thuật dị tật mắt..., người bệnh đều phải chuyển lên tuyến trên, thì nay, người dân đã có thể điều trị hiệu quả ngay tại Bệnh viện Mắt Thái Bình, qua đó giúp người bệnh giảm bớt cả về chi phí và thời gian nằm viện.

Bên cạnh hoạt động khám chữa bệnh, Bệnh viện Mắt Thái Bình cũng luôn thực hiện tốt công tác phòng chống mù lòa và chăm sóc mắt tại cộng đồng. Bệnh viện thường xuyên phối hợp với các đơn vị y tế trong ngành, nhất là các trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa tuyến huyện, phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo, Hội Người cao tuổi tỉnh... tổ chức khám mắt, kết hợp tuyên truyền, tư vấn tại cộng đồng cho hàng chục nghìn lượt người mỗi năm. Qua đó nhằm phát hiện sớm bệnh để kịp thời điều trị và quản lý giúp nhiều người dân được chữa trị sớm, đem lại ánh sáng và nâng cao thị lực, ngăn chặn nguy cơ mù lòa.

Để tiếp tục phát triển bền vững và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân, hiện nay ngoài việc tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phát triển nguồn nhân lực, Bệnh viện Mắt Thái Bình đang chú trọng phát triển những kỹ thuật chuyên sâu



Laser bao sau, laser mổ mắt chu biên Điều trị đục bao sau, thiên đầu thống tại Bệnh viện Mắt Thái Bình

liên quan đến những bệnh có tỷ lệ gây mù cao như đục thủy tinh thể, võng mạc tiểu đường, bệnh lý về cận thị,... Song song đó, Bệnh viện kết hợp với y tế cơ sở tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về phòng bệnh, kết hợp khám sàng lọc phát hiện bệnh, chữa trị kịp thời cho bệnh nhân có bệnh lý về mắt.

Bên cạnh đó, Bệnh viện Mắt Thái Bình tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Quyết định 2151/QĐ-BYT, ngày 4-6-2015 của Bộ Y tế về “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”, nâng cao chất lượng chuyên môn trong điều trị,

đổi mới, cải thiện kỹ năng giao tiếp, ứng xử, thực hiện quy trình khám chữa bệnh hợp lý, giải quyết mọi thắc mắc, phiền hà của người bệnh và người nhà bệnh nhân.

Đồng thời, Bệnh viện triển khai sâu rộng các phong trào thi đua, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ bệnh nhân, thực hiện tốt “Quy tắc ứng xử” của cán bộ, y, bác sĩ; giữ gìn vệ sinh bệnh viện để bảo đảm cảnh quan môi trường sạch sẽ, giảm thiểu chất thải nhựa trong bệnh viện, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và sức khỏe cộng đồng, hướng tới sự hài lòng của người bệnh và xã hội./

Thành Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THÁI BÌNH: VÌ THÀNH PHỐ NGÀY Càng SÁNG XANH - SẠCH - ĐẸP

Để có không gian, cảnh quan như vậy, công sức và nỗ lực của những cán bộ công nhân viên Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Thái Bình rất lớn. Không quản ngại khi thời tiết nắng gắt, rét buốt hay những ngày mưa to, gió bão, vượt lên những nguy hiểm trong liên quan đến bệnh nghề nghiệp, người công nhân môi trường vẫn hằng say lao động, góp sức để Thành phố được sạch đẹp hơn mỗi ngày.

Ông Hoàng Anh Dương - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty chia sẻ: *"Trong nhiệm kỳ này, thành phố Thái Bình đang tập trung phần đầu để đạt tiêu chí của đô thị loại I vào năm 2025, điều này đặt ra cho Công ty những nhiệm vụ hết sức nặng nề trong việc đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, cây xanh và điện chiếu sáng. Tuy nhiên, xác định thách thức cũng chính là cơ hội, Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động xây dựng các kế hoạch, phương án đầu tư máy móc phương tiện, tổ chức điều hành sản xuất để hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu sản xuất - kinh doanh"*

Xác định con người là yếu tố then chốt trong mọi vấn đề, Công ty luôn quan tâm đến các điều kiện làm việc cho đội ngũ lao động trực tiếp. Với đặc thù công việc thường xuyên làm việc ở ngoài trời, Công ty trang bị đầy đủ các quần áo, công cụ, dụng cụ lao động, các thiết bị bảo hộ lao động (găng tay, áo phản quang, đèn báo hiệu), đảm bảo các chế độ ăn ca, bồi dưỡng ca 3, bồi dưỡng độc hại cho người lao động. Hàng năm, Công ty đều có chương trình tập huấn về an toàn toàn lao động,

Thành phố Thái Bình những năm gần đây có tốc độ phát triển đô thị tương đối nhanh. Không gian đô thị được mở rộng, nhiều tuyến đường mới, công trình mới được đầu tư xây dựng. Những phố phường khang trang, sạch đẹp được tô điểm thêm bằng những hàng cây, vườn hoa. Khi đêm xuống, thành phố Thái Bình bừng sáng nhờ hệ thống đèn chiếu sáng được phủ rộng khắp. Đặc biệt vào những dịp lễ lớn của đất nước và tỉnh, thành phố như khoác thêm trên mình trên mình bộ áo mới, tươi tắn và rạng ngời nhờ băng rôn, cờ, hoa và hệ thống đèn led trang trí.

phòng chống cháy nổ và tổ chức cho anh em thi nâng bậc tay nghề (nhất là đội ngũ lái xe, chiếu sáng và chăm sóc, tía cành cây xanh)...

Bên cạnh đó, Công ty tổ chức định kỳ khám sức khỏe tổng quan, khám sức khỏe chuyên sâu và khám giám định bệnh nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên, đặc biệt là đội ngũ lao động trực tiếp.

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Công ty luôn động viên,

khuyến khích cán bộ, nhân viên tham gia học tập các lớp học, khóa học từ ngắn hạn đến dài hạn để nâng cao trình độ, phục vụ cho các kế hoạch phát triển dài hơi của doanh nghiệp trong tương lai.

Để đáp ứng khối lượng công việc ngày càng lớn, Công ty tiếp tục đầu tư nâng cấp đổi mới phương tiện vận chuyển và các thiết bị cơ giới hóa, hiện đại như: xe cuốn ép rác, máy quét đường, máy hút bùn, máy phá bùn, máy cắt cây hàng rào bằng điện... góp phần giảm lao động thủ công, nâng cao hiệu quả công việc. Trong quản lý và điều hành, Công ty không ngừng cải tiến hợp lý hóa các công đoạn sản xuất từ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, áp dụng nhiều giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị, giảm chi phí (điện, xăng dầu, bảo dưỡng), tăng cường ứng dụng công nghệ vào công tác điều hành cũng như quá trình sản xuất như lắp camera quan sát khi nạo, phá bùn trong đường cống, lắp hệ thống điều khiển tự động tắt mở đèn chiếu sáng ở một số tuyến phố...



Công ty chủ động thực hiện chằng chống, la tía cây xanh, đảm bảo an toàn cho nhân dân trước lúc mưa bão



Thời gian vừa qua, mặc dù còn gặp khó khăn bởi các yếu tố khách quan như thời tiết, khí hậu diễn biến thất thường, các công trình trọng điểm đang được xây dựng ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp nhưng công tác vệ sinh môi trường được thực hiện đúng theo kế hoạch của UBND thành phố giao. Những tuyến phố chính được quét dọn sạch sẽ, tưới rửa thường xuyên, không để tồn đọng rác ở các tuyến phố và các điểm tập kết. Hệ thống máng dọc 2 bên vỉa hè đảm bảo việc tiêu thoát nước, hạn chế tình trạng ú đọng nước thải sinh hoạt gây ngập úng cục bộ. Công tác trồng, chăm sóc, hệ thống cây xanh được duy trì, đảm bảo cây xanh phát triển tốt và chú trọng an toàn trong mùa mưa bão. Hệ thống điện chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông được thường xuyên kiểm tra, kịp thời sửa chữa các hư hỏng.



Nhân viên Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thái Bình chăm sóc hoa chuẩn bị cho ngày lễ, tết

Đặc biệt là vào các ngày lễ lớn, sự kiện quan trọng, Công ty đã bố trí hàng nghìn mét vuông hoa trang trí tại đảo giao thông, ngã ba dải phân cách và các điểm công cộng; chuẩn bị hàng nghìn lá cờ treo trên các tuyến phố; lắp dựng giàn hoa sắt trang trí tại Quảng trường 14/10; treo pano tại các tuyến phố chính... tạo khung cảnh đẹp, trang trọng góp phần tạo khí thế, truyền cảm hứng cho người dân thành phố và du khách.

Không chỉ làm tốt vai trò đảm bảo vệ sinh môi trường cho thành phố, Công ty còn đạt hiệu quả kinh doanh tốt, tăng trưởng ổn định, tổng doanh thu cả năm 2022 đạt 82,88 tỷ đồng, thu nhập bình quân của 375 lao động là 6,8 triệu/người/tháng. Với những kết quả đạt được, Công ty nhận được các Bằng khen, cờ thi đua của cấp ban ngành của Tỉnh và Thành phố. Đây chính là sự động viên, khích lệ để Công ty tiếp tục nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nỗ lực cùng chính quyền và nhân dân xây dựng thành phố Thái Bình ngày thêm sạch đẹp, văn minh và hiện đại./

T.L

Trung tâm Dịch vụ việc làm Thái Bình: PHÁT HUY TỐT VAI TRÒ CẦU NỐI “NGƯỜI TÌM VIỆC - VIỆC TÌM NGƯỜI”

Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động trong thời gian qua luôn được Trung tâm Dịch vụ việc làm Thái Bình quan tâm thực hiện và mang lại hiệu quả tích cực. Qua đó đã góp phần cùng với Tỉnh thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

Phát huy vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp và người lao động, Trung tâm Dịch vụ việc làm Thái Bình đã tích cực phối hợp với các tổ chức, đơn vị, các địa phương, doanh nghiệp (DN), các trường dạy nghề và các trường THPT, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên... trên địa bàn tỉnh điều tra nắm bắt nguồn lao động trên địa bàn có nhu cầu tìm việc để xây dựng các giải pháp, biện pháp cung ứng kịp thời.

Để thông tin việc làm đến được với đông đảo người lao động, Trung tâm thường xuyên cập nhật các thông tin về thị trường lao động trong và ngoài nước trên website của Trung tâm, Facebook, nhóm Zalo. Phối hợp với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố tổ chức tư vấn, giới thiệu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh THPT, sinh viên, bộ đội xuất ngũ, thanh niên..., tạo sự kết nối giữa người lao động và người sử dụng lao động... Bên cạnh đó, Trung tâm thu thập thông tin nhu cầu lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh, thực hiện kết nối, ký hợp đồng cung ứng lao động cho các DN có nhu cầu tuyển dụng lao động.

Đặc biệt, các phiên giao dịch việc làm của Trung tâm luôn nhận được sự quan tâm của nhiều DN và người lao động. Tại mỗi phiên giao dịch có từ 30 - 50 DN, trường nghề tham gia giao dịch; có 500 - 1.000 lượt lao động được tư vấn, giới thiệu việc làm trong nước và nước ngoài. Đơn cử như năm 2022, Trung tâm đã tổ chức 24 phiên giao dịch việc làm trong đó 19 phiên giao dịch định kỳ hàng tháng và 5 phiên giao dịch online kết nối các tỉnh. Tổng số



công ty tham gia là 394, trong đó: 178 công ty tham gia tuyển dụng trực tiếp và 216 công ty gửi thông báo. Có trên 2,2 nghìn người lao động đến tham gia tuyển dụng tại các phiên giao dịch việc làm đã được tư vấn về chính sách bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), dạy nghề, giới thiệu việc làm trong và ngoài nước. Trên 31,7 nghìn lượt người tương tác với các thông báo tuyển dụng trên mạng xã hội. Đến nay, sau hơn 30 năm xây dựng và phát triển, Trung tâm đã tư vấn và giới thiệu việc làm trong nước cho trên 90 nghìn lao động.

Bên cạnh kết nối cung cầu trong nước, Trung tâm Dịch vụ việc làm Thái Bình cũng luôn làm tốt hoạt động liên kết tư vấn, giới thiệu cho người lao động đi làm việc có thời hạn tại một số quốc gia, vùng lãnh thổ. Từ khi thành lập đến nay, Trung tâm đã tư vấn và giới thiệu xuất khẩu lao động cho trên 13 nghìn lao động đi làm việc có thời hạn tại các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản, Malaysia, Đài Loan, Nga, Đức,...

Ngoài thực hiện nhiệm vụ kết nối cung cầu lao động, Trung tâm Dịch vụ việc làm Thái Bình luôn tích cực phối hợp và liên kết đào tạo nghề cho người lao động. Hơn 30 năm qua, Trung tâm đã tổ chức tư vấn định hướng và đào tạo nghề cho 52.714 lượt lao động và học sinh các trường THPT, đào tạo miễn phí cho 18.375 lao động nông thôn. Hiện Trung tâm đang liên kết với các trường đại học, cao đẳng tổ chức đào tạo đại học từ xa cho hàng trăm học viên với các chuyên ngành như: Luật, Luật kinh tế, kế toán, kế toán liên thông, quản trị kinh doanh, ngôn ngữ Anh, công nghệ thông tin, tài chính ngân hàng... Hoạt động tư vấn, liên kết đào tạo nghề của Trung tâm thời gian qua đã góp phần vào việc nâng cao



Tư vấn giới thiệu việc làm cho lao động trong nước tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Thái Bình

chất lượng nguồn nhân lực của Tỉnh, giúp người học nghề cơ hội tìm được công việc với mức thu nhập cao hơn.

Đối với công tác thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), Trung tâm luôn kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh, bảo đảm quyền lợi cho người lao động. 100% lao động khi đến đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp đều được tư vấn học nghề và việc làm mới nhằm tạo điều kiện cho họ sớm quay lại thị trường lao động. Trong 12 năm (2010 - 2022) triển khai chính sách BHTN, Trung tâm đã tổ chức tiếp nhận hồ sơ của 75.395 lao động thất nghiệp và tham mưu trình Sở Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành quyết định trợ cấp thất nghiệp cho 74.190 lao động, tư vấn cho gần 1.000 lao động tham gia học nghề. Đặc biệt, Trung tâm thường xuyên chú trọng tuyên truyền chính sách về BHTN đến doanh nghiệp và người lao động.

Thời gian tới, Trung tâm Dịch vụ việc làm Thái Bình tiếp tục tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để tổ chức hệ thống sàn giao dịch việc làm;

từng bước hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động bảo đảm đồng bộ, xuyên suốt trên địa bàn tỉnh và có khả năng kết nối liên thông cung - cầu lao động với các tỉnh, thành phố trên cả nước. Bên cạnh đó, Trung tâm tập trung tổ chức tư vấn chuyên sâu về ngành nghề đào tạo đến người lao động, chú trọng những ngành nghề mà nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, địa phương đang cần; đẩy mạnh liên kết với các DN có chức năng xuất khẩu lao động, vừa học vừa làm có uy tín tham gia hoạt động tư vấn tại sàn giao dịch việc làm. Đặc biệt, Trung tâm sẽ phối hợp với các trường THPT và các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, thành phố để đẩy mạnh công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, tiếp tục thực hiện tốt chính sách BHTN trên địa bàn tỉnh... Trung tâm đặt mục tiêu đến năm 2025 có 40% và năm 2030 có 45% lao động trong tỉnh được tư vấn và giới thiệu việc làm, từng bước phát triển thành đơn vị đi đầu trong lĩnh vực tư vấn, giới thiệu việc làm tại địa phương./.

Minh Hùng

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ II - 10/2023 (656) Ra hàng tháng. Năm thứ 62

Phó Tổng biên tập phụ trách: BÙI BÍCH THỦY - Phó Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In ấn Đa sắc

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Hội thảo Hướng dẫn xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định, Hướng dẫn, Nội quy của ngành Thống kê

2. Tổng cục Thống kê họp đầu mối các Nhóm công tác ASEAN và đơn vị liên quan

KINH TẾ - XÃ HỘI

4. Bức tranh tăng trưởng cả nước 9 tháng và kỳ vọng khởi sắc trong những tháng còn lại của năm 2023

Nguyễn Thị Mai Hạnh

7. Việt Nam khai thác tốt tiềm năng kinh tế số

ThS. Phạm Linh Giang - ThS. Nguyễn Thị Nga

10. Hiệu quả từ các chính sách hỗ trợ thuế

Thu Hường

12. Xuất, nhập khẩu hàng hóa: Hy vọng khởi sắc những tháng cuối năm

ThS. Nguyễn Thị Thọ

15. Ngành dệt may xoay sở trong khó khăn

ThS. Đỗ Thị Lan

18. Tăng cường quản lý và giám sát mã số vùng trồng cho nông sản xuất khẩu

Trang Nguyễn

20. Hành trình đưa văn hóa Việt Nam ra thế giới

Bích Ngọc

TƯ LIỆU ĐỊA PHƯƠNG

23. Tiền Giang: Kết quả nửa đầu nhiệm kỳ 2020-2025

Duy Hưng

26. Chuyển đổi số trong công tác thống kê tại Cục Thống kê tỉnh Bình Định

Nguyễn Thị Mỹ

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

28. Quảng Trị - Quyết tâm đẩy lùi tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống đồng bào dân tộc thiểu số

30. Hà Giang: Mô hình cải tạo vườn tạp giúp bà con dân tộc thiểu số phát triển kinh tế

Minh Thu

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

33. Cách tính Chỉ số phát triển con người của Liên Hợp Quốc và việc vận dụng phương pháp tính đối với cấp tỉnh, thành phố của Việt Nam

Nguyễn Thị Thanh Huyền

36. Năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2022 - Thực trạng và giải pháp

ThS. Hồ Lê Tấn Thanh - ThS. Dương Thị Thanh Huyền

QUỐC TẾ

41. Biến đổi khí hậu vẫn là thách thức lớn của thế giới

Kim Hải

THÁI BÌNH: ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

44. Thái Bình: Đẩy mạnh đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho người lao động

Minh Châu

45. Y tế Thái Bình: Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân

Trịnh Long

47. Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình: "Trao chất lượng - nhận niềm tin"

Đình Long

48. Bệnh viện Mắt Thái Bình: Ứng dụng trên 90% các kỹ thuật nhãn khoa tiên tiến

Thành Nam

50. Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thái Bình: Vì thành phố ngày càng sáng - xanh - sạch - đẹp

51. Trung tâm Dịch vụ việc làm Thái Bình: Phát huy tốt vai trò cầu nối "người tìm việc - việc tìm người"

Minh Hùng

Giá: 27.000 đ

THÁI BÌNH: ĐIỂM SÁNG TRONG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM XÃ HỘI

Những năm gần đây, Thái Bình luôn là tỉnh đứng trong tốp đầu toàn quốc về kết quả phát triển BHXH tự nguyện. Riêng năm 2021, trên địa bàn tỉnh số người mới tham gia BHXH tự nguyện tăng thêm hơn 14 nghìn người, tương đương với tổng số tăng các năm từ năm 2020 trở về trước. Năm 2022, tăng gần 11,9 nghìn người so với năm 2021. Hiện toàn tỉnh Thái Bình đã có gần 55 nghìn người tham gia BHXH tự nguyện.

Bên cạnh đó, Thái Bình là một trong những Tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo phát triển người tham gia BHXH, BHYT từ cấp tỉnh, cấp huyện đến cấp xã. Nhờ đó, sự phối hợp giữa cơ quan BHXH với các ngành, các địa phương ngày càng chặt chẽ trong thực hiện các chỉ tiêu phát triển người tham gia BHXH hàng năm.

Để đảm bảo vệ quyền lợi cho người lao động, BHXH tỉnh Thái Bình luôn tích cực tuyên truyền để các đơn vị sử dụng lao động nghiêm túc thực hiện các quy định về luật BHXH, đồng thời kiên quyết xử lý các tổ chức, cá nhân cố tình chậm đóng, trốn đóng hoặc có hành vi gian lận, trục lợi quỹ BHXH, BHYT.

Bên cạnh việc luôn hoàn thành tốt các chỉ tiêu về độ bao phủ BHXH, BHXH tỉnh Thái Bình còn đẩy mạnh công tác truyền thông chính sách pháp luật về BHXH đến với người dân. Các hoạt động tuyên truyền được thực hiện dưới nhiều hình thức như thông qua báo, đài; trên các trang mạng xã hội; thông qua các hội nghị báo cáo viên... Riêng với BHXH tự nguyện, tỉnh Thái Bình đã giao chỉ tiêu phát triển người tham gia cho các xã, phường, thị trấn, đồng thời công tác tuyên truyền được thực hiện

Những năm qua, ngành Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Thái Bình đã phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành để thực hiện chính sách BHXH đạt hiệu quả, củng cố vững hệ thống an sinh xã hội, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội mà tỉnh Thái Bình đã đề ra.

linh hoạt, trong đó chú trọng vào tuyên truyền trực tiếp theo các nhóm nhỏ tại các thôn, tổ dân phố.

Là tỉnh có số người tham gia BHXH tăng nhanh qua từng năm, nên áp lực đối với cơ quan BHXH trong việc chi trả các chế độ BHXH cũng rất lớn. Bình quân hàng tháng, BHXH chi trả cho khoảng 112 nghìn lượt người hưởng các chế độ về BHXH, bảo hiểm thất nghiệp. Do đó, BHXH Tỉnh luôn tích cực đổi mới phương thức chi trả, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa các thủ tục hành chính để chi trả kịp thời, an toàn, chính xác cho người thụ hưởng. Hiện nay, 100% người thụ hưởng đã sử dụng thẻ chi trả thay phiếu lĩnh lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng. Việc chi trả các chế độ BHXH qua phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt được đẩy mạnh. Các hình thức chi trả chế độ ngắn hạn cho người lao động được thực hiện linh hoạt thông qua tài khoản cá nhân hoặc tài khoản của đơn vị sử dụng lao động. Với việc chi trả kịp thời, chu đáo, an toàn đã giúp người tham gia bảo hiểm ổn định cuộc sống, qua đó đã tác động tích cực đến hoạt động phát triển người tham gia BHXH, BHYT.

Năm 2023, BHXH tỉnh Thái Bình phấn đấu phát triển thêm 15 nghìn người tham gia BHXH tự nguyện, nâng tổng số người đang tham gia đạt 67.770 người. Để hoàn thành chỉ tiêu giao về phát triển BHXH tự nguyện, hướng tới mục tiêu BHXH toàn dân, BHXH Tỉnh tích cực tham mưu, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác phát triển người tham gia BHXH tự nguyện; giao chỉ tiêu, rà soát, đôn đốc tiến độ thực hiện chỉ tiêu giao về BHXH tự nguyện của từng xã, phường, thị trấn trên địa bàn Tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về phương thức, mức đóng, quyền lợi được hưởng khi tham gia BHXH tự nguyện.

Tiếp tục quán triệt viên chức, người lao động toàn ngành đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, ý thức thực thi công vụ, phục vụ tốt quyền lợi của người tham gia và thụ hưởng chính sách BHXH, BHYT, coi đây là một yếu tố quan trọng để phát triển người tham gia BHXH tự nguyện nói riêng và mở rộng độ bao phủ BHXH, BHYT nói chung./.



Viên chức BHXH tỉnh Thái Bình hướng dẫn cài đặt và sử dụng ứng dụng VssID cho nhiều người dân tại thôn Tống Thổ Bắc - xã Đông Mỹ